

Pháp Trích Lục

T1

Huỳnh Văn Niệm soạn dịch
Sài Gòn, 1973 (PL 2517)

---oOo---

Nguồn

*<http://www.tuvienlienhoa.net>
Chuyển sang ebook 06-12-2017*

Người thực hiện :

Nguyễn Ngọc Thảo - thao.ksd.hng@gmail.com

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phapthihoi.org](http://www.phapthihoi.org)

Mục Lục

Lời tựa

Vài đặc-điểm về lịch-sử Đức Thích-Ca

Đức Phật thuyết cho vua Adjasattu nghe về những phương-pháp hành đạo

- 1- Nhà vua đi viếng Đức Thế Tôn
- 2- Vua Adjasattu xin Đức Phật giải về đạo-lý
- 3- Bước đầu của bậc xuất-gia
- 4- Phần Giới
- 5- Phần Định
- 6- Phần Huệ
- 7- Sự hối-hận của đức vua Adjasattu

Quán tưởng về sự chết

Năm điều lo sợ của hành giả ngụ nơi rừng vắng

1. Điều lo-sợ thứ nhứt
2. Điều lo-sợ thứ nhì
3. Điều lo-sợ thứ ba
4. Điều lo-sợ thứ tư
5. Điều lo-sợ thứ năm

Mãnh-lực của Thiên định

Bốn cách hành-động của chúng-sinh

Quán tưởng về sự già, đau, chết, chia lìa và luật nhân quả

Giới hạnh của người tu tại gia

Trí xét đoán chân-chánh của các bậc thiện-trí-thức

Cách dạy bảo của những bậc thiện-trí-thức

Ba cách điều-ngự

1. "Mà thế nào mới gọi là cách điều-ngự cái ta?"
2. "Còn thế nào mới gọi là cách điều ngự tam giới?"

3. "Và cách điều-ngự giáo pháp là thế nào?"

Tư-cách thoát khỏi thế-gian

Những cách mà thiên-hạ có thể nói về Đức Phật đúng theo sự thật

Đức Phật giải về đạo-quả của người tại-gia cư-sĩ

Những điều làm cho quốc-gia được cường-thịnh

Đức Phật thuyết về tư-cách phồn-thịnh của Tăng-chúng

Ba điều so-sánh của đức Bồ-tát trước khi đắc-đạo

Lý-thuyết "tứ diệu đế" và "thập nhị nhân duyên"

Tứ diệu đế

Thập-nhị nhân-duyên

Đức Phật tiên-đoán về sự suy-đồi của Phật giáo

Trước khi nhập Niết-Bàn, đức Phật giải về cách cúng dường cao-thượng

Phần Phụ-Trương

Tư-cách giảng-sinh vào lòng mẹ và tư-cách xuất-gia của đức Bồ-Tát trong kiếp chót

Sự-tích ông Devadatta hãm-hại Phật và chia rẽ Tăng-hội

Những việc đã xảy ra trong khi đức Thế Tôn nhập Niết-Bàn

Sử-tích kết-tập Tam-tạng Pháp-bảo

---o0o---

Lời tựa

Người tu Phật hằng xem vạn-vật với cặp mắt bàng-quan, không ức-đoán rằng đây là tốt, đó là xấu, đây đáng trọng, đó đáng khinh, mà chỉ tìm hiểu coi chúng nó có lợi-ích hay chẳng.

Người tu Phật, mỗi khi nghe được điều gì, chẳng vội tin mà cũng không vội bỏ, nên thí-nghiệm coi điều ấy đúng chân-lý hay sai chân-lý.

Người tu Phật không làm vừa lòng ai một cách trái lẽ, mà cố tìm phương-tiện để dìu-dắt đồng-loại đi đến nơi sáng-sủa.

* * *

Phật-giáo đã được phần lớn nhân-loại hoan-nghinh và thực-hành theo. Hiện nay, từ Âu sang Á, đâu-đâu cũng có nhiều bậc trí-thức để tâm nghiên-cứu Phật-pháp. Nhưng họ rất hoang-mang, điên-đảo trước vô-số tông-phái, không khác nào người thợ đốn cây phải lo-ngại lúc vào rừng để tìm cây danh mộc đang lẫn-lộn với các thứ cây khác.

Với thời-gian đã qua, Phật-giáo tại nước Ấn Độ bị ảnh-hưởng của các cuộc chiến-tranh, nên phải sai-lạc rất nhiều. Từ chỗ đơn-sơ khi xưa, các nhà vua ngoại-đạo đã chinh-phục xứ Ấn Độ, cho len-lỏi vào Phật-Giáo những nghi-thức thờ-phụng và tế-lễ rất phức-tạp mà chúng ta hằng thấy.

Hiện nay, khắp hàng Phật-tử trên thế-giới đều nương theo 84.000 pháp-môn của Đức Phật-Tổ "Thích-Ca Mâu-Ni" để tu học, đều lấy Niết-Bàn làm mục-đích giải-thoát, dầu rằng hình-thức Phật-Giáo bên ngoài có khác nhau, tùy theo phong-hóa của mỗi nước. Tuy-nhiên, chúng ta chớ chấp-nê vì đó mà bỏ mất cơ-hội để trau-giồi đạo-đức trong kiếp sống thừa.

Vì nghĩ như thế, nên chúng tôi không nệ tài hèn đức kém, soạn ra cuốn "Pháp Trích Lục" này để cung-hiến trong muôn một, cho các bạn nhiều bài pháp ngắn - nhưng đầy ý-nghĩa - trong những kinh sách mà chúng tôi đã được xem qua.

Ngôn-ngữ trong cuốn sách này chứng tỏ sự giản-dị của Phật-Giáo hồi lúc sơ-khai. Mỗi khi có dịp tiếp-xúc với hàng tứ-chúng, tùy theo sự hiểu biết của từng hạng người, Đức Thế Tôn dùng lời nói gọn-gàng và dễ hiểu, để dạy bảo người tu Phật về những phương-pháp tu-hành cho mau dứt khổ. Ngài có tránh những lý-thuyết viển-vông, chẳng có lợi-ích chi cho đường giải-thoát.

Vậy chúng tôi mong cầu các bạn vui lòng hưởng-ứng và cứ tự-tiện xét đoán về sự lợi-ích của soạn phẩm này và cũng xin chư cao tăng đại-đức, cùng các bậc cư-sĩ, nếu thấy điều chi sơ-thất, xin quý ngài vui lòng chỉ giáo, chúng tôi rất đa-tạ.

Quyển sách này chia làm ba đoạn:

- 1) Đoạn đầu nói về những pháp của Đức Phật đã thuyết ra để dạy bảo hàng tại-gia và bậc xuất-gia nên tu cách nào cho mau tấn-hóa.
- 2) Đoạn giữa là phần phụ-trưng, có chép những sử-tích về: Tư-cách giảng-sinh của Đức Bồ Tát trong kiếp chót, Tích ông Đề Bà Đạt Đa chia rẽ tăng-hội và hãm-hại Đức Phật, và cuộc lễ trà-tỳ (thiêu) kim-thân Đức Thế Tôn.
- 3) Đoạn chót nói về "Lịch-sử kết tập Tam-Tạng Pháp Bảo".

Mong thay!

Soạn-giả

Huỳnh Văn Niệm.

---o0o---

*"Hết ngày này qua ngày khác, hết giờ nọ sang giờ kia, anh thợ vàng phải công-phu mới lọc ra được chất vàng-ròng như thế nào?"
"Người muốn cho thân tâm mình trở nên trong sạch cũng phải cố-gắng khó-nhọc như thế ấy".*

-- DHAMMAPADA (Pháp Cú Kinh)

Vài đặc-điểm về lịch-sử Đức Thích-Ca

Muốn tin-tưởng, hấp-thụ Phật-Giáo phải cần biết rõ thân-thế và những đức-tính của Đức Phật.

* * *

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa

Đức Phật Thích-Ca, lúc chưa thành đạo, lấy tên là Siddhattha (Sĩ Đạt Ta), Ngài vốn thuộc giòng Sakya (Thích-Ca), ra đời vào năm 623 trước Tây lịch, tại huê-viên Lumbini (Lâm-Tỳ-Ni), trong một nước nhỏ (hiện nay là xứ Népal) nằm dưới chân núi Hy Mã Lạp Sơn. Ngài là con của quốc-vương Suddhodana (Tịnh Phạm) trị-vị tại thành Kapilavatthu (Ca Tỳ La Vệ) và hoàng-hậu Mahamayā (Ma Da). Lịnh Mẫu-Hoàng thăng-hà 7 hôm sau khi sinh Ngài. Vợ của Ngài là công-chúa Yasodhara (Da Du Đà La) của tiểu quốc Deva-Gaha, sanh được một trai là thái-tử Rahula (Ra Hầu La), cùng một hôm với cơ-hội xuất-gia của Ngài.

Từ thuở bé, đông-cung Siddhattha đã có tánh hay ngồi yên-tĩnh trong nơi thanh-vắng, trầm-tư mặc-tượng. Đây là khởi-điểm của phép thiền-định về sau.

Nhờ trải qua nhiều kiếp Bồ-Tát, tâm từ-bi, bác-ái của Ngài được tấn-triển một cách triệt-đề. Sự đau khổ của một con vật nhỏ-nhít cũng đủ làm cho Ngài cảm-động, xót thương. Một lá vàng rơi xuống đất cũng khiến Ngài nghĩ-ngợi. Mỗi hoàn-cảnh quanh mình đều đem lại cho Ngài một bài học đích-đáng về ba tướng: vô-thường, khổ-não, vô-ngã, của muôn loài.

Sau khi ra dạo chơi ngoài bốn cửa thành, được mục-kiến những cảnh-tượng: già, bệnh, chết, Ngài thấy rằng tất cả vạn-vật trên vũ-trụ toàn là bào-ảnh.

Tự xét rằng: "Ở trong gia-đình, hằng bị nhiều điều ràng buộc. Chỉ có ra khỏi gia-đình mới mong được tự-do hạnh-phúc". Lúc vừa 29 tuổi, một thời-kỳ tươi đẹp nhất của con người, Đức Bồ-Tát rời bỏ cung vàng điện ngọc, đoạn-tuyệt thân-bằng quyến-thuộc, cắt tóc, cạo râu, mặc áo cà-sa, dấn thân vào rừng sâu núi thẳm, sống trong cảnh màn trời chiếu đất, bữa đói, bữa no. Ngài mang theo chí-nguyện: làm sao tìm được khoa linh-dược để chữa bệnh sâu-khổ cho tất cả chúng-sinh.

Đem ngôi-vị đế-vương đổi lấy cuộc đời vất-vả của một người hành-khất, trong sáu năm suy-xét tìm tòi, Đức Bồ-Tát có dịp đem ra thí-nghiệm nhiều

phương-pháp hành đạo của mấy phái cực-đoan. Ngài khổ-hạnh cho đến mức tột cùng của hàng tu khổ hạnh, xong vô hiệu-quả.

Rốt cuộc, Ngài tìm được chân-lý, đúng với con đường trung-đạo của Chư Phật quá-khứ. Chẳng nệ nắng táp mưa sa, cố công, trì-chí, hành-trình kham-khổ theo đường ấy, lần hồi Ngài gỡ được mối thắt-mắc của sợi dây nhân-duyên gồm có mười hai khoen, cái này dính với cái kia, cái kia nối theo cái nọ. Tất cả sự bí-mật về tư-cách sinh diệt của vạn-vật, chúng-sinh, đều ở trong mười hai cái khoen ấy. Muốn khỏi sanh diệt, cần phải đập vỡ sợi dây nhân-duyên kia mới được. Ngài biết rõ rằng sở-đĩ chúng-sinh phải khổ là vì lòng tham muốn. Nhờ đặc huệ nhãn, Ngài dòm thấy trong tất cả chúng-sinh, dầu ở cõi trời¹, cũng bị sinh diệt. Ngoài ra, chẳng có bậc Tự-Tại Thiên nào có đủ năng-lực tạo-tác và cai-quản vạn-vật cả. Trong lúc ấy, Ngài tự tìm thấy hai pháp-môn: Tứ Diệu Đế và Thập Nhị Duyên Khởi, có thể đem chúng-sinh ra khỏi vòng sanh tử luân-hồi.

Từ khi đắc đạo quả và trở thành một bậc Chánh Đẳng Chánh Giác, Ngài luôn-luôn đi từ thành này đến thành nọ để hoằng-pháp, độ-sinh; Ngài đem giáo pháp của Ngài ra chỉ bảo cho mọi người để khỏi khổ, được vui, và đó cũng là một giải-pháp duy-nhất để diệt-tận phiền-não.

Bên trong, Đức Phật dựng ngôi Tam-Bảo, rèn tập tăng-chúng ăn ở theo khuôn-khổ giới-luật, tham-thiền, quán tưởng. Bên ngoài, Ngài khuyến hóa hàng thiện-nam, tín-nữ lánh dữ làm lành, tu thân, tích đức. Đức Thế Tôn dùng xác thân giả tạm của mình làm gương mẫu cho người bất chước hành theo. Mỗi việc làm, lời nói hay ý nghĩ của Ngài đều đúng theo chân-lý. Từ hàng vương-giả đến nhóm cần-lao, Ngài đều đề tâm ái-truất một cách bình-đẳng và cương-quyết đánh đổ lý-thuyết phân chia giai-cấp của Bà La Môn Giáo. Trong 45 năm hoằng-pháp, vô-số chư-thiên, nhân-loại nhờ hấp-thụ lời giáo-huấn của Ngài mà được giải-thoát.

Tiểu-sử Đức Bổn Sư Thích-Ca Mâu-Ni gồm lại có ba thời-kỳ:

- a) 29 năm ở ngôi thái-tử trong cung-cấm,
- b) 6 năm làm bậc sa-môn đi tìm đạo giải-thoát nơi chốn rừng sâu, và
- c) 45 năm hoằng-pháp độ-sinh.

Đến khi tuổi chẵn tám mươi, phận-sự độ đời vừa dứt, Đức Thế Tôn nhập Niết-Bàn trên tảng đá giữa hai cây Sa La, gần thành Kusināra. Tuy Ngài đã diệt độ, nhưng còn truyền lại 84.000 pháp-môn để tiếp-dẫn kẻ hậu-lai cho đến khi Phật-Giáo được năm ngàn năm.

Pháp trích lục

"Nếu không có cái sanh, cái già, cái chết, thì đấng Như Lai chẳng giáng-trần làm gì, và Phật Pháp cũng chẳng có cơ-hội để rải tủa ánh-sáng siêu-việt trên khắp thế-gian".

-- *Anguttara Nikāya*

Đức Phật thuyết cho vua Adjasattu² nghe về những phương-pháp hành đạo

1- Nhà vua đi viếng Đức Thế Tôn

Ta³ có nghe như vậy:

Thuở nọ, Đức Thế Tôn đang ngự tại thành Radjagaha (Vương Xá), trong vườn xoài của ông Jīvaka, cùng với 1.250 vị tỳ-khưu.

Cũng trong khi ấy, nhằm hôm trăng tròn tháng Kattika (từ tháng 9 đến tháng 10 âm lịch, sau lúc ra hạ), đức vua trị-vì xứ Magadha (Ma kiệt Đà), là Adjasattu, cùng các quan văn-võ triều-thần đồng nghiêm-trì giới hạnh⁴. Đức vua ngự lên tầng cao nhất trong đền. Lúc bấy giờ, với tâm trong sạch, nhiệt-thành, ngài phán ra như vậy: "Đêm trăng hôm nay vui thật, đêm trăng hôm nay đáng mến thật! Đẹp đẽ thay, quý-hóa thay, cái đêm sáng-lạng như vậy! Đêm nay ắt đem lại cho chúng ta nhiều điềm tốt chẳng sai! Vậy chẳng biết có bậc đạo-sĩ nào, bậc sa-môn nào, đáng cho ta sùng-bái để mong cầu cho tâm-trí được an vui, mát mẻ hay chẳng?" (Có vài vị quan yêu cầu nhà vua nên đến viếng sáu vị giáo-chủ ngoại-đạo, nhưng đức vua chẳng nhận lời).

Khi ấy, có ông Jīvaka đang đứng yên lặng gần bên đức vua. Ngài phán hỏi ông Jīvaka rằng: "Này Jīvaka, hôm nay tại sao hiền-khanh lại đứng lặng thinh như thế?"

- "Tâu Bệ-Hạ, bậc tối-thượng, bậc trọn-lành, bậc hoàn-toàn giác-ngộ ấy, hiện bây giờ đang ngự tại vườn xoài của kẻ hạ-thần với một số đông thầy tỳ-khưu gồm lại có 1.250 vị. Tâu Bệ-Hạ, thỉnh-danh của Đức Gotama được đồn ra khắp xa gần như vậy: "Ngài là bậc Thế Tôn, bậc trọn-lành, bậc hoàn-toàn giác-ngộ, có sự thông-hiểu nhiệm-mầu, có giới hạnh thanh-cao, bậc đã thoát khỏi vòng khổ-não, bậc thầy cả chư-thiên và nhân-loại, bậc Chánh Đẳng Chánh Giác!" Tâu Bệ-Hạ, vậy xin ngài ngự đến đó để cúng dường Đức Thế Tôn, thì tâm-trí Bệ-Hạ sẽ được an vui, mát mẻ chẳng sai".

Đức Vua phán rằng: "Này hiền-khanh Jīvaka, vậy khanh hãy lo sắp đặt một đoàn voi cho trầm".

- "Tâu Bệ-Hạ, kẻ hạ-thần xin vâng".

Ông Jīvaka liền cho thặng 500 voi cái và một thớt voi riêng của nhà vua. Xong việc, ông đến tâu cho vua rõ.

Đức vua liền truyền-lệnh đặt các công-phi mỹ-nữ trên lưng 500 voi cái, còn ngài thì ngự trên thớt voi riêng của mình. Rồi đó, cùng với đoàn tùy-tùng, đèn đuốc sáng rõ, vua Adjasattu rời khỏi thành Radjagaha để thân-hành đến vườn xoài của ông Jīvaka. Lúc gần đến nơi, nhà vua bỗng-nhiên phát tâm bồn-chôn, lo-sợ, và hỏi ông Jīvaka rằng: "Này hiền-khanh có ý gạt-gẫm, hãm-hại trẫm, đem trẫm nạp cho quân-thù chăng? Chớ tại duyên-cớ nào, với một nhóm đông thầy tỳ-khưu gồm tới 1.250 vị, mà chúng ta chẳng nghe một tiếng khua-động, một tiếng ho, một tiếng kêu la gì cả?"

Ông Jīvaka liền tâu rằng: "Tâu Bệ-Hạ, kẻ hạ-thần chẳng có ý gạt-gẫm, hãm-hại hoặc đem Bệ-Hạ nạp cho quân nghịch đâu. Vậy xin Bệ-Hạ hãy bình tâm bước tới. Đàng trước kia là ánh đèn trong tịnh-xá".

Đức vua cho đoàn voi đi suốt khoảng đường thuận-tiện, rồi ngài để chân xuống đất, đi lần đến cửa tịnh-xá. Lúc tới nơi, ngài phán hỏi ông Jīvaka rằng: "Vậy chớ Đức Thế Tôn ở chỗ nào?"

- "Tâu Bệ-Hạ, Đức Thế Tôn chính là vị đang ngồi gần cây cột giữa, trước mặt Ngài là hàng tầng-chúng".

Nhà vua đến gần Đức Thế Tôn rồi đứng một bên. Ngài nhìn xem khắp hàng tầng-chúng, thấy mỗi vị đều ngồi im-lìm như mặt nước hồ trong-trẻo, phẳng-lặng. Vua Adjasattu liền bạch với Đức Phật như vậy: "Bạch Đức Thế Tôn, đông-cung Udāyibhadda là con yêu-quí của trẫm. Trẫm nguyện sao cho đông-cung hằng được tâm-trí yên lặng cũng như chư-tăng hôm nay!"

Đức Phật thốt lên rằng: "Lành thay! Lành thay!".

2- Vua Adjasattu xin Đức Phật giải về đạo-lý

Vua Adjasattu chấp tay, nghiêng mình, đánh lễ Đức Thế Tôn, rồi ngồi kế bên. Ngồi xong, nhà vua bạch với Đức Thế Tôn rằng: "Bạch Đức Thế Tôn, trẫm muốn hỏi vài điều, nhưng chẳng biết Đức Thế Tôn có vui lòng chỉ dạy chăng?"

- "Đại-Vương cứ việc tùy-tiện".

- "Bạch Đức Thế Tôn, có rất nhiều công việc khác nhau, như những nghề: khiển voi, giữ ngựa, đánh xe, vác cò, sĩ-quan, cung-cấp quân-nhu, công-hầu, vương-tôn, hoàng-tử, dẫn đường cho chiến-binh, dũng-sĩ, kỵ-mã, tôi-tớ, đầu bếp, thợ cạo, thợ kết tràng hoa, thợ giặt, thợ dệt, thợ đan thúng, thợ gốm, bút-toán, thợ-ký, vân-vân ... Bạch Đức Thế Tôn, những nghề ấy đem lại

phước báu rõ-rệt cho người đời trong kiếp hiện-tại. Nhờ các công-nghệ đó mà họ được an vui, giàu có, và làm cho tất cả cha mẹ, vợ con, thân-bằng quyến-thuộc cũng được vui-vẻ, giàu có như họ. Bạch Đức Thế Tôn, còn các bậc đạo-sĩ hay Bà La Môn⁵ thì chế-biến ra những cuộc tế-lễ đáng đem lại phước báu an vui nơi cõi trời. Bạch Đức Thế Tôn, vậy chớ hiện bây giờ đây, chẳng biết có cách nào để chỉ cho họ thấy rõ phước báu về sự hành đạo của các bậc xuất-gia tu theo Phật-Giáo chăng?"

Đức Phật liền giải cho vua nghe các phước báu cao-thượng về sự xuất-gia hành đạo, nhất là trong khi Đức Phật còn tại thế. Xong rồi, Đức Thế Tôn lại thuyết cho vua Adjasattu nghe luôn những cách trau-giồi thân tâm của thầy tỳ-khuru theo phương-pháp: Giới, Định, Huệ.

3- Bước đầu của bậc xuất-gia

Đức Phật thuyết tiếp như vậy: "Này Đại-Vương, trong trường-hợp này, có một đấng Như Lai, một bậc Toàn-Giác, một bậc Trọn-Lành, một bậc Thế Tôn suốt-thông Tam-Giới, một đấng thầy cả chư-thiên và nhân-loại, một vị Phật Tổ, xuất-hiện trong thế-gian".

"Này Đại-Vương, có một người kia nghe Phật-pháp, bèn hết lòng tin-tưởng Đức Như Lai, phát tâm suy-nghĩ như vậy: "Sống trong gia-đình, phải gặp biết bao nhiêu điều trở-ngại, xấu-xa. Chỉ có rời khỏi gia-đình mới mong đến chỗ tự-do. Kẻ tại-gia khó bề thực-hành đạo-đức cho được trong sạch, vuông tròn, trọn-tru như hòn ngọc quý. Vậy tương-lai sẽ ra sao, nếu ta cắt tóc, cạo râu, mặc y màu vàng, bỏ nhà để đi tìm một đời sống vô gia-đình?"

4- Phần Giới

"Ra đi rồi, thầy tỳ-khuru luôn-luôn ở trong khuôn-khổ giới-luật, cố gắng ăn ở theo đường chánh. Dầu một lỗi nhỏ, người cũng chẳng dám phạm và coi đó là một điều tai-hại. Thầy tỳ-khuru ráng tu tập cho mau dứt khổ. Mỗi việc làm hay lời nói của người đều đúng theo chân-lý. Thầy tỳ-khuru nuôi mạng mình bằng một cách chính-đáng⁶, gìn giữ giới-luật luôn-luôn trong sạch, thu-thúc lục-căn, có đầy đủ sự ghi nhớ biết mình. Người phát tâm thoả-thích, vừa lòng trong giới bản".

"Này Đại-Vương, vậy chớ thế nào mới gọi là thầy tỳ-khuru có giới trong sạch?"

"Trong điều này:

1) Thầy tỳ-khuru phải cố tránh sự sát hại sinh-vật và phải diệt trừ cái tâm muốn sát hại. Người chẳng dùng đến dao mác, luôn-luôn khiêm-nhượng và có lòng từ-bi, bác-ái đối với tất cả mọi loài;

- 2) Ngoài các vật dụng do tín-thí dâng cúng, thầy tỳ-khuru chẳng hề lấy món chi không phải của mình; người cố gắng diệt trừ tánh tham-lam và xa-lánh những sự trộm cắp;
- 3) Thầy tỳ-khuru phải cố tránh xa tình-dục và tìm sống riêng-biệt một cách tinh-khiết;
- 4) Thầy tỳ-khuru phải cố tránh xa sự nói dối, không nói lời giả-trá, chẳng gạt gẫm ai; người chỉ nói điều chân-thật đáng cho kẻ khác tin-cậy;
- 5) Thầy tỳ-khuru phải tránh xa sự nói xấu kẻ khác, không nói lời đâm thọc, chẳng đem chuyện người này đi nói cho kẻ khác biết để sanh ra sự cãi-lẫy. Người phải có tánh hòa-nhã, rất vui thích trong sự hòa-nhã, khao-khát sự hòa-nhã, hằng đem lại sự hòa-thuận cho tất cả mọi người. Thầy tỳ-khuru phải cố tránh nói lời hung-dữ; người chỉ thốt ra những lời lành, dịu ngọt, lễ-độ nghe vừa tai;
- 6) Thầy tỳ-khuru phải cố tránh những lời nói vô-ích, chỉ nói những lời ngay thật, có lợi-ích và những chuyện đạo-đức;
- 7) Thầy tỳ-khuru phải cố tránh sự phá-hại cây trái;
- 8) Thầy tỳ-khuru phải dùng vật thực theo giờ nhất-định, chẳng ăn chiều và ăn quá độ;
- 9) Thầy tỳ-khuru phải tránh xa sự múa hát, kèn đờn, dùng tràng hoa, chất thơm, các vật trang-điểm, nằm giường cao chiếu rộng, thọ lãnh vàng bạc, trái cây tươi⁷, thịt sống. Không nên thu-nạp phụ-nữ, tôi-tớ trai hay gái, dê, cừ, gà, vịt;
- 10) Thầy tỳ-khuru không được lãnh đem tin hay giúp việc cho kẻ thế, không nên mua bán, thêm bớt cân lượng, làm đồ kim-khí giả-mạo, không nên gạt-gẫm dối-trá làm cho người thất-vọng, không nên làm khó kẻ khác.

Như thế gọi là thầy tỳ-khuru có giới trong sạch".

"Này Đại-Vương, vậy chớ thế nào mới gọi là thầy tỳ-khuru biết thu-thúc lục-căn?"

"Trong điều này, khi mắt trông thấy vật chi, thầy tỳ-khuru không nên quan-tâm đến hình-sắc của nó. Muốn ngăn-ngừa những tư-tưởng xấu-xa, tội-lỗi có thể xâm-nhập vào tâm, thầy tỳ-khuru phải cố thu-tâm con mắt lại, không cho nó tiếp-xúc với sắc trần. Khi lỗ tai nghe, khi lưỡi nếm, khi mũi ngửi, khi thân đụng chạm vật chi, khi tâm tiếp-xúc với vật gì, thầy tỳ-khuru phải giữ về bình-tĩnh, không để cho tâm xao-động vì các sự vui hay khổ. Khi lục-căn trở nên thanh-tịnh, thầy tỳ-khuru phát tâm thoả-thích, vừa lòng.

Như thế gọi là thầy tỳ-khuru biết thu-thúc lục-căn".

"Này Đại-Vương, còn thế nào mới gọi là thầy tỳ-khuru có sự ghi nhớ và biết mình?"

"Trong điều này, khi thầy tỳ-khuru đi tới, phải biết rằng mình đi tới, khi đi lui, cũng phải biết mình đi lui, khi ngó phía trước, xem chung-quanh, đứng một chỗ hay khi nằm, lúc mặc y, mang bát, bát ở bên trong, y phủ bên ngoài, lúc độ vật thực, đi tiểu-tiện, vân-vân ... mỗi-mỗi đều phải biết mình.

Như thế gọi là thầy tỳ-khuru có sự ghi nhớ và biết mình".

"Này Đại-Vương, còn thế nào mới gọi là thầy tỳ-khuru có đức tri-túc?"

"Trong điều này, thầy tỳ-khuru phải có tâm vừa lòng, thỏa-thích, khi có cái y để che thân, có chút ít vật thực để nuôi mạng sống. Đi đến đâu, người chỉ đem theo có bấy nhiêu.

Như thế gọi là thầy tỳ-khuru có đức tri-túc".

5- Phần Định

"Khi thầy tỳ-khuru giữ gìn giới-luật được trong sạch, biết thu-thúc lục-căn cho thanh-tịnh, có sự ghi nhớ biết mình và có đức tri-túc rồi, thì phải tìm một nơi thanh-vắng, hoặc nơi nhà bỏ trống, trong rừng, dưới cội cây, trên ngọn đồi, trong hang đá, nơi mộ-địa hay một đồng rơm ngoài đồng trống. Sau lúc đi trì-bình trở về, độ ngộ xong, thầy tỳ-khuru ngồi bán-già, thân mình ngay thẳng, chăm chú vào pháp thiên-định".

A) Diệt trừ năm điều chướng-ngại:

- 1) Phá-tan được sự tham muốn ngũ-trần, thầy tỳ-khuru phát tâm trong sạch và thơ-thới;
- 2) Phá-tan được sự thù-oán, giận-hờn, thầy tỳ-khuru phát tâm từ-bi, thương-xót tất cả chúng-sinh;
- 3) Phá-tan được sự lười-biếng, thầy tỳ-khuru trở nên siêng-năng, sáng-suốt, biết mình;
- 4) Phá-tan sự phóng-tâm, thầy tỳ-khuru trở nên bình-tĩnh và không xao-lãng;
- 5) Phá-tan sự hoài-nghi, thầy tỳ-khuru có sự tin chắc về đạo quả của bậc thánh-nhân.

"Này Đại-Vương, không khác nào một người kia trả được xong món nợ, được qua khỏi cơn bệnh, được ra khỏi khám đường, khỏi làm tội mọi, tìm

được đường để ra khỏi bãi sa-mạc. Thầy tỳ-khưu rất vui lòng, toại-nguyện, khi đã thoát khỏi năm điều chướng-ngại ấy".

B) Đắc thiên-định:

"Khi đã tẩy-trừ được năm điều chướng-ngại rồi, lần-lần với tâm cố gắng, quả-quyết thực-hành những pháp cao-thượng, thầy tỳ-khưu đắc được bốn bậc thiên-định⁸. Chừng ấy, thầy tỳ-khưu trở nên trong sạch, nhẹ-nhàng, luôn-luôn vui thích trong chánh pháp".

6- Phần Huệ

A) Thấy rõ ba tướng: Vô-thường, Khổ-não, Vô-ngã

"Với cái tâm an-định, trong sạch, không nao-núng, không còn tham-dục ấy, thầy tỳ-khưu quán tưởng⁹ cho thấy rằng: "Đây là thân của ta, nó do bốn chất (tứ đại): đất, nước, gió, lửa tạo thành. Thân này do cha mẹ sinh ra, được nuôi dưỡng bằng sữa, bằng cơm, và phải bị rã rời, tiêu hoại. Còn đây là tâm của ta. Tâm này nương theo xác thân tứ-đại và phải chịu số-phận của ba tướng: vô-thường, khổ-não và vô-ngã".

B) Đắc các phép thần-thông, thiên-nhĩ-thông, tha-tâm-thông, túc-mạng-thông, thiên-nhãn-thông và lậu-tận-thông

"Với cái tâm an-định và cái chí tinh-tấn của mình, lần-lần thầy tỳ-khưu đắc được:

- 1) *Các phép thần-thông*, như là: bay trên hư không, đi trên mặt nước, chun xuống đất, hóa hình, vân-vân ...;
- 2) *Thiên-nhĩ-thông*: với phép mầu này, thầy tỳ-khưu có thể nghe được tiếng của chư-thiên và tiếng người, bất cứ xa hay gần;
- 3) *Tha-tâm-thông*: với phép mầu này, thầy tỳ-khưu có thể đoán biết được tư-tưởng của kẻ khác;
- 4) *Túc-mạng-thông*: với phép mầu này, thầy tỳ-khưu có thể nhớ lại các tiền-kiếp của mình. Thầy tỳ-khưu biết rằng kiếp nào mình có tên gì, thuộc về giòng-dõi nào, làm nghề gì, vui khổ ra sao, lúc chết thế nào, rồi được tái-sanh lại ở chỗ nào, có tên họ chi, vân-vân ... mỗi-mỗi đều nhớ rõ;
- 5) *Thiên-nhãn-thông*: với phép mầu này, thầy tỳ-khưu có thể thấy rõ cách sanh diệt của tất cả chúng-sinh. Người thấy các sinh-vật được sanh lên rồi bị diệt, diệt rồi lại tái-sanh, trong mỗi kiếp được vui hay khổ, sang hay hèn, tùy theo duyên nghiệp. Người thấy rõ rằng chúng-sinh nào có tà kiến, hay khinh rẻ những bậc hiền-triết, hằng làm việc

dữ do Thân, Khẩu, Ý; sau khi chết, phải chịu khổ trong cảnh địa-ngục. Còn chúng-sinh nào có chánh-kiến, biết kính-trọng những bậc đạo-đức, hằng làm việc lành do Thân, Khẩu, Ý; sau khi chết, được hưởng quả vui nơi cõi trời.

6) *Lậu-tận-thông*: với phép mầu này, thầy tỳ-khưu thấu rõ được lý "Tứ Diệu Đế" và phương-pháp diệt trừ phiền-não: Tham, Sân, Si. Người biết rằng đây là sự khổ, đây là nguyên-nhân của sự khổ, đây là sự diệt khổ và đây là con đường diệt khổ. Người biết rằng đó là nguyên-nhân làm cho phát-sinh phiền-não và đó là con đường để tẩy-trừ phiền-não. Khi thầy tỳ-khưu thấu rõ lý "Tứ Diệu Đế" và phương-pháp diệt trừ phiền-não rồi, thì tâm người được giải-thoát ra khỏi những sự: tham-dục, sân-hận, si-mê, và màn vô-minh cũng tận-diệt. Đạt được trí-huệ giải-thoát, thầy tỳ-khưu biết rằng đời đạo-đức mình đã được sống đầy đủ, việc nên làm, mình đã làm rồi, và chẳng còn phận-sự gì ở thế-gian này nữa".

7- Sự hối-hận của đức vua Adjasattu

Tới đây, vua Adjasattu bạch với Đức Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn, tuyệt-diệu thay! Tuyệt-diệu thay! Như người ta dỡ đứng dậy những vật chi ngã, tìm được vật gì bị giấu kỹ, chỉ nẻo cho người lạc lối, đem ngọn đuốc vào chỗ tối-tăm cho người có mắt thấy rõ mọi vật thế nào? Bạch Đức Thế Tôn, cũng như thế ấy, Đức Thế Tôn đã giải rõ giáo-pháp cho trăm nghe nhiều cách khác nhau. Vậy trăm xin nương nhờ nơi Phật, nơi Pháp, nơi Tăng. Xin Đức Thế Tôn nhận trăm là người thiện-nam kể từ nay cho đến trọn đời. Bạch Đức Thế Tôn, vì có tâm hung-dữ, si-mê, lầm-lẫn, và muốn đoạt ngôi vàng, nên trăm đã lỡ tay sát hại đấng phụ-vương là một vị vua công-bình và đức-hạnh. Bạch Đức Thế Tôn, vậy trăm xin sám-hối tội-lỗi đã qua, để trăm lo làm lành kể từ đây cho đến trọn đời".

- "Này Đại-Vương, quả thật vậy. Thuở trước kia, vì có tâm hung-dữ, si-mê, lầm-lạc, muốn đoạt ngôi vàng, nên Đại-Vương lỡ sát hại cha lành. Như Lai nhận lời thú-tội của Đại-Vương. Vì người nào biết ăn-năn, sám-hối tội-lỗi đã làm, người ấy đã được tấn-hóa trong giáo-pháp của Như Lai vậy".

Tới đây, đức vua Adjasattu đứng dậy từ-giã Đức Thế Tôn như vậy: "Bạch Đức Thế Tôn, trăm xin cáo-từ Đức Thế Tôn, vì trăm còn nhiều công việc phải làm".

- "Xin Đại-Vương cứ việc tùy-tiện".

Sau khi nhà vua đi rồi, Đức Phật liền thuyết các vị tỳ-khưu nghe như vậy: "Này các thầy tỳ-khưu, nhà vua rất ăn-năn, sám-hối. Nếu trước kia không có

phạm-tội giết cha, thì nội trong đêm nay đạo quả thánh-nhân sẽ mở rộng cho người chẳng sai".

-- DĪGHA NIKĀYA

---o0o---

Cái hại của ngũ-trần

Đức Thế Tôn có thuyết như vậy: "Hỡi các thầy tỳ-khuru! Trên dãy núi Hy Mã Lạp Sơn, có một vùng nọ mà bề giao-thông rất cam go, bất-tiện. Vùng ấy không phải dành riêng cho loài khí, mà cũng chẳng thuộc quyền sở-hữu của loài người. Có một vùng khác nữa, cũng khó-khăn, hiểm-trở như thế, để cho loài khí an-trú, nhưng hàng nhân-loại rất khó bề xâm-nhập được. Lại có những cánh đồng bằng, rộng-rãi phì-nhiều, để cho cả loài khí và loài người cùng sinh-sống. Hỡi các thầy tỳ-khuru! Chính tại chốn này, trên những đường mòn, mà các bầy khí thường lui tới, người thợ săn có đặt một cái bẫy bằng nhựa cây. Khi ấy, những con khí nào sáng-suốt, không tham ăn, dòm thấy cái bẫy nhựa đều nhảy ngang qua để tránh. Nhưng có một con khí kia dốt, tham ăn, men lại gần, lẩy một chân rờ lên bẫy. Chân ấy bị dính vào chất nhựa. Nó bèn nghĩ rằng: "Vậy ta hãy gỡ chân ấy ra". Nó để một chân khác lên bẫy, nhưng cũng bị dính luôn. Muốn gỡ hai chân trước, nó để thêm một cái chân thứ ba. Muốn gỡ chân thứ ba, nó đặt thêm cái chân thứ tư, rồi cũng dính nốt. Rót cuộc, muốn giải-thoát cả bốn chân kia, nó liền kê mỏ vào bẫy, nhưng cũng bị dính luôn vào chất nhựa".

"Như thế, con khí bị vướng vào bẫy nhựa năm lần, lăn lộn, la rên. Nó đã lọt vào cảnh khổ, bị sa vào chốn diệt-vong. Nó là con thịt mà người thợ săn muốn xử-dụng cách nào tùy-ý. Người thợ săn phanh thây nó ra, để nướng lên trên lò lửa, ăn uống no-nê rồi rời khỏi chốn ấy, đi về nơi khác theo sở-thích".

"Kẻ nào bước chân vào đồng cỏ bị ngăn-cấm, vào những vùng thuộc quyền sở-hữu của kẻ khác, phải bị khổ-não như vậy đó. Hỡi các thầy tỳ-khuru! Các người chẳng nên hành-trình sai-lạc như thế. Những kẻ nào lâm vào chỗ không phù-hợp với địa-vị mình, tức nhiên phải bị ma-vương men đến gần để hãm-hại chẳng sai. Nay các thầy tỳ-khuru, mà thế nào mới gọi là đồng cỏ bị ngăn-cấm, là vùng đất thuộc quyền sở-hữu của kẻ khác? Chính là ngũ-trần vậy. Mà những ngũ-trần ấy như thế nào? Là những sắc do mắt trông thấy, những tiếng do lỗ tai nghe, những vật thơm do mũi ngửi, những vị ngon do lưỡi nếm, những sự vừa lòng do thân đụng chạm. Hỡi các thầy tỳ-khuru! Đó là đồng cỏ bị ngăn-cấm, thuộc quyền sở-hữu của kẻ khác vậy. Nay các thầy tỳ-khuru, các người nên đi vào đồng cỏ nào không bị ngăn-cấm, thuộc quyền sở-hữu của các người và phù-hợp với địa-vị các người. Những kẻ nào biết

hành-trình chân-chánh như thế, ma-vương không tài nào men đến gần để hãm-hại được. Hỡi các thầy tỳ-khuru! Vậy chớ đồng cỏ không bị ngăn-cấm và phù-hợp cho người hành đạo ra thế nào? Chính là bốn pháp niệm tưởng (Tứ Niệm Xứ) vậy. Mà bốn pháp ấy như thế nào? Muốn biết rõ chúng nó, thầy tỳ-khuru nên luôn-luôn cương-quyết, chăm-chú biết mình. Thầy tỳ-khuru nên quán tưởng cho thấy rõ thân trong thân, thấy thọ trong thọ, thấy tâm trong tâm, thấy pháp trong pháp, thấy thấy như nhau, chẳng phải riêng-biệt. Khi đã thấy rõ như vậy, thầy tỳ-khuru không để cho sự vui thích về ái-dục, hoặc-giả những sự thất-vọng, khổ-não của đời lung-lạc mình được. Đó là cánh đồng cỏ không bị ngăn-cấm, là vùng đất phù-hợp cho người hành đạo vậy".

-- SAMMYUTTA NIKĀYA

Lời của soạn-giả:

Đức Thế Tôn thuyết ra thời pháp trên đây để nhắc nhở hàng xuất-gia về sự tai-hại của ngũ-trần. Ngài ví ngũ-trần như cánh đồng cỏ bị ngăn-cấm, không cho ai léo-hánh đến, như một vùng kia thuộc quyền sở-hữu của kẻ khác. Những bậc tu-hành sáng-suốt, mong tìm sự giải-thoát, không nên sa-lạc vào nơi ấy để khỏi bị đau-đớn, khổ-não, vì sự cám-dỗ và hãm-hại của ma-vương. Cũng như con khỉ kia, đã mang tánh ngu-ngốc, ham ăn, đáng lẽ phải ở tận chốn sơn-lâm là nơi phù-hợp cho sự sinh-hoạt của nó, lại đi tìm len-lỏi vào chốn đồng bằng phì-nhiều để thân-cận với loài người. Nên chi anh thợ rừng (ma-vương) mới có dịp gài bẫy, bắt nó đem đi sát hại để làm vật thực sở-thích.

Đức Phật dạy các thầy tỳ-khuru nên chọn lấy đồng cỏ nào không bị ngăn-cấm, vùng đất nào phù-hợp với địa-vị mình, tức là bốn pháp ề "Tứ Niệm Xứ", làm phương-pháp quán tưởng để diệt trừ cái tâm ái-dục, ngã-chấp, làm-lạc trong ngũ-trần ảo-ảnh, để thấy rõ ba tướng: vô-thường, khổ-não và vô-ngã của vạn-vật.

---o0o---

Quán tưởng về sự chết

Đức Thế Tôn có thuyết như vậy:

"Hỡi các thầy tỳ-khuru! Tư-cách quán tưởng về sự chết, nêu con người chú-tâm đến nó, biết dùng nó làm một phương-tiện, thì sẽ được nhiều quả-báo và

lợi-ích chẳng sai; chừng ấy con người sẽ được thắm-nhuần trong cái không chết, sẽ được thành-tựu trong cái không chết. Tại sao vậy?"

"Hỡi các thầy tỳ-khuru! các người thử nghĩ rằng có một bậc hành-giả kia, khi mặt trời vừa khuất bóng, trong đêm tối, quán tưởng rằng: "Thật vậy, biết bao nhiêu điều nguy-hiểm, tai-hại, có thể làm cho ta phải chết: một con rắn độc, một con bò cạp, một con rít có thể mổ cắn làm cho ta phải chết và đó là một trở-ngại cho bề hành đạo của ta. Ta có thể vấp té; vật thực ta dùng có thể làm cho ta mang bệnh; mật có thể làm lay-chuyển gân cốt; đàm có thể xâm-nhập vào thân làm cho ta phát lên run-rẩy; hoặc giả có những hạng phi-nhân toan hãm-hại ta ... vì vậy mà ta phải chết và đó là một trở-ngại cho bề hành đạo của ta".

"Lúc ấy, hành-giả lại quán tưởng rằng: "Vậy chớ hiện bây giờ đây, trong thân tâm ta còn sót những tật xấu nào, những nét sai-làm nào chưa được chừa cải, và chúng nó có thể làm trở-ngại cho bề hành đạo của ta? Mà nếu ta phải chết nội trong đêm nay, thì sẽ ra sao?" Nếu sau khi suy xét, thấy mình chưa diệt được các ác pháp kia, thì hành-giả cần phải gây cho mình một tâm chí cố gắng, tinh-tấn chiến-đấu, luôn-luôn chăm chú biết mình, không nài khó nhọc, để ráng thực-hành những pháp cao-siêu".

"Này các thầy tỳ-khuru, như khăn hay tóc của mình đang bị lửa cháy, hành-giả cần phải cố gắng, tinh-tấn chiến-đấu, chăm chú biết mình, ráng sức để dập tắt ngọn lửa kia như thế nào thì hành-giả cũng phải ráng gây cho mình một tâm chí cố gắng, tinh-tấn chiến-đấu, luôn-luôn chăm-chú biết mình, không nài khó nhọc, để diệt-tận những điều xấu-xa, làm-lạc".

"Nhưng nếu sau khi suy xét, hành-giả thấy không còn tật xấu-xa, làm-lạc nào chưa trừ-tuyệt, và có thể làm trở-ngại cho bề hành đạo của mình, mà nếu mình phải chết nội trong đêm nay, chừng ấy hành-giả phát tâm toại-chí, hài-lòng, hăng-hái trau-giồi ngày đêm cho được tinh-vi thêm những pháp mà mình đã có".

"Hỡi các thầy tỳ-khuru! tư-cách quán tưởng về sự chết, nếu con người hằng chú-tâm đến nó, biết dùng nó làm một phương-tiện, thì sẽ được nhiều quả-báo và lợi-ích chẳng sai. Chừng ấy, con người sẽ được thắm-nhuần trong cái không chết, sẽ được thành-tựu trong cái không chết".

-- *ANGUTTARA NIKĀYA*

Lời của soạn-giả:

Tất cả chúng-sinh, vì chẳng thấu lẽ vô-thường, khổ-não, vô-ngã của vạn-vật, nên hay hờ-hững, để cho trần cảnh lôi cuốn vào mảnh lưới của tam-giới,

phải luân-hồi, chuyển-kiếp luôn-luôn, không sao thoát-ly ra khỏi thế-lực của ma-vương đặng.

Muốn nhắc-nhở hàng nhân-loại để khỏi say mê trong miếng mồi dương-thế, Đức Phật có truyền pháp quán tưởng về sự chết. Các bậc thiện-trí-thức ví cái chết như chất đất bao-phủ trên đầu tay nắm, khi nó vừa trôi lên khỏi mặt đất; như mặt trời ló mọc từ đông để khuát bóng về tây; như điểm sưng-sa trên ngọn cỏ buổi mai phải biến tan dưới sức nóng của thái-dương trong chốc lát; như tảng đá từ trên núi cao rơi xuống, mang theo các loài thảo-mộc dính quanh mình... Nói cho dễ hiểu, khi nào cái sanh được phát khởi, thì luôn-luôn có cái diệt đi kèm một bên.

Vì lẽ đó, người nào quán tưởng thường-thường về cái chết, ắt đâm ra chán-nản cõi đời giả tạm, nhòm góm tất cả những vật hữu-vi, mộng-ảo, chẳng còn chấp rằng: Đây là ta, đây là người, đây là của ta, đây là của người, vân-vân ... Chừng ấy, mùi vị của đạo xuất thế-gian mới bắt đầu thâm-nhiễm vào trí óc con người tinh-khiết.

Trên đây, Đức Thế Tôn dạy hàng xuất-gia luôn-luôn niệm tưởng về sự chết xảy ra bất-ngờ, có thể ngăn trở bề hành đạo của mình. Nhờ suy xét thường về cái chết mà hành-giả phát tâm cố gắng, cương-quyết trên đường giải-thoát.

---o0o---

Năm điều lo sợ của hành giả ngụ nơi rừng vắng

Đức Thế Tôn có thuyết như vậy:

"Hỡi các thầy tỳ-khưu! Đây là năm điều lo-ngại về buổi tương-lai; thầy tỳ-khưu ngụ nơi rừng thanh-vắng, có tâm thành-thật, hăng-hái, cương-quyết, cần phải quán tưởng đến năm điều ấy, phải biết ăn ở cách nào để đạt mục-đích cao-thượng mà mình chưa có, để làm chủ các pháp mà mình chưa đắc và để thực-hành những đức-tính nào mình chưa thành-tựu. Mà năm điều lo-sợ ấy như thế nào?"

1. Điều lo-sợ thứ nhất

"Hỡi các thầy tỳ-khưu! Các người nên nghĩ rằng có một bậc hành-giả ngụ nơi rừng vắng phát tâm quán tưởng như vậy: "Hiện nay, ta ngụ tại rừng đây chỉ có một mình, và trong lúc sống cô-độc tại chốn này, ta có thể bị các loài rắn, rít, bò cạp, mổ cắn chết được; mà nếu ta phải chết vì những lẽ ấy, tất-nhiên bề hành đạo của ta phải bị ngưng-trệ. Vậy ta hãy tinh-tấn, nỗ-lực thêm lên, để đạt mục-đích cao-thượng nào mà ta chưa đạt được, để làm chủ

các pháp nào mà ta chưa có, để thực-hành những đức-tính nào mà ta chưa thành-tựu".

"Đó là điều lo-sợ thứ nhất".

2. Điều lo-sợ thứ nhì

"Hỡi các thầy tỳ-khưu! Hoặc-giả các người nên nghĩ rằng có một bậc hành-giả ngụ nơi rừng vắng, phát tâm quán tưởng như vậy: "Ta có thể vấp té, vật thực ta đã dùng có thể làm cho sanh bệnh; mật đàm có thể làm cho ta phát lên rung-rẩy, nghẹt thở, một luồng gió độc có thể xâm-nhập vào ngũ-tạng làm cho ta phải lung-lạc; mà nếu ta phải chết vì những lẽ ấy, tất-nhiên bề hành đạo của ta phải bị ngưng-trệ. Vậy ta hãy tinh-tấn, nỗ-lực thêm lên, để đạt mục-đích cao-thượng nào mà ta chưa đạt được, để làm chủ các pháp nào mà ta chưa có, để thực-hành những đức-tính nào mà ta chưa thành-tựu".

"Đó là điều lo-sợ thứ nhì".

3. Điều lo-sợ thứ ba

"Hỡi các thầy tỳ-khưu! hoặc-giả các người nên nghĩ rằng có một bậc hành-giả ngụ nơi rừng vắng, phát tâm quán tưởng như vậy: "Lúc ta đang sống cô-độc trong rừng này, ta có thể gặp các loài ác thú, như: sư tử, cọp, beo, gấu, chó sói, chúng nó có thể hãm-hại ta được; mà nếu ta phải chết vì những lẽ ấy, tất-nhiên bề hành đạo của ta phải bị ngưng-trệ. Vậy ta hãy tinh-tấn, nỗ-lực thêm lên, để đạt mục-đích cao-thượng nào mà ta chưa đạt được, để làm chủ các pháp nào mà ta chưa có, để thực-hành những đức-tính nào mà ta chưa thành-tựu".

"Đó là điều lo-sợ thứ ba".

4. Điều lo-sợ thứ tư

"Hỡi các thầy tỳ-khưu! Hoặc-giả các người nên nghĩ rằng có một bậc hành-giả ngụ nơi rừng vắng, phát tâm quán tưởng như vậy: "Lúc đang sống cô-độc trong rừng này, ta có thể gặp kẻ trộm cướp, chúng nó có thể giết hại ta được; mà nếu ta phải chết vì lẽ ấy, tất-nhiên bề hành đạo của ta phải bị ngưng-trệ. Vậy ta hãy tinh-tấn, nỗ-lực thêm lên, để đạt mục-đích cao-thượng nào mà ta chưa đạt được, để làm chủ các pháp nào mà ta chưa có, để thực-hành những đức-tính nào mà ta chưa thành-tựu".

"Đó là điều lo-sợ thứ tư".

5. Điều lo-sợ thứ năm

"Hỡi các thầy tỳ-khưu! Hoặc-giả các người nên nghĩ rằng có một bậc hành-giả ngụ nơi rừng vắng, phát tâm quán tưởng như vậy: "Hiện nay ta ngụ tại

rừng đây chỉ có một mình, giữa chốn này có nhiều hạng phi-nhân rất hung-ác, chúng có thể hãm-hại ta được; mà nếu ta phải chết vì lẽ ấy, tất-nhiên bề hành đạo của ta phải bị ngưng-trệ. Vậy ta hãy tinh-tấn, nỗ-lực thêm lên, hầu đạt mục-đích cao-thượng nào mà ta chưa đạt được, để làm chủ các pháp nào mà ta chưa có, để thực-hành những đức-tính nào mà ta chưa thành-tựu".

"Hỡi các thầy tỳ-khuru! Đó là điều lo-sợ thứ năm về buổi tương-lai".

"Thầy tỳ-khuru ngụ nơi rừng vắng có tâm thành-thật, hăng-hái, cương-quyết, cần phải quán tưởng đến năm điều ấy, phải biết ăn ở cách nào để đạt mục-đích cao-thượng mà mình chưa có, để làm chủ các pháp mà mình chưa đắc và để thực-hành những đức-tính mà mình chưa thành-tựu".

-- ANGUTTARA NIKĀYA, III, 100-102

Lời của soạn-giả:

Bậc hành-giả chân-chánh, quyết-chí thành-tựu trong đạo giải-thoát, hằng luôn-luôn sáng-suốt tinh-tấn trong mỗi giờ, mỗi phút thóang qua. Các ngài thường lo-sợ về sự chết có thể xảy đến bất-ngờ, trong nhiều trường-hợp khác nhau, làm trở-ngại cho bề hành đạo của mình. Vì lẽ ấy, các ngài cố-gắng thâm-thập những pháp cao-thượng nào mà mình chưa đắc, hầu thâm ngăn con đường sanh tử luân-hồi mau chùng nào hay chùng nấy, và không chịu bỏ qua thời-giờ quý-báu mà người đời thường phung-phí trong ngũ-trần lục-dục, tới khi cái chết đến gần, ăn-năn đã muộn. Chùng đó, chỉ có nước khóc than, sợ-hãi vô-ích trước bốn con đường ác-đạo rộng-rãi đang chờ đón lấy con người mà trong lúc thiếu-thời hằng hững-hờ, khinh-rẽ bề đạo-đức.

---o0o---

Mãnh-lực của Thiên định

Đức Phật có thuyết như vậy: "Thuở ấy, nam-nhân Pukkusa, thuộc dòng Malla, học trò của đạo-sĩ Alara Kalama, đang hành-trình trên đường cái, từ Kusināra để sang thành Pava. Pukkusa gặp Đức Thế Tôn đang ngồi dưới cội cây. Thấy vậy, chàng ta đi lần đến chỗ Đức Phật ngự; khi tới nơi, đánh lễ Đức Thế Tôn, rồi cung-kính ngồi gần một bên. Ngồi xong, Pukkusa bạch với Đức Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn, rất lạ thay, rất tuyệt-diệu thay cho sự định-tâm của các bậc đã ra khỏi thế-gian! Bạch Đức Thế Tôn, trong hồi xưa kia, một ngày nọ, thầy Alara Kalama, đang lúc viễn-hành trên đường cái, nhằm buổi trưa nóng-nực, tách ra bên đường và đến ngồi dưới cội cây để an-nghỉ. Bạch Đức Thế Tôn, khi ấy có năm trăm cỗ xe đi ngang qua, gần bên thầy Alara Kalama. Một lữ-khách đang đi phía sau đoàn xe, lần đến chỗ ngụ của thầy; khi tới nơi, anh ta liền hỏi thầy Alara Kalama như vậy: "Bạch ngài, vậy chớ ngài có thấy 500 cỗ xe vừa đi qua ngang đây không?"

- "Này bạn, ta không có thấy".
- "Bạch ngài, vậy chớ ngài có nghe tiếng ào-ạt của những cỗ xe ấy không?"
- "Này bạn, ta không có nghe chi cả".
- "Bạch ngài, chắc ngài đang ngủ thì phải?"
- "Không đâu bạn, ta nào có ngủ".
- "Bạch ngài, vậy chớ ngài còn đầy đủ giác-quan chăng?"
- "Còn nguyên vẹn".
- "Bạch ngài, như thế thì có lẽ nào, với lục-căn đầy đủ và tỉnh-thức, mà ngài lại không thấy đoàn xe, không nghe tiếng 500 cỗ xe, cái này nôi gót cái kia, ào-ạt đi ngang qua gần bên ngài? Đây này, xin ngài dòm lại cái y của ngài bị dính bụi do đoàn xe tung lên".
- "Thật đúng như vậy đó bạn".

Người lữ-khách bèn nghĩ rằng: "Rất lạ thay, rất tuyệt-diệu thay cho sự định-tâm của những bậc đã ra khỏi thế-gian. Sự tỉnh-tâm ấy có mãnh-lực đến nỗi một nhân-vật đang tỉnh-thức và có đầy đủ giác-quan, mà vẫn không thấy 500 cỗ xe đi ngang qua cận bên mình".

Sau khi tỏ lòng khâm-phục và sự tin-tưởng của mình đối với thầy Alara Kalama, người lữ-khách bèn lui gót".

Nghe xong, Đức Phật hỏi thầy Pukkusa như vậy: "Này Pukkusa, vậy chớ đối với một nhân-vật đang tỉnh-thức, có đầy đủ giác-quan mà không thấy 500 cỗ xe, không biết gì đến 500 cỗ xe đi ngang qua cận bên mình, và một nhân-vật khác, cũng tỉnh-táo, có đầy đủ lục-căn mà vẫn không thấy, không nghe biết chi cả về một đám mưa tuôn dữ-dội, tiếp theo đó những làn chớp-nhóang đỏ trời và những tiếng gầm, tiếng sét vang-rền khủng-khiếp, nhà người cho nhân-vật nào kỳ-diệu, phi-thường hơn?"

- "Bạch Đức Thế Tôn, nếu so-sánh như vậy, thì không những là 500 cỗ xe ấy, mà cho đến 600, 700, 800, 900, hoặc hàng trăm ngàn cỗ xe đi nữa, thì bậc huyền-diệu phi-thường hơn, tức-nhiên là nhân-vật đang tỉnh-thức, có đầy đủ giác-quan, mà vẫn không thấy, không nghe biết gì cả về đám mưa tuôn dữ-dội tiếp theo đó, những làn chớp-nhóang đỏ trời và tiếng gầm tiếng sét vang-rền khủng-khiếp vậy".

Đức Phật nói rằng: "Này Pukkusa, ngày nọ, Như Lai đang ngụ trong một nhà trọ¹⁰ tại vùng Atuma. Lúc ấy, mưa bắt đầu tuôn xuống dữ-dội, tiếp theo đó những làn chớp-nhóang đỏ trời, tiếng gầm, tiếng sét vang rền khủng-khiếp. Hai anh em người nông-phu đang cày ruộng và bốn con bò phải bị sát

hại. Lúc bấy giờ, những dân-cư tại vùng Atuma họp lại đông-đủ, kéo nhau đến tại chỗ hai anh em người nông-phu cày ruộng và bốn con bò đã bị sát hại".

"Này Pukkusa, khi ấy Như Lai đang đi kinh-hành, trước cửa nhà trọ, tâm-trí chăm-chú vào phép thiền-định. Này Pukkusa, có một người kia tách ra khỏi đám đông, đi ngay đến chỗ Như Lai đứng, khi tới nơi người ấy đánh lễ rồi đứng kế bên. Thấy vậy, Như Lai liền hỏi người ấy rằng: "Này bạn¹¹, tại có chi mà có sự hội-họp như vậy?"

- "Bạch Đức Thế Tôn, vì khi nãy mưa tuôn dữ-dội, tiếp theo đó những làn chớp-nhóang đỏ trời, tiếng gầm tiếng sét vang rền khủng-khiếp, có hai anh em người nông-phu và bốn con bò đã bị sát hại. Đó là nguyên-nhân phát-sinh cuộc hội-họp này. Bạch Đức Thế Tôn, vậy lúc ấy Ngài ở đâu?"

- "Này bạn, Như Lai đang ở tại chỗ này".

- "Bạch Đức Thế Tôn, vậy chớ Ngài có thấy gì không?"

- "Này bạn, Như Lai chẳng thấy chi cả".

- "Bạch Đức Thế Tôn, vậy chớ Ngài có nghe chi không?"

- "Này bạn, Như Lai chẳng nghe biết chi cả".

- "Bạch Đức Thế Tôn, vậy chớ Ngài đang ngủ chớ?"

- "Này bạn, Như Lai đâu có ngủ".

- "Bạch Đức Thế Tôn, vậy chớ Ngài có đầy đủ giác-quan không?"

- "Còn nguyên vẹn".

- "Bạch Đức Thế Tôn, như thế có lý nào, với giác-quan tinh-thức và đầy đủ, mà Ngài không thấy, không nghe chi cả về đám mưa tuôn dữ-dội, tiếp theo đó những làn chớp-nhóang đỏ trời, tiếng gầm, tiếng sét vang rền khủng-khiếp?"

- "Thật đúng như vậy đó bạn".

"Này Pukkusa, lúc bấy giờ người ấy nghĩ rằng: "Rất lạ thay, rất tuyệt-diệu thay cho sự định-tâm của những bậc đã ra khỏi thế-gian. Sự định-tâm ấy có mãnh-lực đến nỗi một nhân-vật có đầy đủ giác-quan và đang tỉnh-thức mà vẫn không thấy, không nghe biết gì đến làn chớp-nhóang đỏ trời và tiếng gầm, tiếng sét, vang rền khủng-khiếp". Sau khi tỏ lòng khâm-phục và tin-tưởng đối với Như Lai, người ấy liền đánh lễ và lui gót".

Khi Đức Thế Tôn nói vừa xong, thầy Pukkusa, thuộc dòng Malla, bạch rằng: "Bạch Đức Thế Tôn, sự tin-tưởng của tôi đối với thầy Alara Kalama đã bị

luồng gió cuốn đi, đã bị dòng rạch lồi đi mất. Bạch Đức Thế Tôn, cao-siêu thay, những lời châu ngọc tự kim khẩu Ngài thốt ra!".

"Nhu người ta đỡ đứng dậy vật chi đã bị ngã, tìm được vật gì bị giấu kỹ, chỉ nẻo cho người lạc lối, đem ngọn đuốc vào chỗ tối-tăm cho người có mắt thấy rõ mọi vật thế nào? Bạch Đức Thế Tôn, cũng như thế ấy, Ngài đã giải rõ cho tôi nghe giáo pháp bằng nhiều cách. Bạch Đức Thế Tôn, vậy tôi xin nương nhờ nơi Phật, nơi Pháp, nơi Tăng. Xin Đức Thế Tôn nhận tôi là người thiện-nam kể từ nay cho đến trọn đời".

-- MAHĀ PARINIBĀNA SUTTA

Lời của soạn-giả:

Trong nhiều chi đạo, vị giáo-chủ sáng-lập thường lấy phép thiên-định làm căn-bản. Mạnh-lực của thiên-định lớn hay nhỏ, tốt hay xấu, đều tùy theo sự cố gắng ít hay nhiều, tà hay chánh của hành-giả. Theo chúng ta được biết thì thiên-định có hai: tà-định và chánh-định. Chánh-định lại chia ra làm hai nữa, là: phàm-định và thánh-định.

- Phàm-định là nói về các bậc sa-môn hay đạo-sĩ, cố công trì-chí, thành-tựu được nhiều bậc thiên, nhưng chưa diệt-tận phiền-não. Vì đó, phàm-định cũng vẫn ở dưới thế-lực của sự vô-thường như các pháp khác.

- Trái lại, thánh-định là nói về pháp định-tâm của các bậc thánh-nhân đã thấy rõ lý "Tứ Diệu Đế", đã bước vào vòng thánh-vực. Tâm-trí của các ngài rất vững chắc, như dãy núi cao, không hề bị lay-chuyển dưới cơn giông tố. Các ngài đang tiến bước một cách vững-vàng trên con đường về nơi cực-lạc.

---o0o---

Bốn cách hành-động của chúng-sinh

Đức Phật có thuyết cho các thầy tỳ-khuru nghe như vậy: "Hỡi các thầy tỳ-khuru! đây là bốn cách hành-động của chúng-sinh:

- 1) Cách hành-động làm cho người vui sướng trong kiếp này, mà đem lại sự khổ-não về kiếp vị-lai;
- 2) Cách hành-động làm cho khổ-cực trong kiếp này, mà cũng đem lại sự đau-đớn về kiếp vị-lai;
- 3) Cách hành-động khổ-sở trong kiếp này, mà đem lại sự an vui cho kiếp sau;
- 4) Cách hành-động làm cho an-lạc trong kiếp hiện-tại và luôn đến các kiếp sau.

"Này các thầy tỳ-khuru, như thế nào gọi là: cách hành-động làm cho vui sướng trong kiếp này, mà chỉ đem lại sự khổ-não về buổi tương-lai?"

"Hỡi các thầy tỳ-khuru! có nhiều hạng đạo-sĩ xuất-gia tu-hành rồi lại phát tâm suy-nghĩ như vậy: "Sự ham muốn về ngũ-trần không có hại chi đâu". Nghĩ như thế, nên họ hằng để cho ngũ-trần lôi cuốn. Vì sự hờ-hững ấy nên sau khi thác, họ phải bị sa vào đường ác đạo, phải khổ-não vô-hồi trong cảnh địa-ngục".

"Này các thầy tỳ-khuru, ví-dụ như trong lúc cuối mùa hè, một hột giống của loài dây bìm-bìm rơi xuống gốc một cây cổ-thụ (cây da). Vị chư-thiên ngự trên ấy phát tâm lo-sợ, mất sự an vui của mình nếu ngày sau hột giống dây bìm-bìm sẽ sinh-sản, cao lớn lên và làm hại thân cây. Khi ấy, những vị chư-thiên khác, cũng ở vào vòng thân-bằng quyền-thuộc của ngài, ngụ chung quanh đó, như những vị chư-thiên ở trong rừng, ở khắp huê-viên, ngụ trên cây to, trong đồng cỏ, trong các kho-tàng ngũ-cốc, vân-vân ... đều tề-tự lại chỗ cây cổ-thụ mà an-ủi, khuyên-lơn vị chư-thiên ấy như vậy: "Này ngài ơi! ngài chẳng nên sợ-hãi vô-ích vì chuyện nhỏ-nhặt ấy. Có thể cái hột giống dây bìm-bìm đang nằm tại chốn này sẽ bị chim chóc nuốt đi, hoặc-giả nó sẽ bị loài hưu nai ăn mất, bị lửa rừng thiêu-hủy, bị kẻ tiều-phu lượm đi, bị kiến tha đi nơi khác, hoặc-giả nó không nảy nở được".

"Nhưng thí-dụ không có chim chóc nào, hoặc-giả chẳng có hưu nai, lửa rừng, tiều-phu, kiến bọ gì đến làm tiêu-hoại giống ấy; trái lại, nó vẫn được sinh-sản, nảy-nở như thường. Mùa mưa đến, đem sự mát mẻ và giúp sức cho dây bìm-bìm kia mau tấn-hóa, to lớn. Lúc ấy, nó là một dây bìm-bìm tươi-tắn, tốt xinh, mềm-mại, đậm vôi, quấn chung quanh thân cây cổ-thụ. Vị chư-thiên ngự trên cây ấy bèn nghĩ như vậy: "Vì lẽ gì mà các hàng thân-quyền của ta có ý nghĩ rằng hột giống dây bìm-bìm đó không làm hại đến ta, và họ muốn cho nó bị chim chóc, hưu nai, lửa rừng, tiều-phu, hoặc-giả các loài côn-trùng khác làm cho tiêu hoại, hay là nó không nảy nở được? Thật ra, dây bìm-bìm này rất đẹp đẽ, xanh tươi, vôi và lá nó ôm lấy thân cây một cách dịu-dàng, mát mẻ".

"Này các thầy tỳ-khuru, nhưng thí-dụ thêm nữa rằng dây bìm-bìm tơ kia, không phải chỉ quấn dính vào thân cây cổ-thụ mà thôi. Lần hồi nó bò lên tới ngọn cây, đậm vôi trở lá thêm và bao-phủ tất cả tàn cây cổ-thụ, làm cho ánh-sáng khó lọt vào. Vì lẽ đó, lần-lần các nhánh cây phải bị khô-khan, mục nát. Lúc bấy giờ, vị chư-thiên ngự trên cây cổ-thụ mới nghĩ rằng: "Các vị chư-thiên thân-thích với ta thấy rõ sự tai-hại về buổi tương-lai của hột giống dây bìm-bìm đó. Nhưng họ muốn an-ủi ta, nên mới bày-vẽ rằng nó có thể bị

nhiều trường-hợp làm cho tiêu hoại, hoặc giả nó không nảy nở; song hiện bây giờ đây, chính hột giống ấy mà ta phải chịu khổ-sở vô cùng".

"Này các thầy tỳ-khưu, cũng như thế ấy, có nhiều hạng đạo-sĩ xuất-gia không dòm thấy tội-lỗi của ngũ-trần, hờ-hững để cho nó lồi cuốn. Sau khi xác thân ngũ-uẩn tan rã, sẽ gặp nhiều điều khổ-não, tai-hại. Chừng đó, họ mới biết rằng chính ngũ-trần là nguyên-nhân làm cho họ phải khổ-não như thế ấy".

"Đó là cách hành-động làm cho vui sướng hiện-thời, nhưng sẽ đem lại điều thống-khổ về buổi tương-lai vậy".

"Này các thầy tỳ-khưu, như thế nào là sự hành-vi khổ-sở trong kiếp này, mà cũng đem lại điều tai-hại về buổi vị-lai?"

"Ví-dụ có hạng đạo-sĩ thực-hành triệt-đề cách tu khổ-hạnh, lang-thang vất-vả, không màng chi đến sự bố-thí, không chịu thọ-dụng những vật thực của người đem đến dâng cúng, không chịu tìm nơi phù-hợp để khát-thực, chỉ ăn một hoặc hai vắt cơm trong mỗi ngày, hay chỉ thọ-lãnh vật thực của một hoặc hai thí-chủ trong mỗi buổi. Họ mặc y-phục bằng vải thô bản-thiêu, rách rưới, hoặc bằng vỏ cây, bằng cỏ, bằng lông chim ... chằm vá lại với nhau, hoặc-giả họ dùng bất cứ vật hèn-hạ nào có thể che thân cho kín đáo. Họ không ngồi ghế, nằm trên gai, hành thân hoại thể đủ điều".

"Sau khi chết, những hạng đạo-sĩ ấy, vì lầm-lạc theo tà đạo, nên phải bị sinh vào cảnh khổ".

"Đó là cách hành-động khổ cực trong kiếp này, mà cũng đem lại sự khổ-não về buổi tương-lai vậy".

"Này các thầy tỳ-khưu, còn thế nào là sự hành-động khổ-cực trong kiếp này, mà đem đến sự an vui trong kiếp sau?"

"Ví-dụ có một người kia biết rằng vì các tiền-nghiệp nên ngày nay phải bị sanh vào cảnh thấp-hèn, phải gặp nhiều nỗi khó-khăn trong sự nuôi mạng. Tuy vậy, người vẫn luôn-luôn cố gắng tu tập, ăn ở hiền-lành, ngay thẳng. Sau khi lâm-chung, người ấy được thọ-sinh về cõi trời, an-hưởng hạnh-phúc lâu dài".

"Đó là hành-động khó-nhọc trong kiếp này, nhưng sẽ đem lại điều an vui cho kiếp vị-lai vậy".

"Này các thầy tỳ-khưu, như thế nào là sự hành-động làm cho an vui trong buổi hiện-tại và luôn đến các kiếp sau?"

"Ví-dụ có một người kia thấy đời là giả tạm, rời bỏ gia-đình để tìm nơi tu tập, cố công hành theo chân-lý và đắc được bốn bậc thiên. Sự kết-quả trong

pháp thiên-định đem lại cho hành-giả nhiều điều an-lạc về kiếp hiện-tại. Sau khi chết, người ấy được sanh về cõi thiên-đàng, vui-thú trong phước-báu của mình".

"Đó là cách hành-động làm cho an vui trong kiếp này và luôn đến các kiếp về sau".

-- MAJJHIMA NIKĀYA

---o0o---

Quán tưởng về sự già, đau, chết, chia lìa và luật nhân quả

Đức Thế Tôn có thuyết như vậy: "Hỡi các thầy tỳ-khuru! Có năm điều mà các hàng tại-gia, hoặc những bậc xuất-gia, đã rời bỏ gia-đình để tìm sống trong cảnh vô gia-đình, cần phải quán tưởng luôn-luôn. Năm điều ấy là thế nào?

Nên quán tưởng:

1- "Ta phải già, ta không sao tránh khỏi sự già nua đặng". Những hàng tại-gia hoặc các bậc xuất-gia nên quán tưởng thường-thường như vậy.

2- "Thế nào ta cũng phải mang bệnh tật ốm đau, ta không sao tránh khỏi được". Những hàng tại-gia hoặc các bậc xuất-gia nên quán tưởng thường-thường như vậy.

3- "Thế nào ta cũng phải chết, ta không sao tránh khỏi sự chết đặng". Những hàng tại-gia hoặc các bậc xuất-gia nên quán tưởng thường-thường như vậy.

4- "Thế nào ta cũng phải bị chia lìa những vật thương yêu, trứu-mến, ta không sao tránh khỏi sự phân chia ấy được". Những hàng tại-gia hoặc các bậc xuất-gia nên quán tưởng thường-thường như vậy.

5- "Ta phải chịu quả-báo của các sự hành-vi do ta gây nên, cái nghiệp là gia-tài, sự-sản của ta, là cái thai-bào (để bảo-trợ xác thân ta), là cha mẹ ta; ta phải chịu sự kết-quả và những hành-động đó. Bất cứ nghiệp lành hay dữ mà ta đã tạo, ta phải lãnh hậu-quả về buổi tương-lai". Những hàng tại-gia hoặc các bậc xuất-gia nên quán tưởng thường-thường như vậy.

"Hỡi các thầy tỳ-khuru! sự quán tưởng rằng: "Ta phải già, ta không sao tránh khỏi sự già nua đặng", của các hàng tại-gia hoặc các bậc xuất-gia sẽ đem lại lợi-ích như thế nào?"

"Hỡi các thầy tỳ-khuru! các chúng-sinh trong thời thanh-niên trai trẻ, hằng kiêu-căng, tự-đắc về chỗ trẻ-trung; vì say mê trong sự kiêu-căng, tự-đắc ấy,

họ gây nên nhiều tội-lỗi, do thân, do khẩu, do ý. Bởi có ấy, kẻ nào cố tâm quán tưởng cho thường về sự già thì tánh kiêu-căng, tự-đắc, của buổi thiếu-niên, dầu cho tánh ấy có mãnh-lực, to lớn, thế nào, cũng bị diệt-tận, hay ít ra cũng bị giảm-sút".

"Hỡi các thầy tỳ-khuru! Bởi có sự lợi-ích như vậy, các người nên quán tưởng cho thường (về sự già)".

"Hỡi các thầy tỳ-khuru! Sự quán tưởng rằng: "Thế nào ta cũng phải bệnh-hoạn, ốm đau; ta không sao tránh khỏi sự đau ốm được" của các hàng tại-gia hoặc các bậc xuất-gia, sẽ đem lại sự lợi-ích như thế nào?"

"Hỡi các thầy tỳ-khuru! Các chúng-sinh trong lúc khoẻ-mạnh, hằng kiêu-căng, tự-đắc về sức-khỏe; vì say-mê trong sự kiêu-căng, tự-đắc ấy, họ gây nên nhiều tội-lỗi do thân, do khẩu, do ý. Bởi có ấy, kẻ nào cố tâm quán tưởng cho thường về sự đau, thì tánh kiêu-căng, tự-đắc của hồi khỏe-mạnh, dầu cho tánh ấy có mãnh-lực, to lớn đến thế nào, cũng bị diệt-tận, hay ít ra cũng bị giảm sút".

"Này các thầy tỳ-khuru, bởi có sự lợi-ích như vậy, các người nên quán tưởng cho thường về sự đau ốm".

"Hỡi các thầy tỳ-khuru! sự quán tưởng rằng: "Thế nào ta cũng phải bị chia lìa cùng những vật thương yêu, trứu-mến, ta không sao tránh khỏi sự phân chia ấy được". Sự quán tưởng ấy của các hàng tại-gia, hoặc các bậc xuất-gia, sẽ đem lại điều lợi-ích như thế nào?"

"Hỡi các thầy tỳ-khuru! chúng-sinh hằng có lòng ham muốn, si-mê về những người và vật mà mình thương yêu, trứu-mến. Vì mê-muội, say-đắm trong những người và vật ấy, nên họ gây ra nhiều tội-lỗi do thân, do khẩu, do ý. Vì lẽ ấy, kẻ nào cố tâm quán tưởng cho thường về sự chia lìa cùng những vật thương yêu, trứu-mến, thì lòng ham muốn, si-mê kia, dầu cho nó có mãnh-lực, to lớn đến đâu, cũng bị diệt-tận, hay ít ra cũng phải giảm sút".

"Này các thầy tỳ-khuru, bởi có sự lợi-ích như vậy, các người nên quán tưởng cho thường về sự chia lìa của vạn-vật".

"Hỡi các thầy tỳ-khuru! còn sự quán tưởng rằng: "Ta phải chịu quả-báo của những hành-vi do ta gây nên; cái nghiệp là gia-tài, sự sản của ta, là cái thai-bào để bảo-trợ xác-thân ta, là cha mẹ ta; ta phải chịu ảnh-hưởng của nó. Bất cứ nghiệp lành hoặc dữ mà ta đã tạo, chính ta phải nhận hậu-quả của nó về buổi tương-lai". Sự quán tưởng ấy của những hàng thiện-nam, tín-nữ, hoặc các bậc xuất-gia, sẽ đem lại điều lợi-ích như thế nào?"

"Hỡi các thầy tỳ-khưu! những chúng-sinh, vì không tin, hoặc chẳng thấu rõ luật nhân-quả, nên thường làm những điều tội-lỗi do thân, do khẩu, do ý. Những ai chú tâm quán tưởng cho thường (về những điều tai-hại do sự hành-động xấu-xa gây nên), thì những tật xấu kia, dầu có mãnh-lực, to lớn đến đâu, cũng bị diệt-tận, hay ít ra cũng phải giảm sút".

"Này các thầy tỳ-khưu, bởi có sự lợi-ích như vậy, các người nên quán tưởng cho thường như vậy: "Ta phải chịu quả-báo của những hành-vi do ta gây nên; cái nghiệp là gia-tài, sự sản của ta, là cái thai-bào để bảo-trợ xác thân ta, là cha mẹ ta; ta phải chịu ảnh-hưởng của nó. Bất cứ nghiệp lành hoặc dữ mà ta đã tạo ra, chính ta phải nhận lấy hậu-quả về buổi tương-lai".

"Hỡi các thầy tỳ-khưu! Bậc xuất-gia hành theo pháp cao-thượng suy xét như vậy: "Chẳng phải riêng một mình ta chịu sự già nua, không tránh khỏi sự già ấy đâu; vì bất cứ tại chốn nào, hễ có đi thì phải có về, có sanh thì có diệt. Tất cả chúng-sinh đều phải chịu sự già như nhau, không ai tránh khỏi. Chẳng phải riêng một mình ta chịu sự đau ốm, sự chết, sự chia lìa cùng những người và vật thân yêu, trứu-mén, sự quả-báo của hành-vi do ta gây nên đâu, mà tất cả chúng-sinh đều phải chịu khổ-não như nhau trong những hoàn-cảnh ấy ...". Quán tưởng thường-thường như vậy, đường đạo-đức của hành-giả sẽ được mở sáng tỏ rõ. Bậc đó hằng luôn-luôn tinh-tấn, chăm chú, tấn-hóa thêm trên đường hành đạo, cho đến khi diệt-tận được mười điều chướng-ngại và năm ác pháp".

-- ANGUTTARA NIKĀYA, III

Lời của soạn-giả:

Trong pháp trên đây, Đức Phật khuyên những hàng tại-gia, hoặc xuất-gia, nên quán tưởng cho thường về sự già, sự đau, sự chết, sự chia lìa các vật thương yêu, trứu-mén, sự quả-báo của các nghiệp lành hoặc dữ. Sở-dĩ chúng-sinh tạo ra nhiều nghiệp xấu-xa đáng tiếc, là vì hay quên mình, y-lại rằng mình luôn-luôn còn trẻ, còn mạnh, còn sống, còn sum-họp với những vật mình ưa thích và không thông-thấu luật nhân-quả công-bình. Nếu con người cố công trì-chí quán tưởng về những pháp ấy lâu năm chầy tháng, ắt diệt được những điều khổ-não, bất cứ trong hoàn-cảnh nào, vì tự hiểu rằng cái già, cái đau, cái chết, cái sanh tử biệt-ly không phải chỉ dành riêng cho mình thôi, mà cả thầy chúng-sinh đều phải chịu khổ như nhau. Cũng nhờ đó mà tâm lòng kiêu-căng, ngã-chấp không sao tấn-triển được. Tâm từ-bi, bác-ái được phấn-khởi dễ-dàng và con người sẽ nhìn xem vạn-vật trong thế-gian với cặp mắt bình-đẳng, không còn muốn hơn thua, tranh-đấu với ai cả.

Giới hạnh của người tu tại gia

Đức Thế Tôn có thuyết cho nhóm người tại-gia cư-sĩ trong xóm Pāṭali nghe như vậy: "Hỡi các người tại-gia cư-sĩ! Có năm điều hại thường xảy đến cho kẻ tại-gia nào không biết nghiêm-trì giới hạnh:

1. thường bị hao tài mất của vì sự hờ-hững của mình;
2. thường có tên tuổi không tốt do người khác đồn-đãi;
3. tâm-trạng thường bất an, rụt-rè, sợ-hãi giữa chỗ đông người;
4. thường có tâm bối-rối trong khi gần chết;
5. sau khi chết, phải bị sanh vào cảnh khổ, là cõi địa-ngục".

"Hỡi các người tại-gia cư-sĩ! Còn đây là năm điều lợi thường xảy đến cho kẻ nào biết giữ gìn (nghiêm-trì) giới hạnh cho trong sạch:

1. thường được giàu có thêm vì sự siêng-năng của mình;
2. được tiếng-tấm tốt do kẻ khác đồn-đãi;
3. thường có tánh bình-tĩnh trong lúc đàm-luận giữa chỗ đông người;
4. không sợ-hãi, bối-rối trong khi gần chết;
5. sau khi thác, được sinh về cảnh vui, nhất là cõi thiên-đàng".

-- UDĀNA

---o0o---

Trí xét đoán chân-chánh của các bậc thiện-trí-thức

Đức Thế Tôn có thuyết cho Tôn-giả Ananda nghe như vậy: "Này Ananda, thuở trước kia, chỗ này là một đô-thị to-tát, phồn-thịnh, có dân-cư đông-đúc và gần bên là nơi trú-ngụ của Đức Chánh-Đẳng Chánh-Giác Ca Diếp (Kassapa).

Đồng khi ấy, có thầy đạo-sĩ Gavesin là môn-đệ của Đức Phật Ca Diếp; nhưng ông ta không nghiêm-trì giới-luật. Tuy vậy, cũng nhờ sự dạy-dỗ của Thầy Gavesin mà có nhiều hàng tại-gia cư-sĩ được cảm-hóa. Nhưng họ đều không gìn giữ giới-luật chi cả. Thầy Gavesin bèn phát tâm suy-nghĩ như vậy: "Chính ta đã giúp ích cho những người tại-gia cư-sĩ kia nhiều; ta là kẻ cầm đầu, mà tất cả những người ấy và ta đều chẳng nghiêm-trì giới-luật. Bởi có ấy, ta và họ đều như nhau; ta không có chi hơn họ cả. Vậy ta phải cố gắng thêm một chút". Nghĩ xong, thầy Gavesin liền đi tìm nhóm tại-gia cư-sĩ mà nói rằng: "Xin cho các người biết, bắt đầu từ bữa nay, tôi là kẻ đã thọ-trì giới-luật". Này Ananda, khi ấy những người cư-sĩ liền phát tâm tự nghĩ rằng:

"Nếu thầy Gavesin biết gìn giữ giới-luật, thì lẽ nào chúng ta lại không làm theo". Rồi đó, cả thầy đều xin thọ-trì giới-luật như thầy Gavesin vậy.

Thấy thế, thầy Gavesin lại nghĩ rằng: "Nếu vậy, thì ta và những hàng cư-sĩ kia đồng nhau; ta không có gì hơn họ cả. Vậy ta phải cố gắng thêm một chút". Rồi thầy Gavesin nói với họ như vậy: "Xin cho các người biết rằng bắt đầu từ bữa nay, tôi ăn ở theo bậc Phạm-hạnh, ngụ nơi thanh-vắng và lánh xa tình-dục". Nhóm cư-sĩ kia lại tự nghĩ rằng: "Lẽ nào chúng ta lại chẳng làm theo". Rồi cả thầy hành theo Phạm-hạnh pháp, ngụ nơi vắng-vẻ và lánh xa tình-dục.

Thầy Gavesin bèn nghĩ rằng: "Nếu thế, thì ta và nhóm cư-sĩ kia đồng nhau; ta không có chi hơn họ cả. Vậy ta nên cố gắng thêm một chút". Rồi thầy Gavesin nói với họ như vậy: "Xin cho các người biết rằng bắt đầu từ bữa nay, tôi chỉ ăn mỗi ngày chỉ có một lần thôi; tôi bỏ ăn chiều và ăn sái giờ". Nhóm cư-sĩ bèn tự nghĩ rằng: "Lẽ nào chúng ta lại chẳng làm theo". Rồi cả thầy đều làm như vậy.

"Hỡi này Ananda! Thầy Gavesin liền ôn lại những hành-vi của mình và của nhóm cư-sĩ đều giống nhau, bèn nghĩ rằng: "Nếu vậy thì ta và họ đồng nhau cả; ta không có chi hơn họ. Vậy ta phải cố gắng thêm một chút". Thầy Gavesin liền đến bạch với đức Phật Ca Diếp, xin Ngài cho phép xuất-gia tu-hành theo chánh giáo. Thấy vậy, tất cả nhóm cư-sĩ cũng xin phép xuất-gia hành đạo theo. Không bao lâu thầy Gavesin đắc được đạo quả A La Hán. Thầy ta bèn nghĩ rằng: "đây là một điều rõ-rệt vậy; ta có thể đạt được sự an vui giải-thoát theo sở-nguyện, không có chi khó-khăn cả. Ta mong cho tất cả hàng xuất-gia kia cũng được toại-nguyện như ta vậy". Trong một thời-gian sau, nhóm tỳ-khưu kia, do thầy Gavesin hướng-dẫn, cố gắng tinh-tân, để hết năng-lực vào các pháp hành cao-thượng cho đến khi được hoàn-toàn giải-thoát".

"Này Ananda, bởi có ấy, người nên trau-giồi các pháp cao-thượng cho được cao-thượng thêm, các pháp tinh-tân cho được tinh-tân thêm, phải cố gắng tấn-hóa luôn-luôn cho đến khi được hoàn-toàn giải-thoát".

"Này Ananda, người nên trau-giồi giới-hạnh như thế ấy".

-- ANGUTTARA NIKĀYA, III, 215-218

Lời của soạn-giả:

Khác hơn các phàm-nhân, bậc thiện-trí-thức thường dùng trí-huệ của mình để xét đoán, so-sánh những điều lành, lẽ phải. Các ngài chẳng để lơ-đễnh, bỏ mất cơ-hội đặng tìm sự lợi-ích cho mình và cho kẻ khác, luôn-luôn chăm chú về mỗi hành-vi của mình, để chừa cải những tật xấu-xa, cố gắng tìm các

phương-tiện tinh-tấn thực-hành những pháp cao-thượng hơn cho đến khi được hoàn-toàn giải-thoát.

---o0o---

Cách dạy bảo của những bậc thiện-trí-thức

Đức Phật hỏi người giữ ngựa tên là Kesi như vậy: "Này Kesi, nhà người phải làm thế nào để điều-khiển con ngựa (cho nó trở nên thuần-thục, dễ dạy)?"

- "Bạch Đức Thế Tôn, tôi hằng dùng cách dụ ngọt dỗ-dành nó, hoặc-giả dùng cách cứng-cỏi, cương-quyết, hay dùng cả hai cách ấy một lượt".

Đức Phật hỏi nữa rằng: "Mà nếu cả ba cách dạy dỗ ấy đều vô hiệu-quả, thì nhà người phải làm sao?"

- "Bạch Đức Thế Tôn, lúc ấy tôi sẽ giết chết con ngựa cho xong. Bạch Đức Thế Tôn, còn Ngài là bậc diu dắt hàng nhân-loại, vậy chớ Ngài dùng cách-thức nào để dạy dỗ họ?"

- "Này Kesi, Như Lai thường dùng cách hòa-nhã hay là phương-pháp nghiêm-khắc, hoặc-giả dùng cả hai phương-pháp ấy một lần:

1. Đây là cách dụ ngọt dỗ-dành; Như Lai nói với những kẻ ấy như vậy: "Đây là thiện nghiệp do nơi thân, do nơi khẩu, do nơi ý, nó sẽ đem lại kết-quả như thế nào; những chư-thiên được an hưởng lạc-thú nơi cõi trời như thế nào, hàng nhân-loại có nhiều sự hạnh-phúc ra sao".

2. Còn đây là cách dạy-dỗ nghiêm-khắc hơn; Như Lai nói với họ như vậy: "Thế này là ác nghiệp do nơi thân, do nơi khẩu, do nơi ý, nó sẽ đem lại kết-quả ra sao; thế này là các điều thống-khổ trong cảnh địa-ngục; thế này là điều tai-hại khi phải thọ sinh làm cầm-thú; thế này là các sự đói khát, khổ-não trong cõi nạ-qui".

3. Còn đây là cách khuyến-hóa bằng cả hai phương-pháp dụ ngọt và nghiêm-khắc; Như Lai nói với họ như vậy: "Thế này là thiện thân nghiệp, thế này là ác thân nghiệp, thế này là thiện khẩu nghiệp, thế này là ác khẩu nghiệp, thế này là thiện ý nghiệp, thế này là ác ý nghiệp, và quả-báo của những nghiệp lành và dữ ấy ra sao; thế này là chư-thiên; thế này là nhân-loại; thế này là địa-ngục; thế này là cảnh giới súc-sinh; thế này là cõi nạ-qui".

Người giữ ngựa Kesi hỏi tiếp Đức Phật thêm rằng: "Bạch Đức Thế Tôn, mà nếu dùng cả ba phương-pháp ấy, nhưng họ không chịu nghe theo, thì Ngài sẽ làm thế nào?"

- "Nhu Lai sẽ diệt họ".

- "Bạch Đức Thế Tôn, mà hành-vi ấy sẽ sai với giới hạnh của Ngài chăng? Không lẽ Đức Thế Tôn có thể nói rằng: "Nhu Lai sẽ diệt họ"?"

- "Này Kesi, cách diệt bỏ mà Nhu Lai thông-báo ra đây có ý-nghĩa là Nhu Lai sẽ làm ngơ, không nói điều gì nữa, nếu một kẻ nào cần học hỏi đường chân-lý mà có tánh khó dạy, chẳng chịu nghe theo ba phương-pháp kể trên. Đó là sự diệt bỏ đúng theo phẩm-hạnh của các bậc thiện-trí-thức vậy".

-- *ANGUTTARA NIKĀYA, II, 112 -113*

---o0o---

Ba cách điều-ngự¹²

Đức Thế Tôn có thuyết rằng: "Hỡi các thầy tỳ-khuru! Đây là ba cách điều-ngự:

Một là điều-ngự cái ta¹³,

Hai là điều-ngự tam giới,

Ba là điều-ngự giáo pháp.

1. "Mà thế nào mới gọi là cách điều-ngự cái ta?"

Ví như có một bậc hành-giả¹⁴ nghĩ rằng: "Đã bị sa vào cái sanh, cái già, cái đau, cái chết, cái khóc than khổ-não, tức-nhiên ta phải bị lọt vào cảnh xấu-xa, đau đớn. Nhưng con người cũng có thể tìm được phương-pháp để diệt-tận các điều thống-khổ ấy. Mà nếu đã lìa bỏ gia-đình để tìm sống trong cảnh vô gia-đình, đã dứt bỏ sự ham muốn kia rồi, ta lại đi tìm những điều ham muốn khác, xấu-xa hơn trước bội-phần. Thật ta không xứng-đáng chút nào!".

Nhưng nếu tiếp theo đó, bậc hành-giả kia lại nghĩ rằng: "Phải làm thế nào cho ta trở nên tinh-tấn, quả-quyết, sáng-suốt, biết mình; làm cho thân ta trở nên bình-tĩnh, không cho nó bồn-chôn, xao-động; làm cho tâm ta được an-định".

Lúc bấy giờ, đã điều-ngự được thân tâm mình rồi, bậc hành-giả ấy liền vứt bỏ các điều xấu-xa tội-lỗi, và rán trau-giồi những nét tốt, trong sạch. Bậc hành-giả ấy diệt bỏ những pháp nào đáng chê trách, cố gắng thực-hành những pháp cao-thượng hơn và hằng giữ cẩn-thận cho mình được trong sạch tốt đẹp luôn.

Hỡi các thầy tỳ-khuru! Con người gọi đó là cách điều-ngự cái ta vậy".

2. "Còn thế nào mới gọi là cách điều-ngự tam giới¹⁵?"

Ở vào trường-hợp này, nếu bậc hành-giả nghĩ rằng: "Đã bị sa vào cái sanh, cái già, cái đau, cái chết, cái khóc than khổ-não, tức-nhiên ta phải bị lọt vào cảnh xấu-xa, đau đớn. Nhưng con người cũng có thể tìm phương-pháp để diệt-tận các điều thống-khổ ấy. Mà nếu đã lia bỏ gia-đình để tìm sống trong cảnh vô gia-đình, ta lại để tâm suy-nghĩ đến tình-dục. Nếu ta có tư-tưởng xấu-xa, hoặc có ý hãm-hại kẻ khác, tất-nhiên trong đám-đông hàng chúng-sinh ở trên thế-gian này có những vị đạo-sĩ, hoặc Bà la Môn, và những bậc chư-thiên có năng-lực cao-thượng, sáng-suốt biết rõ tư-tưởng của kẻ khác, tuy ở xa, nhưng có thể trông thấy ta được và các ngài dùng phép tha-tâm-thông để thấu rõ ý nghĩ của ta. Các vị ấy có thể xét đoán về ta như vậy: "Những người thuộc về hạng như vậy, đã rời bỏ gia-đình để tìm sống trong cảnh vô gia-đình, mà vẫn còn ăn ở theo cách xấu-xa, tội-lỗi". Như vậy sự xuất-gia của ta đây không xứng-đáng chút nào!

Nhưng nếu tiếp theo đó, bậc hành-giả lại nghĩ rằng: "Phải làm thế nào cho ta trở nên tinh-tấn, quả-quyết, sáng-suốt, biết mình, làm cho thân ta trở nên bình-tĩnh, không cho nó bồn-chôn, xao-động, làm cho tâm ta được an-định". Lúc bấy giờ, đã điều-ngự được tam-giới rồi, bậc hành-giả ấy liền vất bỏ các điều xấu-xa, tội-lỗi, ráng trau-giồi những nét tốt, trong sạch. Bậc ấy diệt bỏ những pháp nào đáng chê trách, ráng thực-hành những pháp nào đứng-đắn, cao-thượng hơn, và hằng gìn giữ cẩn-thận cho mình được trong sạch, tốt đẹp hơn.

Hỡi các thầy tỳ-khuru! Người ta gọi đó là cách điều-ngự tam-giới vậy".

3. "Về cách điều-ngự giáo pháp là thế nào?"

Nếu bậc hành-giả nghĩ rằng: "Đã bị sa vào cái sanh, cái già, cái đau, cái chết, cái khóc than khổ-não, tức-nhiên ta phải lọt vào cảnh xấu-xa, đau đớn. Nhưng con người cũng có thể tìm được phương-pháp để tận-diệt các điều thống-khổ ấy. Giáo pháp đã được Đức Thế Tôn diễn-giải đứng-đắn; giáo pháp đang còn hiện bây giờ, không phải một lý-thuyết nhất-thời mà thiên-hạ vừa thấy đâu; giáo pháp hằng đem tới sự tấn-triển thêm; các bậc thiện trí-thức đã thông-thấu rõ-rệt như vậy. Hơn nữa, ta lại còn có nhiều bạn lữ-đồng đi trên con đường phạm-hạnh, biết thực-hành theo chánh giáo một cách sáng-suốt và hiểu biết rõ-rệt. Mà nếu trong khi đang thực-hành theo chánh giáo, tuân giữ kỷ-luật đứng-đắn như vậy, mà ta lại hờ-hững, ươn-hèn thế này, thì thật ta không xứng-đáng chút nào".

Nhưng nếu tiếp theo đó, bậc hành-giả kia lại nghĩ rằng: "Phải làm thế nào cho ta trở nên tinh-tấn, quả-quyết, sáng-suốt, biết mình; làm cho thân ta trở nên bình-tĩnh, không cho nó bồn-chôn, xao-động; làm cho tâm ta trở nên an-định trong một cảnh-giới nào". Lúc bấy giờ, đã điều-ngự được giáo pháp rồi,

bậc hành-giả liền vất bỏ các điều xấu-xa, tội-lỗi, rán trau-giồi những nét hạnh tốt, trong sạch, diệt bỏ những pháp nào đáng chê trách, và cố gắng thực-hành những pháp đúng-đắn, cao-thượng hơn. Bậc ấy hằng gìn giữ cẩn-thận cho mình được trong sạch, tốt đẹp luôn.

Hỡi các thầy tỳ-khuru! Người ta gọi đó là cách điều-ngự giáo pháp.

Tất cả là ba cách điều-ngự vậy".

-- *ANGUTTARA NIKĀYA, I, 147-150*

---o0o---

Tư-cách thoát khỏi thế-gian

Đức Thế Tôn có thuyết như vậy: "Hỡi các thầy Bà la Môn! Các người hãy chăm-chỉ nghe rõ những lời của Như Lai sẽ giảng-giải ra đây:

"Các người nên tưởng-tượng rằng có 4 nhân-vật đứng tại 4 hướng của quả đất. Mỗi nhân-vật ấy đều có tốc-lực mau-chóng vô-cùng, có một bước sải dài tột-bực. Họ đi nhanh như mũi tên của một tay thiện-xạ thuần-thực, đại-tài, có thể bắn dễ-dàng dưới bóng cây cung của mình. Các người nên tưởng-tượng rằng cả 4 nhân-vật ấy có tốc-lực mau-chóng như thế, có một bước sải dài bằng khoảng từ biển đông sang biển tây. Ví-dụ rằng, người đứng tại hướng đông thốt ra như vậy: "Nếu ta ráng sức đi, thế nào ta cũng ra khỏi thế-gian này". Nhưng dầu cho kiếp con người là trăm tuổi, và kẻ lữ-hành ấy sống đến trăm tuổi đi nữa, nó cứ đi mãi trong thời-gian một trăm năm, chỉ nhín lại chút ít thời giờ để ăn uống, tiểu-tiện, nghỉ-ngoi thôi, rốt cuộc kẻ lữ-hành ấy cũng phải chết trước khi ra khỏi thế-gian này".

"Các người nên tưởng-tượng rằng cả ba nhân-vật đứng tại hướng tây, hướng nam, hướng bắc, cũng nói như vậy, và cũng đi mãi trong thời-gian một trăm năm, chỉ nhín lại chút ít thời giờ để ăn uống, tiểu-tiện, nghỉ-ngoi thôi; nhưng, rốt cuộc, cả ba nhân-vật ấy cũng phải chết trước khi ra khỏi thế-gian này. Tại sao vậy?"

"Hỡi các thầy Bà la Môn! Như Lai không cho rằng cuộc hành-trình như vậy có thể đem lại điều lợi-ích và dắt dẫn chúng-sinh ra khỏi thế-gian đâu. Hỡi các thầy Bà la Môn! Tuy-nhiên, Như Lai quả-quyết rằng nếu không thoát khỏi thế-gian thì con người chẳng làm cách nào để diệt-tận các điều thống-khổ được".

"Hỡi các thầy Bà la Môn! Trong giới bốn của các bậc phạm-hạnh, người ta dùng tiếng "thế-gian" để ám-chỉ về ngũ-trần vậy. Mà những trần ấy như thế nào? Chính là những sắc do mắt trông thấy, làm cho phẩn-khởi sự vừa lòng, sự say mê, sự yêu-mến, sự tham-dục. Chính là những tiếng do tai nghe,

những mùi thơm do mũi ngửi, những hương vị do lưỡi nếm, những sự vừa lòng do thân đụng chạm, làm cho phần-khởi sự thoả thích, say mê, yêu-mến, tham-dục".

"Hỡi các thầy Bà la Môn! Các người nên tưởng-tượng rằng có một bậc xuất-gia kia đã xa lánh ngũ-trần, cố công hành đạo và đắc được sơ thiên. Khi ấy, có kẻ cho rằng bậc hành-giả đó đã thoát ra khỏi thế-gian, đã ở tại nơi cùng-tốt của thế-gian. Kẻ khác lại nói rằng: "Bậc ấy còn dính mắc trong thế-gian và chưa ra khỏi thế-gian". Như Lai cũng cho rằng: "Hành-giả ấy còn dính mắc trong thế-gian và chưa ra khỏi thế-gian".

"Hỡi các thầy Bà la Môn! Các người nên tưởng-tượng rằng: "Có một bậc xuất-gia khác đắc được nhị thiên, tam thiên, tứ thiên, không-vô-biên thiên, thức-vô-biên thiên, vô-sở-hữu thiên, phi tướng phi phi tướng thiên, vân-vân ... và hưởng sự an-lạc trong các cảnh ấy. Trong mỗi bậc thiên, có người cho rằng hành-giả đã thoát ra khỏi thế-gian, đã ở tại nơi cùng-tốt của thế-gian. Có người khác lại cho rằng hành-giả vẫn còn dính mắc trong thế-gian. Như Lai cũng cho rằng: "Kẻ ấy còn dính mắc trong thế-gian và chưa thoát ra khỏi thế-gian".

"Hỡi các thầy Bà La Môn! Trái lại, có một bậc xuất-gia đã vượt qua khỏi các bậc thiên ấy để nhập vào bậc "Diệt Thọ Tướng Định". Hành-giả ở trong cảnh này với đầy đủ sự sáng-suốt, biết mình. Ấy là bậc có trí-tuệ hoàn-toàn và đã diệt-tận các phiền-não. Nay các thầy Bà La Môn, người ta nói rằng bậc xuất-gia ấy đã đi đến nơi cùng-tốt của thế-gian, đã ở ngoài vòng thế-gian, đã lướt qua khỏi mảnh lưới của thế-gian vậy".

-- ANGUTTARA NIKĀYA

Lời của soạn-giả:

Một số đông hàng đạo-sĩ hoặc Bà La Môn, nhờ sự cố công trì-chí trong pháp hành, thâm-thập được nhiều kết-quả về thiên-định và lắm khi đắc được các phép thần-thông, rồi lầm tưởng rằng mình đã thoát ra khỏi vòng sanh tử luân-hồi. Nhưng thật ra, chẳng phải vậy đâu. Thiên-định và trí-huệ là hai pháp cao-thượng trong Phật-Giáo hằng nương-nhờ lẫn-nhau, ví như người chiến-sĩ với món khí-giới hộ-thân của mình. Nhờ trí xét-đoán và thực-hành trên con đường trung-đạo của Đức Phật đã di-huấn, những bậc xuất-gia, hoặc tại-gia, thường được thành-tựu trong các bậc thiên. Với thiên-định ấy, hành-giả chân-chánh hằng dùng nó để trau-giồi trí-huệ của mình cho được tinh-vi, hầu thấy rõ lý "Tứ Diệu Đế", một khoa linh-dược duy-nhứt để diệt-tận các điều thống-khổ của thế-gian.

Đức Thế Tôn thuyết thời pháp trên đây để thức-tỉnh các thầy tỳ-khuru, không nên quá say mê, thỏa-thích trong các bậc thiền mà mình đã đắc. Ngài dạy các nhà tu-hành chỉ nên coi pháp thiền-định như món khí-cụ để dùng vào việc tạo ra con thuyền bát-nhã, đừng đưa hành-giả qua đến bờ Niết-Bàn an vui tuyệt-đối.

---o0o---

Những cách mà thiên-hạ có thể nói về Đức Phật đúng theo sự thật

Đức Thế Tôn có thuyết ra như vậy:

"Này Đại-Quan¹⁶, vậy chớ với cách nào mà thiên-hạ có thể nói về Như Lai đúng theo sự thật, khi họ nói rằng: "Đạo-sĩ Gotama tuyên-bố cái chi không nên làm; ông ta khuyến-hóa một giáo pháp về cái chi không nên làm và chính theo lối ấy, ông ta hằng diu-dắt nhóm đệ-tử của mình?"

"Này Đại-Quan, quả thật vậy. Như Lai hằng tuyên-bố những tật xấu của thân, của khẩu, của ý, là những cái không nên làm; Như Lai hằng tuyên-bố những điều bất-chánh và sai-lầm là những việc không nên làm".

"Này Đại-Quan, còn với cách nào mà ... khi họ nói rằng: "Đạo-sĩ Gotama tuyên-bố cái chi nên làm; ông ta ...?"

"Quả thật vậy. Như Lai hằng tuyên-bố về cái nét tốt của thân, của khẩu, của ý là những cái nên làm; Như Lai hằng tuyên-bố các đức-tánh cao-thượng là những điều nên làm".

"Này Đại-Quan, còn với cách nào mà ... khi họ nói rằng: "Đạo-sĩ Gotama là một người có tánh ghét bỏ; ông ta ...?"

"Quả thật vậy. Như Lai hằng ghét bỏ những tật xấu của thân, của khẩu, của ý, và dạy bảo các đệ-tử nên lánh xa các điều tội-lỗi".

"Này Đại-Quan, còn với cách nào mà ... khi họ nói rằng: "Đạo-sĩ Gotama là một người có tánh hay xa-lánh; ông ta ...?"

"Quả thật vậy. Như Lai hằng khuyến-hóa một giáo pháp về sự xa-lánh các điều xấu-xa, lầm lạc".

"Này Đại-Quan, còn với cách nào mà ... khi họ nói rằng: "Đạo-sĩ Gotama là một người hay phá-hoại ngọn lửa thiêu-đốt, ông ta khuyến-hóa một giáo pháp về sự phá-hoại ngọn lửa thiêu-đốt và chính theo lối ấy, ông ta ...?"

"Quả thật vậy. Như Lai hằng nói về những điều xấu-xa, lầm-lạc, luôn-luôn thiêu-đốt, nhất là những nét xấu-xa, tội-lỗi của thân, của khẩu, của ý. Này Đại-Quan, kẻ nào đã diệt-tận các điều ác có tánh-cách thiêu-đốt, không cho chúng nó phát-sinh nữa được, ví cũng như cây thốt-nốt kia bị chặt tận gốc,

không sao mọc lên nữa được. Như Lai gọi kẻ ấy là người đã phá-hoại ngọn lửa thiêu-đốt vậy. Nay Đại-Quan, đối với bậc Chánh-Đẳng Chánh-Giác, thì những điều xấu-xa, lầm-lạc, có tánh-cách thiêu-đốt kia đều bị diệt-tận, không sao phát-sinh được nữa".

"Này Đại-Quan, còn với cách nào mà ... khi họ nói rằng: "Đạo-sĩ Gotama là một người không còn có sự biến-triển nào khác nữa; ông ta ...?"

"Quả thật vậy. Kẻ nào trong buổi tương-lai chẳng còn kết-tụ vào một thai-bào, đã diệt-tận sự biến-triển và không còn sinh-trưởng nữa, cũng như cây thốt-nốt kia bị chặt tận gốc. Như Lai gọi kẻ ấy là người không còn sự biến-triển nào khác nữa. Đối với bậc Chánh-Đẳng Chánh-Giác, thì trong buổi tương-lai, sự kết-tụ vào một thai-bào, sự biến-triển và nguồn-gốc sinh-trưởng đều bị diệt-tận".

"Này Đại-Quan, còn với cách nào mà ... khi họ nói rằng: "Đạo-sĩ Gotama là một người có sự tin chắc; ông ta ...?"

"Quả thật vậy. Như Lai hằng có sự tin chắc cao-thượng về đạo-quả giải-thoát (của các bậc thánh-nhân)".

-- VINĀYA, I. 234-236

Lời của soạn-giả

Thuở ấy, Phật Pháp rất thanh-hành; Tam-Bảo được phân đông tôn-trọng, cúng dường. Một số thiện-nam, tín-nữ, của Đức Phật đều thuộc hàng vương-giả, đại-thân, hoặc triệu-phú-gia, hết tâm trong sạch đem tiền của ra bố-thí một cách rộng-rãi. Tăng-chúng nhờ đó mà sinh-sống được dễ-dàng, đầy-đủ. Nên chi, các nhóm ngoại-đạo sinh lòng ganh tị, tuyên-truyền khích-bác Phật-Giáo. Họ dựng ra lời này lẽ nọ để đem kiến-thức của một nhóm người có đức tin Phật-Giáo ra ngoài vòng chánh-giáo. Đức Thế Tôn khuyến-hóa thế này, họ hiểu theo thế khác, vẽ-vòi ra đủ chuyện, cốt ý làm cho Phật Pháp phải suy-bại. Muốn đánh-đổ sự phá-hoại ấy, Đức Thế Tôn có thuyết cho vị thống-tướng Siha nghe những điều trên đây, để gỡ mối sai-lầm của một nhóm cư-sĩ tại-gia đã lỡ tin theo lẽ quấy.

---o0o---

Đức Phật giải về đạo-quả của người tại-gia cư-sĩ

Đức Thế Tôn có thuyết ra như vậy: "Thuở nọ, Đức Phật đang ngự tại thành Kapilavatthu (Ca Tỳ La Vệ), trong vườn cây da. Khi ấy, có vài vị tỳ-khưu đang lo may một cái y mới dâng cho Đức Thế Tôn để Ngài đi truyền đạo sau lúc ra hạ. Ông Mahānāma, thuộc giòng Thích-Ca, hay tin Đức Phật sắp đi ta-bà, liền đến nơi đánh lễ Ngài rồi ngồi kế bên và bạch như vậy: "Bạch Đức

Thế Tôn, xin Ngài vui lòng chỉ dạy chúng tôi nên làm thế nào để khuyển-lon một người tại-gia cư-sĩ đang lâm bệnh nặng".

Đức Phật thuyết rằng: "Này Mahānāma, khi có người tại-gia cư-sĩ lâm-bệnh nặng, một kẻ khác có trí phán-đoán nên an-ủi bệnh-nhân như thế này: "Này bạn, xin bạn hãy an lòng:

1. Vì bạn là người có sự tin-tưởng trong sạch đối với Đức Phật, một bậc Thế Tôn, một bậc Trọn-Lành, một đấng Toàn-Giác thông-suốt tam-giới, một bậc thầy cả chư-thiên và nhân-loại;
2. Vì bạn là người có sự tin-tưởng trong sạch đối với Pháp-Bảo do Đức Thế Tôn đã khẩu-truyền một cách chánh-đáng, không sai-lạc. Đức Phật hằng dìu-dắt chúng-sinh ra khỏi vòng khổ-não, và được các bậc hiền-triết tôn-sùng;
3. Vì bạn là người có sự tin-tưởng trong sạch đối với đức-tăng. Chư thánh-tăng là những bậc tinh-văn đệ-tử của Đức Thế Tôn. Các ngài có hành-vi chân-chánh, đứng-đắn trong 4 đạo và 4 quả thánh-nhân¹⁷. Chư-tăng ấy đáng cho nhân-loại cúng dường, là miếng ruộng báu của tất cả chúng-sinh;
4. Vì bạn là người có đức-tin trong sạch đối với giới bốn của các bậc thiện-trí-thức. Giới bốn ấy rất cao-quí, trong sạch, nguyên vẹn, để dẫn-dắt chúng-sinh đến nơi giải-thoát và hằng được các bậc thánh-nhân khen ngợi".

Đó là bốn điều an-ủi người tại-gia cư-sĩ đang lâm-bệnh nặng".

"Tiếp theo đó, nên hỏi người bệnh như vậy: "Vậy chớ bạn còn mến tiếc cha mẹ không?" Nếu người trả lời còn, thì nên giải rằng: "Này bạn, thế nào bạn cũng phải chết. Dầu có thương tiếc cha mẹ đến đâu, hay không thương tiếc, bạn cũng phải chết. Vậy bạn nên vất bỏ sự thương tiếc ấy đi".

"Rồi cũng theo cách giải trên đây, kẻ đến an-ủi bệnh-nhân, coi người còn trứu-mến vợ con không và cũng khuyển-lon người nên dứt bỏ sự trứu-mến ấy đi".

"Sau khi bệnh-nhân trả lời rằng chẳng còn thương tiếc vợ con, thì nên hỏi nữa: "Vậy chớ bạn còn tham muốn ngũ-trần không?" Nếu người bệnh trả lời còn, thì nên giải như vậy: "Bạn ôi, sự an vui nơi cõi trời rất cao-thượng hơn sự an vui của ngũ-trần. Vậy bạn nên dứt bỏ sự tham-muốn ngũ-trần và nên chú tâm về sự an vui nơi cảnh trời 'Tứ Đại Thiên Vương'". (Rồi lần-lần, từ cõi trời 'Tứ Đại Thiên Vương' đến những cõi trời: Đao Lợi, Dạ Ma, Đâu

Suất, Lạc Biến Hóa, Tha Hóa Tự Tại, cho tới khi người bệnh được chú-tâm vào cõi trời Phạm Thiên)".

"Tới đây, nếu bệnh-nhân nói mình đã chú-tâm vào cõi trời Phạm Thiên rồi, thì người đến khuyên-lơn nên giải nữa rằng: "Này bạn ôi! Cõi trời Phạm Thiên cũng còn chịu ảnh-hưởng của sự vô-thường, cũng không bền vững và hãy còn ở trong vòng cá-nhân¹⁸. Vậy bạn nên cố gắng đem nấc tâm lên tới bậc 'Diệt Thọ Tướng Định'¹⁹".

Đức Phật thuyết rằng: "Này Mahānāma, nếu bệnh-nhân cho biết rằng tâm mình đã vượt khỏi cõi trời Phạm Thiên và đã tới bậc 'Diệt Thọ Tướng Định', thì người ấy đã được giải-thoát rồi. Này Mahānāma, coi đó thì biết rằng, bất-luận là người tại-gia cư-sĩ hay là bậc xuất-gia, nếu kẻ nào ráng tu tập và trau-giồi tâm-trí để thoát khỏi vòng phiền-não: Tham - Sân - Si, hẳn nhiên kẻ ấy sẽ được hoàn-toàn giải-thoát vậy".

-- SAMYUTTA NIKĀYA

---o0o---

Những điều làm cho quốc-gia được cường-thịnh

Ta²⁰ có nghe như vậy:

"Một thuở nọ, Đức Thế Tôn đang ngự tại thành Radjagaha (Vương Xá), trên đỉnh núi Kỳ Xà Quật (núi kên-kên). Lúc ấy, Vua Adjatasattou (A Xà Thế) định đem binh đi đánh nước Vajjis. Ngài phán rằng: "Ta sẽ tấn-công dòng Vajjis ấy; dầu cho chúng nó hùng mạnh thế nào, ta cũng sẽ dẹp yên chúng nó, ta sẽ diệt tận gốc rễ chúng nó".

Kế đó, nhà vua liền dạy vị đại-thần Vassakara như vậy: "Này hiền-khanh, hiền-khanh mau tìm Đức Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Ngài, và cung-kính chuyển sang Ngài lời chào mừng của trăm. Khanh nên ân-cần thăm hỏi dùm trăm coi Đức Thế Tôn được mạnh giỏi, an vui, thế nào? Xong rồi, khanh nên bạch lại cho Ngài rõ rằng vua xứ Magadha, là Adjatasattou, trong cơn nóng giận, định đem binh sang đánh xứ Vajjis". Nhà vua đã nhất-quyết như vậy: "Ta sẽ tấn-công dòng Vajjis ấy; dầu cho chúng nó hùng mạnh thế nào, ta cũng sẽ dẹp yên; ta sẽ diệt tận gốc rễ chúng nó". Hiền-khanh nên cẩn-thận, nhớ kỹ lời tiên-đoán của Đức Thế Tôn để về tâu lại cho trăm rõ; Chư Phật không khi nào nói đến việc gì sai với sự thật".

Nghe lời phán dạy của nhà vua, vị quan đại-thần Vassakara tâu rằng: "Tâu Đại-Vương, hạ-thần xin làm y theo lệnh Ngài". Rồi đó ông ta liền bước lên long xa của vua ban cho, cùng một nhóm quân tùy-tùng, rời khỏi thành Vương Xá, nhắm về hướng dãy núi Kỳ Xà Quật mà trực-chỉ. Sau khi trải

qua hết khoảng đường mà xe cộ có thể giao-thông được, ông ta xuống xe, đi bộ và tìm lần đến nơi Phật ngự. Lúc đến nơi, vị đại-thần Vassakara đánh lễ Đức Thế Tôn xong rồi ngồi kế bên và bạch cho Ngài rõ mấy điều quyết-định của nhà vua.

Khi ấy, tôn-giả Ananda đang đứng phía sau quạt cho Đức Phật. Đức Thế Tôn liền dạy lại hỏi tôn-giả Ananda như vậy: "Vậy chớ nhà ngươi có nghe các nhân-vật Vajjis biết ăn ở có đoàn-thể, hòa-thuận và thường hay hội-họp cùng nhau để lo việc nước như thế nào không?"

Đại Đức Ananda trả lời rằng: "Bạch Đức Thế Tôn, đệ-tử có nghe như vậy".

Đức Phật liền thuyết rằng: "Này Ananda, khi nào các nhân-vật Vajjis biết đoàn-kết, ăn ở hòa-hảo cùng nhau, thường hay hội-họp để lo việc nước, thì không mong gì họ sẽ bại-vong. Trái lại, họ sẽ được cường-thịnh và phong-phú thêm lên".

"Này Ananda:

- Khi nào các nhân-vật Vajjis biết ăn ở hòa-thuận, ráng làm cho sự hòa-thuận ấy thêm tấn-triển, và bất cứ trong công việc chi, họ vẫn lấy tư-cách hòa-thuận để thực-hành;

- Khi nào họ không bày vẽ ra những luật-lệ mới, khác với luật-lệ sẵn có, không xoá bỏ những điều cũ và biết ăn ở theo qui-lập của các vị tiền-bối Vajjis thuở xưa;

- Khi nào họ biết tôn-trọng, kính-nê, sùng-bái, cung-phụng các bậc hiền-triết Vajjis và năng cần nghe lời dạy bảo của những bậc ấy;

- Khi nào họ không bắt bớ, hãm hiếp đàn bà, con gái, của những gia-đình lương-thiện;

- Khi nào họ biết quý-trọng, tôn-kính, sùng-bái và tu-bồ các đền-tháp Vajjis đã được dựng lên trong khắp nơi, từ thành-thị đến thôn-quê, và họ không còn chấp những cách tế-lễ hủ-lậu;

- Khi nào họ biết che-chở, bảo-bọc, phụng-sự các bậc thánh-nhân, để cho những bậc ấy - hoặc ở trong xứ, hoặc từ phương xa đến - được tự-do hành đạo".

"Này Ananda, khi nào các nhân-vật Vajjis thực-hành được những điều-kiện kể trên thì không mong gì họ sẽ bại-vong. Trái lại, họ sẽ được cường-thịnh, phong-phú thêm lên".

Khi ấy, Đức Thế Tôn dạy qua nói với đại-thần Vassakara như vậy: "Này đại-quan, thuở nọ, Như Lai đang ngụ tại thành Vesali, nơi mộ-địa Sarandada, đã

có dịp giải cho các nhân-vật Vajjis biết rõ những điều-khien làm cho họ trở nên cường-thịnh. Khi nào các nhân-vật Vajjis làm tròn mấy điều-khien ấy, họ sẽ đạt được sự lợi-ich của những điều ấy, thì không mong gì họ sẽ bại-vong. Trái lại, họ sẽ được cường-thịnh, phong-phú thêm lên".

Vị quan đại-thần Vassakara liền bạch với Đức Phật rằng: "Nếu chỉ làm tròn vài điều-khien như đã nói trên, mà các nhân-vật Vajjis tránh khỏi sự bại-vong và được thịnh-vượng thêm lên, như vậy thì họ sẽ hùng mạnh đến bậc nào, khi làm đủ cả bảy điều-khien ấy? Bạch Đức Gotama, như thế thì nhà vua xứ Magadha không mong gì đánh bại được dân Vajjis bằng võ-lực, hoạ may phải dùng lối ngoại-giao hay là chờ dịp họ chia rẽ cùng nhau mới được. Bạch Đức Gotama, vậy tôi xin kiêu-từ Ngài, vì tôi còn nhiều công việc phải làm".

Đức Thế Tôn đáp rằng: "Đại-quan cứ việc tùy-tiện". Rồi đó, vị đại-thần Vassakara đứng dậy ra về, tỏ vẻ rất hài-lòng, thỏa-thích, về những lời diễn-giải của Đức Thế Tôn.

---o0o---

Đức Phật thuyết về tư-cách phồn-thịnh của Tăng-chúng

Sau khi vị đại-thần Vassakara đi rồi, Đức Thế Tôn liền dạy tôn-giả Ananda như vậy: "Này Ananda, người triệu-tập ngay vào phòng nhóm này, với tất cả tăng-chúng đang ngụ tại thành Vương-Xá".

Đại-đức Ananda vâng lời, sau khi xong việc rồi, trở lại bạch với Đức Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn, các thầy tỳ-khuru đã tề-tụ đông-đủ. Vậy xin Ngài chỉ dạy".

Đức Phật đứng dậy đi vào phòng nhóm. Ngồi xong, Ngài nói rằng: "Hỡi các thầy tỳ-khuru! Như Lai diễn-giải cho các người nghe về bảy pháp làm cho tăng-hội được phồn-thịnh. Vậy các người nên chăm-chỉ nghe rõ mấy điều mà Như Lai sẽ thuyết ra đây".

Tăng chúng đồng bạch rằng: "Bạch Đức Thế Tôn, chúng tôi xin vâng".

Đức Phật liền thuyết ra như vậy:

- "Khi nào tăng-chúng biết ăn ở có đoàn-thể, thường hay hội-họp cùng nhau;
- Khi nào các thầy tỳ-khuru biết ăn ở hòa-nhã, biết hội-họp hòa-nhã và hằng thực-hành tăng sự với tư-cách hòa-nhã;
- Khi nào những thầy tỳ-khuru không sửa đổi những điều học, không hủy bỏ những điều học, đã quyết-định và hằng giữ đúng giới-luật hiện-hành;

- Khi nào các thầy tỳ-khuru biết quý-trọng, tôn-kính, sùng-bái những bậc trưởng-lão có nhiều kinh-nghiệm, là các bậc cha lành cao-cả trong tăng-hội, có bốn-phận nghe lời dạy-bảo của các ngài;
- Khi nào các thầy tỳ-khuru không còn để cho lòng ham muốn làm chủ thân tâm, vì đó mà phải bị luân-hồi nhiều kiếp;
- Khi nào các thầy tỳ-khuru có tâm thoả-thích chốn rừng sâu thanh-vắng;
- Khi nào các thầy tỳ-khuru biết tự-chủ, biết điều-dắt các đệ-tử nào có nhiều tài đức và đem lại sự an vui, hạnh-phúc, cho họ.

Được vậy thì tăng-hội sẽ tấn-triển thêm, chẳng sợ gì phải bị suy-bại lu-mờ".

"Này các thầy tỳ-khuru, khi nào cả bảy pháp ấy được tăng-chúng thông-hiểu và hành theo, thì tăng-hội sẽ được tấn-triển thêm, không sợ gì phải bị suy-bại lu-lờ".

"Hỡi các thầy tỳ-khuru! Các người nên chăm-chỉ nghe rõ bảy pháp khác nữa mà Như Lai sẽ thuyết ra đây:

- Khi nào các thầy tỳ-khuru không làm nghề buôn bán, không cầu lợi-lộc trong sự buôn bán;
- Khi nào các thầy tỳ-khuru không còn thói quen ưa nói chuyện san-đàng, vô-ích, không thoả-thích và hằng xa lánh những chuyện ấy;
- Khi nào các thầy tỳ-khuru không còn lơ-là, biếng-nhác, không vui-thích trong sự lười-biếng;
- Khi nào các thầy tỳ-khuru không còn thân-cận với kẻ thế, không vui thích trong thế-sự;
- Khi nào các thầy tỳ-khuru không còn ham muốn tình-dục và chẳng còn làm nô-lệ cho tình-dục;
- Khi nào các thầy tỳ-khuru không còn thân-cận với kẻ dữ;
- Khi nào các thầy tỳ-khuru không ngưng sự hành-trình của mình khi đi được nửa đường chân-lý và hài-lòng trong kết-quả của mình đã đạt được.

Chừng ấy, tăng-hội khỏi phải bị suy-bại lu-mờ, mà được thêm phần tiến-triển".

"Này các thầy tỳ-khuru, khi nào các pháp ấy được tăng-chúng thông-hiểu và hành theo, thì tăng-hội sẽ được tấn-triển, chẳng sợ gì phải suy-bại lu-lờ".

Đức Phật thuyết thêm:

- "Khi nào các thầy tỳ-khuru có đầy đủ đức-tin, có sự khiêm-nhượng, biết ghê sợ tội-lỗi, hằng niệm tưởng biết mình, có sự tinh-tấn, có tâm-trí an-trụ, có đầy đủ trí-huệ;
- Khi nào các thầy tỳ-khuru năng trau-giỏi bảy nhân căn-bản làm cho sinh quả bồ-đề (thất bồ-đề phần), có sự suy-xét chân-chánh, sự vui thích trong pháp, sự an-tịnh, sự chăm chú trong phép thiền-định, sự bình-đẳng của tâm;
- Khi nào các thầy tỳ-khuru hằng để-ý hiểu rõ về pháp vô-thường của vạn-vật, về các nét hư-hỏng, sự dễ-duôi, sự diệt-trừ phiền-não, và tư-cách giải-thoát ra khỏi điều thông-khổ;
- Khi nào các thầy tỳ-khuru biết chứng tỏ sự tốt lành của mình đối với những bạn đồng-đạo bằng hành-vi, bằng lời nói, bằng ý-nghĩ, dầu trước mặt hay sau lưng cũng vậy;
- Khi nào các thầy tỳ-khuru biết chia sẻ theo qui-định của tăng-hội cho những bạn tu-hành có đức-hạnh trang-nghiêm, bốn món vật-dụng, nhiều hay chút ít thực-phẩm mà mình đã được trong lúc khát-thực;
- Khi nào các thầy tỳ-khuru biết gằn-gũi những bậc thiện-trí-thức, dầu ở trước mặt hay sau lưng các ngài cũng vậy, ráng cương-quyết thực-hành những pháp cao-siêu cho được toàn vẹn, trong sạch, không chút bợn-nhơ, để đi đến nơi giải-thoát, biết trau-giỏi những pháp mà các bậc hiền-triết hằng khen ngợi, biết thực-hành những pháp làm cho tâm trí được an-tĩnh;
- Khi nào các thầy tỳ-khuru, dầu ở trước mặt người hay sau lưng người cũng vậy, biết gằn-gũi các bậc thánh-nhân, biết cố gắng đạt đến mục-đích an vui, hầu tận-diệt tất cả các phiền-não ...

Được vậy, thì tăng-hội khỏi phải suy-bại lu-lờ, mà sẽ được thêm phần tấn-triển".

-- DĪGHA NIKĀYA

Lời của soạn-giả

Sở dĩ Đức Thế Tôn có danh hiệu "hoàn-toàn sáng-suốt" là vì mỗi khi làm điều chi, hay nói chuyện gì, Ngài luôn-luôn làm và nói đúng theo chân-lý, hợp theo thời và có ích cho phần đông. Đức Phật rất công-bình, thương-xót tất cả chúng-sinh như nhau, chẳng luận kẻ tốt người xấu, kẻ sang người hèn. Ngài chỉ mong sao mỗi lời hoặc hành-vi của mình sẽ đem lại nhiều điều hạnh-phúc, an vui cho chúng-sinh.

Tích trên đây nói về đức vua Adjatasattou, là bậc hộ-pháp rất đặc-lực thời-kỳ Đức Phật còn tại thế. Nhà vua định đem binh xâm-chiếm nước Vajjis, nhưng không biết thắng bại thế nào. Hơn nữa, nhà vua lại nghĩ rằng mình là

người sang cả, hết lòng hộ-độ Tam-Bảo, là bậc đã từng làm vừa lòng Đức Thế Tôn và khắp hàng tăng-chúng, thì thế nào Phật cũng dạy bảo mình nhiều điều lợi-ích về quốc-sự. Do đó, vua Adjatasattou mới sai quan đại-thần Vassakara đến lãnh ý Đức Phật coi có nên xuất-chinh hay không. Trong trường-hợp đó, Đức Thế Tôn chẳng trả lời câu hỏi của sứ-giả, nhân dịp ấy thuyết cho tôn-giả Ananda nghe về những kết-quả tốt đẹp, phồn-thịnh của một nước, của một nhóm người, của tăng-chúng khi những nhân-vật biết ăn ở hòa-thuận và đoàn-kết cùng nhau.

---o0o---

Ba điều so-sánh của đức Bồ-tát trước khi đắc-đạo

Đức Thế Tôn thuyết cho ông Aggivessana nghe như vậy:

"Này Aggivessana, khi ấy bỗng-nhiên phát-khởi trong trí Như Lai ba điều so-sánh mà từ nào đến giờ không ai biết tới.

"Này Aggivessana, ví dụ có một khúc cây ướt, dính bùn, bị dể dưới nước và có một người kia đem lại một khúc cây khác cọ vào nó mà nghĩ rằng: "Ta sẽ làm cho nẩy lửa để tìm ánh-sáng". Này Aggivessana, như vậy có thể được chăng?

- "Bạch Đức Gotama, không thể được.

- "Tại sao vậy?

- "Bạch Ngài, vì cây ấy đã ướt, dính bùn mà lại bị ngâm dưới nước, thì người kia chỉ phí công, vô-ích đó thôi.

- "Này Aggivessana, cũng như thế ấy, những bậc đạo-sĩ, hay Bà La Môn, nào hằng làm nô-lệ cho cả xác thân và tâm-trí, có nhiều tham-dục, vui thích trong tham-dục, sống trong vòng tham dục, say-đắm vì tham-dục và hằng bị lửa tham-dục luôn-luôn thiêu đốt, thì dù cho những bậc đạo-sĩ hay Bà La Môn đó có hành thân hoại thể, chịu đau khổ cách mấy đi nữa, họ cũng không thể nào đạt được chân-lý cao-siêu. Hoặc-giả các bậc đạo-sĩ hay Bà La Môn đó hành-động cách nào cho khỏi đau-đớn thống-khổ, thì họ cũng chẳng đạt được chân-lý cao-siêu, đạt được trí-huệ để đi đến sự hoàn-toàn giác-ngộ.

"Đó là điều so-sánh thứ nhất mà từ nào đến giờ chẳng ai biết tới".

"Này Aggivessana, tiếp theo đó bỗng-nhiên phát-khởi trong trí Như Lai điều so-sánh thứ nhì, mà từ nào đến giờ chẳng ai biết tới.

"Ví dụ, có một khúc cây ướt, dính bùn bị ngâm dưới nước và được vớt lên bỏ trên đất; có một người kia đem lại một khúc cây khác cọ vào nó mà nghĩ

rằng: "Ta sẽ làm cho nẩy lửa để tìm ánh-sáng". Nay Aggivessana, như vậy có thể được chăng?

- "Bạch Đức Gotama, không thể được.

- "Tại sao vậy?

- "Bạch Ngài, vì cây ấy đã ướt, dính bùn mà lại mới vừa được vớt lên khỏi nước, thì người kia chỉ phí công vô-ích đó thôi.

- "Này Aggivessana, cũng như thế ấy, những bậc đạo-sĩ hay Bà La Môn nào đã kèm-chê xác thân, không cho nó hành-động theo sự tham-dục; nhưng, trái lại tâm-trí của họ còn dính-mắc trong vòng tham-dục, vui thích trong sự tham-dục, sống với sự tham-dục, say-đắm vì tham-dục và hằng bị lửa tham-dục luôn-luôn thiêu đốt, thì dầu cho những bậc đạo-sĩ hay Bà La Môn đó có hành thân hoại thể, chịu đau khổ cách mấy đi nữa, hoặc-giả họ hành-động cách nào cho khỏi đau đớn, khổ-sở, thì họ cũng chẳng đạt được chân-lý cao-siêu, đạt được trí-huệ để đi đến sự hoàn-toàn giác-ngộ.

"Đó là điều so-sánh thứ nhì mà từ nào đến giờ chẳng ai biết tới".

"Này Aggivessana, kế tiếp theo đó, bỗng-nhiên phát-khởi trong trí Như Lai điều so-sánh thứ ba mà từ nào đến giờ chẳng ai biết tới.

"Ví dụ, có một khúc cây khô, sạch sẽ, bị ngâm dưới nước nhưng được người vớt lên để trên mặt đất một thời-gian, và có một người kia đem lại một khúc cây khác cọ vào nó mà nghĩ rằng: "Ta sẽ làm cho nẩy lửa, để tìm ánh-sáng". Nay Aggivessana, như vậy có thể được không?

- "Bạch Đức Gotama, hẳn có thể được.

- "Tại sao vậy?

- "Bạch Ngài, vì khúc cây ấy được vớt lên khỏi nước trong một thời-gian và đem để trên đất nên nó khô và sạch sẽ.

- "Này Aggivessana, cũng như thế ấy, những bậc đạo-sĩ hay Bà La Môn nào không còn làm nô-lệ cho xác thân và tâm-trí, đã phủ sạch điều tham-dục, không còn vui thích trong sự tham-dục, không còn sống với sự tham-dục, không bị hư-hỏng say-đắm vì tham-dục, chẳng còn bị ngọn lửa tham-dục thiêu đốt và đã tìm được sự an-tĩnh cho thân tâm, thì những bậc đạo-sĩ hay Bà La Môn đó, dầu cho có hành-động đau đớn, khó nhọc, hoặc không đau đớn, khó-nhọc, đi nữa, thì họ cũng đạt được chân-lý cao-siêu, đạt được trí-huệ để đi đến sự hoàn-toàn giác-ngộ".

"Này Aggivessana, đó là điều so-sánh thứ ba mà từ nào đến giờ không ai biết tới, bỗng-nhiên phát-khởi trong trí Như Lai".

-- MAJJHIMĀ NIKĀYA

---o0o---

Lý-thuyết "tứ diệu đế" và "thập nhị nhân duyên"

"Hỡi các thầy tỳ-khưu! Một cái đèn kia cháy được là do chất dầu và cái tim của nó. Tỉnh-thoảng, người nhà lại châm dầu thêm và kéo tim lên. Nhờ vậy mà ngọn đèn cháy được lâu ngày, như thế nào?"

"Thì cũng như thế ấy, kẻ nào cố tâm suy xét về những sự vui thích của ngũ-trần, tất-nhiên lòng tham muốn của kẻ ấy sẽ tấn-triển thêm".

"Hỡi các thầy tỳ-khưu! Trái lại, kẻ nào hằng chú-tâm suy xét về nỗi thông-khổ của vạn-vật, thì lòng tham muốn của kẻ ấy phải tiêu tan. Mà khi nào sự tham muốn bị tẩy-trừ, thì tất cả các điều thông-khổ cũng dứt hẳn".

"Hỡi các thầy tỳ-khưu! Cũng như một cái đèn kia cháy được là do chất dầu và cái tim của nó. Nếu tỉnh-thoảng không có ai đến châm dầu và kéo tim lên, thì ngọn đèn phải tắt vì hết dầu".

-- SAMYUTTA NIKĀYA

Lời của soạn-giả:

Những ai muốn hấp-thụ Phật-Giáo một cách chân-chánh và khỏi sai-lạc vào nẻo thân-quyền, dị-đoan, cần phải tìm hiểu rõ-rệt hai lý-thuyết: tứ diệu đế (Ariyaccadhamma) và thập nhị nhân duyên (Paticca-Samuppada) của Đức Phật đã tìm ra. Nhờ cố công suy xét đúng theo phương-pháp, Đức Thế Tôn thấy rằng tất cả sự thay-đổi của vạn-vật trên thế-gian đều do những nhân và duyên gây ra: cái này tạo ra cái khác, cái kia có để sanh ra cái nọ; nhân tạo ra duyên, rồi duyên trở lại thành nhân. Cũng như nhờ có đất nên cây mới mọc. Người ta lấy cây đem về làm củi, củi đốt ra lửa, lửa dùng để nấu vật thực, vật thực để nuôi sinh mạng, vân-vân ... Ngoài ra, chẳng có vị Chúa cứu thế hay tạo-hóa nào cả.

Muốn cho phân đông dễ hiểu, chúng ta nên đem hai lý-thuyết ấy ra so-sánh với y-khoa hiện-thời. Một vị lương-y, trước khi điều-trị, cần phải dò xét coi bệnh-nhân đau chứng gì và bệnh ấy bởi tự đâu mà phát-sinh. Thầy thuốc Á-đông thì chẩn mạch coi có điều chi trắc-trở trong ngũ-tạng, y-sĩ người Âu Mỹ thì hay thử: phân, nước tiểu, máu, đờm ... để tìm các loại vi-trùng phá-hoại cơ-thể. Khi biết rõ bệnh và nguyên-nhân của chứng bệnh, vị lương-y lại cần phải biết chọn lựa những vị thuốc nào cho phù-hợp, thì sự điều-trị mới công-hiệu.

Về Phật-Giáo, chính Đức Thế Tôn là vị lương-y đã được thấu-đáo bệnh khổ của chúng-sinh. Gia-công suy xét, Ngài tìm ra được nguyên-nhân của các

điều thống-khổ là lòng tham muốn: muốn được sinh sống, muốn chấp giữ, muốn ưa mến, muốn thọ lãnh tình-cảm, muốn tiếp-xúc với ngũ-trần, vân-vân ... Mà lòng tham muốn được phần-khởi là do sự không biết phân-biệt (vô-minh) gây ra. Nếu diệt được vô-minh, thì tâm tham muốn không còn. Mà khi nào hết tham muốn, thì con người mới mong thoát ra khỏi bánh xe sanh tử luân-hồi được. Nhưng muốn diệt-tận vô-minh, dứt lòng tham muốn để khỏi khổ, nhà hành đạo sáng-suốt cần phải noi theo con đường ềBát Chánh" (Atthangikamagga) của Đức Thế Tôn đã vạch ra, thì mới mong thành-tựu đạo-quả.

---o0o---

Tứ diệu đế

Đức Thế Tôn có thuyết ra như vậy:

"Này các thầy tỳ-khuru, có hai điều thái-quá mà các bậc xuất-gia cần phải xa lánh. Hai điều ấy như thế nào?

- Một là đời sống buông-tuồng theo ngũ-dục, say mê trong ngũ-dục, rất là xấu-xa, thô-bỉ, thấp-hèn và vô-ích.

- Hai là ăn ở theo lối khổ-hạnh, hành thân hoại thể, đau đớn khổ-não, không thanh-cao mà cũng chẳng bổ-ích vào đâu.

"Này các thầy tỳ-khuru, nhờ tránh xa hai cách tu thái-quá ấy, mà Như Lai tìm được con đường trung đạo, con đường để mở mắt, mở trí con người, khiến cho tâm được an-tĩnh, được thông-suốt, hoàn-toàn giác-ngộ, được chứng-quả Niết-Bàn.

"Này các thầy tỳ-khuru, vậy chớ con đường TRUNG ĐẠO mà Như Lai đã tìm ra đó như thế nào? (Đức Phật lập lại những lời như đoạn trên): ấy là con đường Bát chánh vậy.

- Khổ đế:

Này các thầy tỳ-khuru, đây là chân-lý cao-siêu về sự khổ: sanh là khổ, già là khổ, bệnh tật là khổ, chết là khổ, phải gần cái gì không thích là khổ, phải xa cái gì vừa lòng là khổ, mong cầu cái gì chẳng được là khổ. Nói tóm lại, sự chấp và quuyến-luyến xác thân ngũ-uẩn là khổ.

- Tập đế:

Này các thầy tỳ-khuru, đây là chân-lý cao-siêu về nguyên-nhân của sự khổ, chính là tâm tham muốn cho được sống còn. Vì đó mà phải sanh tử luân-hồi, hết kiếp này qua kiếp khác. Mỗi kiếp sự vui thích về sắc-dục càng thêm dòn-

dập; khi chỗ này, lúc chỗ khác, được vui rồi lại muốn vui thêm. Tham ngũ-trần, tham sống, tham quyền-thế, lợi-danh.

- Diệt đế:

Này các thầy tỳ-khuru, đây là chân-lý cao-siêu về sự diệt khổ. Thật ra, muốn diệt khổ thì phải dứt lòng tham-dục, phải dứt tâm tham sống, phải giải-thoát ra ngoài vòng tham muốn.

- Đạo đế:

Này các thầy tỳ-khuru, đây là chân-lý cao-siêu về đạo diệt khổ. Chính là con đường Trung Đạo, con đường "Bát chánh": Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định, mà Như Lai đã tìm ra.

"Này các thầy tỳ-khuru, đây là chân-lý cao-siêu về sự khổ, nguyên-nhân của sự khổ, về sự diệt khổ và đạo diệt khổ. Những điều mà từ nào đến giờ chưa ai biết đến, mắt ta đã thấy rõ, trí ta đã suốt-thông. Ta đã được sự trực-giác, đạt được trí-tuệ. Này các thầy tỳ-khuru, coi đó thì biết rằng, ngoài ta ra, từ nào đến giờ chưa ai được biết những điều ấy".

"Này các thầy tỳ-khuru, khi ta chưa đạt được sự trực-giác, chưa được thông-hiểu rõ-rệt về bốn Diệu Đế ấy, mỗi đế có ba phần, bốn đế gồm lại mười hai khoản, thì ta biết rằng trong khắp các cảnh-giới: người, trời, ma-vương, phạm-thiên, trong vòng nhất-thiết chúng-sinh, cho đến các bậc sa-môn, Bà La Môn, chư-thiên và nhân-loại, ta chưa phải bậc Đại-Giác (Phật)".

"Này các thầy tỳ-khuru, nhưng đến khi ta đã đạt được sự trực-giác, đã thông-hiểu rõ-rệt về bốn Diệu Đế ấy, mỗi đế có ba phần, bốn đế gồm lại có mười hai khoản, thì ta biết rằng trong khắp các cảnh-giới: người, trời, ma-vương, phạm-thiên, trong vòng nhất-thiết chúng-sinh, cho đến các bậc sa-môn, Bà La Môn, chư-thiên và nhân-loại, ta đã là một bậc Đại-Giác (Phật) vậy".

"Sự thông-hiểu và trực-giác ấy phát-sinh đến khiến cho ta biết rằng: "Tâm ta đã được hoàn-toàn giải-thoát. Đây là kiếp chót của ta. Ta sẽ không còn sinh lại nữa".

-- MAHAVAGGA

---o0o---

Thập-nhi nhân-duyên

Đức Thế Tôn có thuyết như vậy:

"Hỡi các thầy tỳ-khuru! Trước khi đắc đạo, lúc chưa được giác-ngộ và hãy còn là một vị Bồ-Tát, ta có suy-nghĩ như vậy: "Than ôi! Thế-gian này khổ

thật! Chúng-sinh được sanh ra rồi phải già, phải chết, phải bị tiêu-diệt, rồi lại tái-sinh. Mà nào đâu có ai tìm ra được phương-cách để thoát khỏi những sự: đau đớn, già nua, tử-biệt và chẳng biết đến lúc nào con người mới tránh khỏi những khổ-nạn ấy".

"Này các thầy tỳ-khuru, lúc bấy giờ ta lại nghĩ rằng: "Vậy chớ đến chừng nào mà một chúng-sinh mới già, mới chết, và cái chi là nguyên-nhân làm cho phát-sinh sự già, sự chết ấy? Trong khi ta đang quán tưởng đúng theo phương-pháp, sự thông-hiểu rõ-rệt bỗng-nhiên phát-khởi, khiến ta được biết rằng: chính vì có sự tái-sinh nên phải già, phải chết và sự tái-sinh là nguyên-nhân của nạn già và chết vậy".

"Này các thầy tỳ-khuru, chừng ấy ta lại nghĩ rằng: "Vậy chớ đến lúc nào một chúng-sinh mới tái-sinh, và cái chi là nguyên-nhân làm cho tái-sinh? Trong khi ta đang quán tưởng đúng theo phương-pháp, sự thông-hiểu rõ-rệt bỗng-nhiên phát-khởi, ta được biết rằng:

- Hữu: Chính vì sự muốn có thân sau nên mới tái-sinh, và thân sau là nguyên-nhân của tái-sinh vậy;

(Rồi cũng theo cách-thức kể trên, Đức Thế Tôn giải tiếp rằng:)

- Thủ: Vì có sự chấp giữ nên mới có thân sau, và tâm chấp giữ là nguyên-nhân của thân sau;

- Ái: Vì có sự ưa mến nên mới chấp giữ, và tâm ưa mến là nguyên-nhân của sự chấp giữ;

- Thọ: Vì có sự nhận lãnh các cảm-giác nên mới ưa mến, và sự nhận lãnh các cảm-giác là nguyên-nhân của tâm ưa mến;

- Xúc: Vì có sự đụng chạm sắc-trần nên mới có sự nhận lãnh các cảm-giác, và đụng chạm sắc trần là nguyên-nhân của sự nhận lãnh các cảm-giác;

- Lục nhập: Vì có giác-quan nên mới đụng chạm sắc trần, và giác-quan là nguyên-nhân của sự đụng chạm sắc trần;

- Danh sắc: Vì có tâm thần và hình sắc nên các giác-quan mới được sanh ra, và danh sắc là nguyên-nhân sanh ra giác-quan;

- Thức: Vì có thức-tính để phân-biệt nên mới có danh sắc, và thức là nguyên-nhân sanh ra danh sắc;

- Hành: Vì có hành-vi tạo-tác nên mới có thức-tính và chính hành-vi tạo-tác là nguyên-nhân sanh ra thức-tính;

- Vô-minh: Vì có sự tối-tăm, chẳng biết phân-biệt nên mới có hành-vi tạo-tác, và chính sự tối-tăm là nguyên-nhân của hành-vi tạo-tác.

"Này các thầy tỳ-khuru, như thế chính Vô-minh sanh ra Hành, Hành sanh ra Thức, Thức sanh ra Danh Sắc, Danh Sắc sanh ra Lục-Nhập, Lục-Nhập sanh ra Xúc, Xúc sanh ra Thọ, Thọ sanh ra Ái, Ái sanh ra Thủ, Thủ sanh ra Hữu, Hữu là nguyên-nhân của sự tái-sinh, và tái-sinh là nguyên-nhân của sự Già, sự Chết. Đó là nguyên-nhân của các điều thống-khổ vậy".

"Trong khi ta đang quán tưởng đúng theo phương-pháp về những điều lạ-lùng ấy, bỗng-nhiên sự sáng-suốt, sự thông-hiểu, sự giác-ngộ hoàn-toàn phát-sinh đến cho ta".

"Này các thầy tỳ-khuru, lúc bấy giờ ta nghĩ rằng: "Vây chớ cần phải không có cái chi để chẳng có sự già, sự chết, và phải diệt bỏ cái chi để khỏi già, khỏi chết?"

"Trong khi đang quán tưởng đúng theo phương-pháp, bỗng-nhiên sự thông-hiểu rõ-rệt phát-sinh đến, ta được biết rằng chính khi nào chẳng có sự tái-sinh thì mới khỏi già, khỏi chết, và lúc nào sự tái-sinh không còn thì sự già, sự chết cũng dứt hẳn".

"Này các thầy tỳ-khuru, lúc bấy giờ ta lại suy-nghĩ nữa rằng: "Vây chớ phải diệt bỏ cái chi mới khỏi tái-sinh?"

"Trong lúc đang quán tưởng đúng theo phương-pháp, bỗng-nhiên sự thông-hiểu rõ-rệt phát-sinh đến, ta được biết rằng chính khi nào chẳng còn muốn có thân sau (Hữu) thì mới khỏi tái-sinh, và lúc nào tâm muốn có thân sau không còn thì sự tái-sinh cũng dứt hẳn".

(Rồi cũng theo cách-thức kể trên, lần lượt Đức Thế Tôn giải rằng:)

* Khi nào chẳng có sự chấp giữ (Thủ) thì mới không có thân sau, và chừng nào tâm chấp giữ chẳng còn thì thân sau cũng không có;

* Khi nào chẳng có sự ưa mến (Ái) thì mới không chấp giữ, và chừng nào tâm ưa mến chẳng còn thì sự chấp giữ cũng dứt hẳn;

* Khi nào chẳng có sự nhận lãnh các cảm-giác (Thọ) thì mới không ưa mến, và chừng nào sự nhận lãnh các cảm-giác chẳng còn thì tâm ưa mến cũng dứt hẳn;

* Khi nào chẳng có sự đụng chạm với các sắc trần (Xúc) thì mới không nhận lãnh các cảm-giác, và chừng nào sự đụng chạm với sắc trần chẳng còn thì sự nhận lãnh cảm-giác cũng dứt hẳn;

* Khi nào chẳng có giác-quan (Lục Nhập) thì mới không có sự đụng chạm với sắc trần, và chừng nào giác-quan chẳng còn thì sự đụng chạm sắc trần cũng dứt hẳn;

- * Khi nào chẳng có tâm-thần và hình-sắc (Danh Sắc) thì mới không có giác-quan, và chừng nào Danh Sắc chẳng còn thì các giác-quan cũng bị diệt-tận;
- * Khi nào chẳng có thức-tính để phân-biệt (Thức) thì mới không có Danh Sắc, và chừng nào thức-tính không còn thì Danh Sắc cũng bị diệt-tận;
- * Khi nào chẳng có hành-vi tạo-tác (Hành) thì mới không có thức-tính, và lúc nào các hành-vi tạo-tác không còn thì thức-tính cũng bị diệt-tận;
- * Khi nào chẳng có sự tối-tăm, không biết phân-biệt (Vô-minh) thì mới không hành-vi tạo-tác, và lúc nào sự tối-tăm không còn thì hành-vi tạo-tác cũng dứt hẳn".

"Nhu thế, khi nào: Vô-minh không còn thì Hành cũng bị diệt, Hành không còn thì Thức cũng bị diệt, Thức không còn thì Danh Sắc cũng bị diệt, Danh Sắc không còn thì Lục-Nhập cũng bị diệt, Lục-Nhập không còn thì Xúc cũng bị diệt, Xúc không còn thì Thọ cũng chẳng có, Thọ không còn thì Ái cũng chẳng có, Ái không còn thì Thủ cũng chẳng có, Thủ không còn thì Hữu cũng chẳng có, Hữu không còn thì sự Tái-Sinh cũng bị diệt, sự Tái-Sinh không còn thì những nạn Già, nạn Chết cũng dứt hẳn. Cũng như thế, tất cả các sự thống-khổ đều dứt tuyệt".

"Trong khi đang quán tưởng đúng theo phương-pháp về những điều lạ-lùng ấy, bỗng-nhiên sự sáng-suốt, sự thông-hiểu, sự giác-ngộ hoàn-toàn phát-sinh đến cho ta".

-- SAMYUTTA NIKĀYA, II, 10

---o0o---

Đức Phật tiên-đoán về sự suy-đòi của Phật giáo

Đức Thế Tôn có thuyết như vậy: "Hỡi các thầy tỳ-khưu! Thuở trước kia, các nhóm người Dasaraha có một cái trống mà họ đặt tên là "Trống Chiêu Tập". Khi trống bắt đầu muốn lủng, họ liền đóng thêm nhiều cái móc (để căng da cho thẳng); một thời gian sau, cái trống ấy bị hỏng cả, chỉ còn lại có cái thân bằng cây và những móc sắt mà thôi".

"Hỡi các thầy tỳ-khưu! Cũng như thế ấy, hàng tăng-chúng trong buổi vị-lai sẽ có các hành-vi, cử-chỉ tương-tợ như vậy. Những lời giáo-huấn của Đức Chánh Biến Tri rất cao-thâm, huyền-diệu, đầy ý-nghĩa, họ chẳng cần nghe, hoặc tìm hiểu đến. Họ không màng gì đến sự học hỏi cho thông-suốt chân-lý, và chẳng hết lòng ủng-hộ giáo pháp chánh đáng, cao-siêu này. Trái lại, họ lại ưa thích, chăm-chú tìm nghe, tìm hiểu những lý-thuyết không thuộc về chánh-giáo như những áng-văn thi-phú do các nhà thi-sĩ thốt ra, có nhiều danh-từ, ngôn-ngữ trôi-chảy, hoạt-bát. Họ sẽ hết lòng ủng-hộ và cho rằng

những lý-thuyết ấy là chân-chánh, đáng học hỏi, đáng hấp-thụ. Vì lẽ đó, cho nên những lời giáo-huấn do Đức Chánh Biến Tri đã giải ra, rất cao-thâm, huyền-diệu, đầy ý-nghĩa, sẽ phải lu-lò".

-- SAMYUTTA NIKĀYA, II, 266-267

Lời của soạn-giả:

Trong tích trên đây, Đức Thế Tôn đem phẩm-hạnh của hàng tăng-chúng hồi Ngài chưa nhập Niết-Bàn ra so-sánh với cái trống còn nguyên vẹn tốt lành. Tiếng trống vang-dội khắp nơi, xa gần đều nghe biết. Cũng như chân-pháp do Ngài, hoặc các bậc Thỉnh Văn, thuyết ra rất đúng-đắn, cao-thâm, từ đầu chí cuối, được phần đông các thầy tỳ-khuru chăm-chú tìm nghe, tìm hiểu, để hành theo cho được lợi-ích.

Về thời-kỳ xa chánh-pháp, Đức Phật so-sánh hàng tăng-chúng với cái thân và những móc sắt của cái trống hư còn sót lại. Cũng như hiện nay trong khắp nơi, có biết bao nhiêu người bỏ gia-đình quyến-thuộc, đi tìm sự sống xa thế-sự, mà chẳng nghiêm-trì giới-luật, không biết áp-dụng Phật pháp một cách chính-đáng. Mang lấy danh-hiệu là bậc "xuất-gia", họ chẳng chịu làm theo phận-sự mình, chẳng chịu sống thành-thật bên cạnh Tam-Bảo, mà chỉ thích nghe và làm theo những lý-thuyết sai-lầm do các nhà tu-hành không chân-chánh thốt ra. Rốt cuộc, vì những thuyết ấy mà Phật pháp phải lu-lò.

---o0o---

Trước khi nhập Niết-Bàn, đức Phật giải về cách cúng dường cao-thượng

Khi ấy, Đức Phật nói với tôn-giả Ananda: "Này Ananda, chúng ta hãy đi về phía huê-viên Upavattana, thuộc xứ Kusinara (của quốc-vương Malla) ở, về phía bên kia giòng rạch Hirayavati".

- "Bạch Đức Thế Tôn, tôi xin vâng".

Rồi đó, Đức Phật với một số đông thầy tỳ-khuru đồng thân-hành vào vườn bông Upavattana, ở phía bên kia vòng rạch Hirayavati. Lúc tới nơi, Đức Phật nói với Đức Ananda: "Này Ananda, người nên sắp đặt tại khoảng giữa hai cây song-long-thọ (cây Sala) một chỗ nằm trở đầu về hướng bắc. Như Lai hiện đang có bệnh và muốn nằm để nghỉ ngơi".

- "Bạch Đức Thế Tôn, tôi xin vâng".

Rồi đó, tôn-giả Ananda bèn sắp đặt giữa hai cây song-long-thọ một chỗ nằm quay đầu về hướng bắc. Đức Thế Tôn nằm xuống, nghiêng mình về phía tay mặt, để chân trái nằm trên chân phải. Ngài tỏ vẻ bình-tĩnh và nhẫn-nại trong lúc ấy.

Hai cây song-long-thọ bỗng-nhiên trở bông sum-sê, dầu rằng không phải đúng thời-tiết. Những bông ấy rụng xuống, rải-rác khắp thân-hình Đức Như Lai để tỏ ý cúng dường đáng kể-nghiệp của các vị Phật quá-khứ; những nhánh bông Mandarava (Hoa tiên) và phấn-chiên-đàn hương từ cõi trời rơi xuống, bao-phủ khắp thân-hình Đức Như Lai; tiếng nhạc-thiền trời dậy khắp hư-không; tiếng ca-xang, lãnh-lót, ai-bi, tự các cõi chư-thiên đưa xuống, tỏ ý cúng dường đáng kể-nghiệp của các vị Phật quá-khứ.

Đức Phật nói với Đức Ananda rằng: "Này Ananda, nhưng đó chẳng phải là cách mà nhân-loại tôn-kính, thờ-phụng, sùng-bái, cúng dường Như Lai bằng cách cao-thượng đâu. Mà chính các tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni, thiện-nam, tín-nữ nào, luôn-luôn làm tròn phận-sự, biết ăn ở theo chánh-giáo, biết noi theo đường chân-lý, mới đáng gọi là những người biết tôn-kính, thờ-phụng, sùng-bái, cúng dường Như Lai bằng cách cao-thượng vậy. Này Ananda, bởi có ấy, người nên làm tròn bổn-phận, phải biết ăn ở theo Chánh-Giáo và phải luôn-luôn noi theo chân-lý. Đó là những việc nên làm".

Lúc ấy, có thầy tỳ-khưu Upavana đang đứng phía trước để quạt cho Đức Phật. Đức Thế Tôn nói với vị ấy rằng: "Này Upavana, người chẳng nên đứng trước mặt Như Lai".

Tôn-giả Ananda bèn phát tâm suy-nghĩ như vậy: "Thầy Upavana là bậc hậu-cận Đức Thế Tôn tự bấy lâu nay. Nhưng không hiểu tại duyên-cớ chi, trong lúc cuối cùng, Đức Thế Tôn lại nói vậy!".

Đức Ananda liền hỏi Đức Phật những điều nghĩ trên.

Đức Phật trả lời rằng: "Này Ananda, có vô-số chư-thiên trong khắp mười ngàn thế-giới đang tề-tự đông-đủ nơi đây để yết-kiến Như Lai. Chung quanh khắp huê-viên Upavattana, đi xa tới 12 dặm, chẳng có một khoảng trống nào, dầu cho nhỏ bằng sợi tóc, mà không có các bậc chư-thiên cao-cả đang đứng. Này Ananda, những vị chư-thiên ấy nói xàm-xì với nhau rằng: "Chúng ta ở xa-xôi, cùng nhau tới đây để yết-kiến Đức Như Lai. Vì trải qua một thời-gian dài dạn, rất ít khi được có các Đấng Như Lai, các Đức Phật toàn-giác xuất-hiện trong thế-gian này; hơn nữa, vào lúc canh năm nội đêm nay, Đức Như Lai sẽ nhập Niết-Bàn, mà ông Upavana kia lại đứng án phía trước, làm cho chúng ta không thấy được mặt Ngài trong những giờ cuối cùng". Này Ananda, các chư-thiên họ nói thàm-thì với nhau như vậy".

-- MAHA-PARINIBBANA SUTTANTA

Lời của soạn-giả:

Để ngăn-ngừa sự hiểu biết sai-làm về Phật-giáo, Đức Thế Tôn, trước khi nhập Niết-Bàn, lấy tư-cách thành-kính cúng dường của chư-thiên và nhân-

loại trong buổi Ngài gần lâm-chung mà giải-thích cho Đức Ananda nghe. Ngài không cho những cách cúng dường đó là cao-thượng, mà chỉ những người nào biết ăn ở theo Phật-ngôn để mau được giải-thoát mới đáng gọi là những người cúng dường cao-thượng vậy.

---o0o---

Phân Phụ-Trương

"Khi biết được rằng không sao tránh khỏi những nạn: sinh, già, đau, chết, Ta phát tâm nhàm-chán cõi trần.

"Rồi đó, chẳng màng chi đến cuộc đời phong-phú, trẻ-trung, đến những lời hờn-trách, khóc than của thân-quyến, ta rời bỏ gia-đình, cắt tóc, cạo râu, mang áo cà-sa.

"Trở nên một nhà hành-khất ta-bà, Ta đi tìm điều lợi-ích thiêng-liêng, đi tìm con đường về chốn an-vui tuyệt-đối". -- Phật Ngôn

Tư-cách giáng-sinh vào lòng mẹ và tư-cách xuất-gia của đức Bồ-Tát trong kiếp chót

Lời của Đức Ananda:

Ta có nghe từ cửa miệng của Đức Thế Tôn thuyết ra như vậy: "Này Ananda, thưở nọ Đức Bồ-Tát, với cả tâm-trí sáng-suốt, được thọ-sinh lên cung trời Đâu-Xuất. Trong thời-gian an-hưởng nhàn lạc nơi cõi ấy, cho đến lúc được thọ-sinh vào lòng mẹ, Đức Bồ-Tát vẫn luôn-luôn sáng-suốt biết mình.

Khi Đức Bồ-Tát từ cung trời Đâu-Xuất giáng xuống thế-gian, để thọ-sinh vào lòng Đức Hoàng-hậu Ma-Da (Maya), thì tất cả cõi trời, những cảnh-giới ma-vương, các thế-giới của hàng nhân-loại, thầy-thầy đều được thọ lãnh sự sáng-lạng tuyệt-đối, lặn hẩn ánh-sáng của tất cả chư-thiên hiệp lại. Sự sáng ấy loan ra cho đến các ta-bà thế-giới, nơi cõi xa-xăm đen tối mà đã từ lâu ánh-sáng của mặt nhật và mặt nguyệt cũng không tài nào soi-thấu. Nhờ ánh-sáng thiêng-liêng này mà vô-số chúng-sinh đang ở trong các thế-giới tối-tăm mờ-mịt ấy mới được trông thấy lẫn nhau và biết rõ vạn-vật ở chung-quanh mình. Tất cả mười ngàn thế-giới đều rung-động khi tiếp được ánh-sáng lạ-thường này.

Lúc Đức Bồ-Tát nhập vào bào-thai trong lòng mẹ, thì có bốn thiên-thần trông coi bốn hướng, không cho bất cứ chúng-sinh nào có thể lại gần làm tổn-thương đến Ngài và mẹ Ngài.

Bắt đầu từ đó, đức Ma-Da hoàng-hậu phát-tâm thọ-trì giới hạnh thêm phần trong sạch. Bà đâm ra chán-chê đường tình-dục, tự-chủ lục-căn luôn-luôn thanh-tịnh, chẳng hề biết đau đớn, mỗi-một.

Đức Bồ -Tát ra đời được bảy ngày thì hoàng-hậu Ma-Da thăng-hà và được sanh lên cung trời Đâu-Suất. Thế thường, phụ-nữ mang thai lồi hơn chín tháng, hoàng-hậu Ma-Da phải cưu-mang đức Bồ-Tát trong bụng đến mười tháng. Các trẻ con của thường nhân, khi sinh ra, thì năm. Đức Bồ-Tát lúc lọt lòng thì đã đứng được vững-vàng.

(Tới đây dứt lời của đức Ananda).

Lớn lên, đức Bồ-Tát trở nên một bậc văn hay võ giỏi, thông-minh. Hai trường-hợp dưới đây nhắc-nhở chúng ta về tư-cách từ-bi, bác-ái, của Ngài.

Lần nọ, có một con hạc bị hoàng-thân Đề Bà Đạt Đa (Devadatta) bắn trúng một mũi tên, đến té trước mặt Ngài. Ngài ôm lấy con vật để tìm cách cứu chữa và chẳng chịu trả lại cho ông Đề Bà Đạt Đa. Vì Ngài cho rằng chính kẻ cứu-mạng mới có đủ quyền về con vật hơn người sát hại nó.

Một lần khác, trong lúc tranh đua tài-nghệ cùng các hàng vương-tôn công-tử trong dòng Thích-Ca, chẳng ai đủ sức đàn-áp nổi con ngựa hung-hăng, dù rằng họ dùng đủ mánh-khoé và võ-lực, song vô hiệu-quả. Nhưng chỉ với mấy cái vuốt-ve và vài lời dịu ngọt, Đức Bồ-Tát cảm thắng được con thú một cách dễ-dàng.

Trí-huệ, lòng từ-bi, tâm nhẫn-nại là ba đức-tính cao-thượng của đức Bồ-Tát vậy.

Dầu bị giam-hãm trong cảnh xa-hoa, hầu đẹp, vợ xinh, giường ngọc, chiếu ngà, đủ mùi phú-túc, tâm Ngài vẫn chán-chê thế-sự. Những cảnh-tượng sanh, lão, bệnh, tử, làm tăng-trưởng mỗi đạo-tâm đã ung-đúc nơi lòng.

Quyết dạ tầm đường giải-thoát, và nhờ nghị-lực thiên-nhiên do trí-huệ của Ngài rèn tập kham-khổ không biết bao nhiêu A-Tăng-Kỳ kiếp đã qua, đức Bồ-Tát không ngần-ngại gì mà lia bỏ cả ngai vàng, giang-san, lâu-đài, cung-điện, để tìm nơi thanh-vắng suy-tâm chân-lý.

Một đêm nọ, thừa dịp tốt, sau buổi dạ-yến linh-đình, quân-lính say-sưa, mòn-mỏi dưới cảnh trời đông gió lạnh, đức Bồ-Tát, với chí-khí cương-quyết, đoạn-tuyệt cả vợ đẹp con thơ, thót lên lưng ngựa, ra khỏi hoàng-cung, nhắm rừng tòng trọc chỉ.

Trời vừa rạng sáng, đức Bồ-Tát xuống yên, trao áo mao cân đai cho nghĩa-bộc Sa Nặc (Channa), với mấy lời ân-cần vĩnh-biệt cha già, vợ yếu. Thần-mã

Kiên Trắc (Kantaka) nghe được lời tâm phúc, thương tiếc chủ lành, cảm-động quá đỗi, bể tim té lặn ra chết.

Đem long-bào đôi áo cà-sa, Ngài trải qua sáu năm trường tầm đạo, được tiếp-xúc, học hỏi với nhiều nhà bác-học trong thời-kỳ ấy. Nhưng Đức Bồ-Tát vẫn không toại-nguyện. Vì giáo pháp gắt-gao khô-hạnh của mấy vị đạo-sĩ ấy không đem lại được sự giải-thoát hoàn-toàn mà Ngài mong mỏi.

Không lòng thối-chuyển, Đức Bồ-Tát quyết-dạ hành-đạo một mình. Ngài tăng-gia các điều khô-hạnh đến mức cùng-tốt của hàng tu khô-hạnh, giảm bớt vật-thực cho đến nỗi chỉ còn ăn có một hột cơm trong mỗi ngày. Thân mòn sức kiệt, ngày nọ, đức Bồ-Tát lặn mò xuống mé sông tắm gội. Vì lưng mỏi gối run, Ngài té quỵ xuống. Gom cả thân-lực, cố-gắng đủ điều, Ngài cũng không sao đứng dậy nổi. Ngài vớ một cành cây sà thấp xuống gần đó để đứng dậy.

Đức Bồ-Tát, thân-tâm mòn mỏi như sắp lìa trần. May đâu có cô gái tín tên là nàng Sujjata, buổi sáng ấy, định đem món cơm trộn với sữa tươi đến dâng cho một bậc vĩ-nhân nào ngự nơi vùng ấy. Gặp Ngài, nàng vội-vã dâng cúng vật thực ngon lành bổ-dưỡng.

Sau khi độ xong, thân hình khỏe-khoắn, thần-trí trở lại sáng suốt hơn xưa, Ngài bèn nghĩ như vậy: "Tinh-thần không thể nào được tấn-hóa với một xác-thân mòn-mỏi". Nghĩ vậy, Ngài ráng sức lặn mò vào rừng Uruvela, và chính tại nơi đây, đức Bồ-Tát được đắc-quả Chánh-Đẳng Chánh-Giác vậy.

-- MAJJHIMĀ NIKĀYA 123

---o0o---

Sự-tích ông Devadatta hãm-hại Phật và chia rẽ Tăng-hội

Thuở ấy, Đức Thế Tôn ngự tại thành Anoupiya, thuộc về xứ Malla.

Nơi gương theo Ngài, một số đông hàng vương-tôn, công-tử trong dòng Thích-Ca, cũng xuất-gia hành-đạo.

Trong số đó, có hai vị hoàng-tử anh em ruột cùng nhau, là ông Mahānāma và ông Anuruddha (A Nậu Đa).

Ông hoàng Mahānāma đến hỏi ông Anuruddha như vậy: "Này em, giữa anh và em, ai sẽ xuất-gia?". Ông Anuruddha trả lời: "Em thì hay đau ốm, khó bề lìa bỏ gia-đình. Vậy thì anh hãy xuất-gia đi".

Ông Mahānāma liền giải cho ông Anuruddha nghe như vậy: "Này Anuruddha, người ở trong gia-đình thật lắm công nhiều việc, không khác nào chàng nông-phu phải cày sâu cuốc bẫm, gieo giống, đào mương cho

nước vào ruộng, nhổ cỏ, cấy mạ, gặt hái, rồi cột lúa lại từng bó, rồi phải đập cho rớt hạt ra, phải hót rom, phải đổ trấu, phải sàng lúa rồi đem đổ vô bồ. Năm sau cũng lại làm như thế, và luôn-luôn mỗi năm đều phải làm việc ấy cả. Tuy vậy, công chuyện vẫn không rỗi, mà cứ còn mãi-mãi, không sao kể xiết. Nay Anuruddha, vậy em nên nghĩ lại các điều phiền-phức trong gia-đình".

Ông hoàng Anuruddha nghe xong liền đi kiếm bà mẫu-hậu, để xin phép xuất-gia tu hành.

Lịnh mẫu-hoàng dạy rằng: "Này con ôi! Con là con yêu quý của mẹ, biết ăn ở hiền-lành, có nhiều đức tốt. Mẹ biết rằng một ngày kia, thế nào sự chết cũng làm cho mẹ con mình phải chia lìa. Nhưng hiện nay, mẹ không nỡ để cho con xuất-gia trong lúc đầu xanh tuổi trẻ!"

Ông Anuruddha xin phép mẹ lần thứ nhì nữa, cũng vô-hiệu-quả.

Đến lượt thứ ba, lệnh mẫu-hậu liền sực nhớ đến đức vua Bhaddiya đang trị-vì trong xứ. Vua này cũng thuộc dòng Thích-Ca và có tình bầu-bạn thân-thiết với hoàng tử Anuruddha. Bà nghĩ rằng ở địa-vị sang cả như vậy, đức vua Bhaddiya không khi nào chịu xuất-gia bao giờ. Bà liền nói với con như vậy: "Này Anuruddha con, nếu đức vua Bhaddiya chịu xuất-gia, thì mẹ sẽ cho phép con cùng đi với".

Ông hoàng Anuruddha tìm đến đức vua mà tâu rằng: "Tâu đại-vương, chính ngài đã làm cản trở việc xuất-gia hành đạo của tôi".

Nhà vua nghe vậy trả lời rằng: "Vậy trăm sẵn lòng giúp bạn diệt trừ sự trở-ngại ấy và sẽ đồng-ý xuất-gia theo sở-nguyện của bạn".

Đức Anuruddha nói: "Nếu được vậy thì đại-vương cùng tôi đồng xuất-gia một lượt".

- "Này bạn, thật khó bề cho trăm lìa bỏ gia-đình đặng. Ngoài việc ấy ra, trăm sẵn lòng giúp bạn trong mọi sự. Vậy bạn hãy đi tu một mình đi".

Đức Anuruddha lại tâu rằng: "Mẹ tôi có nói hễ ngài chịu xuất-gia thì bà mới cho tôi đi với. Mà đại-vương cũng vừa mới nói với tôi lời này: "Nếu trăm làm cản-trở sự xuất-gia của bạn thì trăm sẵn lòng giúp bạn diệt trừ sự trở-ngại ấy và sẽ đồng-ý xuất-gia theo sở-nguyện của bạn". Vậy xin đại-vương cùng tôi đồng xuất-gia một thể".

Hồi thời-kỳ ấy, con người rất thành-thật và biết kính-trọng lời nói của mình. Nhà vua không biết tính sao, bèn nói với ông hoàng Anuruddha rằng: "Nếu muốn vậy, thì xin bạn rón chờ trăm trong bảy năm nữa. Chừng đó, chúng mình sẽ xuất-gia một lượt". Đức Anuruddha không bằng lòng.

Vua Bhaddiya kéo ngắn thời-hạn lần hồi, từ một năm, bảy tháng, một tháng, cho đến 15 ngày, nhưng đức Anuruddha cũng cho rằng lâu quá, không thể chờ đặng.

Sau cùng, đức vua nói rằng: "Vậy bạn nhận cho trăm 7 ngày, để trăm có đủ thì-giờ lo phú-thác việc trào-chánh cho các con và em của trăm".

- "Tâu đại-vương, bảy ngày không lâu mấy, vậy tôi xin chờ đến khi đó".

Cùng một cơ-hội ấy, đức vua Bhaddiya, đức Anuruddha, đức Ananda, đức Bhagou, đức Kimbila và ông Devadatta, đều là bạn đồng-niên đã có giao-thiệp thân mến với nhau từ xưa, đồng lia bỏ gia-đình một lúc, để xuất-gia với bác thợ cạo Upali. Tất cả là 7 người.

Đi được một đôi xa, mấy vị hoàng-thân ấy ra lệnh cho kẻ bộ-hạ trở về và lúc vào một xóm gần đó, đồng cởi đồ y-phục trang-sức quý-giá, gói lại trao cho bác thợ cạo Upali, dặn bác này trở về và hứa cho các vật ấy để bác ta sinh-nhai.

Nhưng khi đi được một đôi, bác thợ cạo Upali lại nghĩ rằng: "Bọn hoàng-tộc Thích-Ca rất hung-ác. Chúng nó sẽ nghĩ rằng ta đã giết mấy vị vương-tôn ấy, thì thế nào cũng hãm-hại ta chẳng sai. —, mà mấy vị hoàng-thân đó dám bỏ nhà xuất-gia, thì ta còn đợi gì mà không làm như họ". Nghĩ vậy, bác ta liền treo gói đồ lên nhánh cây và nói rằng: "Đây là những của cải để cho những kẻ nào thấy được". Xong rồi, bác ta liền trở lại tháp-tùng với mấy vị hoàng-thân dòng Thích-Ca.

Thấy bác thợ cạo Upali lui-thủi đằng kia đi lại, mấy ông hoàng trẻ tuổi dòng Thích-Ca hỏi rằng: "Này bác Upali, tại sao bác trở lại?"

Sau khi nghe rõ tự-sự, các vị hoàng-thân rất tán-thành cử-chỉ của bác thợ cạo như vậy: "Bác trở lại với chúng tôi rất phải lẽ, vì các người dòng Thích-Ca rất hung-ác và sẽ hãm-hại bác chẳng sai".

Rồi đó, tất cả 7 vị đồng vây đoàn cùng nhau tìm đến nơi Đức Phật ngự. Khi đến nơi, họ cung-kính đánh lễ Đức Thế Tôn rồi ngồi gần bên. Ngồi xong, mấy vị hoàng-phái ấy bạch với Đức Thế Tôn như vậy: "Bạch Đức Thế Tôn, các người dòng Thích-Ca có tính kiêu-căng lắm. Đây là bác thợ cạo Upali, đã phụng-sự chúng tôi từ lâu. Vậy xin Đức Thế Tôn cho phép bác ấy xuất-gia trước, đặng chúng tôi có dịp chào hỏi cung-kính bác như một bậc cao-hạ. Làm vậy để giảm bớt sự kiêu-hãnh của chúng tôi về chủng-tộc".

Đức Phật liền cho phép đức Upali thọ-giới trước rồi mới tới phiên mấy ông hoàng trẻ tuổi dòng Thích-Ca.

Nhập-môn không bao lâu, và đến lúc gần mãn hạ, thì đức Bhaddiya đắc được ba cái giác, đức Anuruddha đắc huệ-nhãn, đức Ananda đắc Tu Đà Huòn và ông Devadatta thì đắc phép thân-thông-phàm mà các đạo-sĩ tu theo tôn-giáo khác cũng có thể đắc được.

Một lúc nọ, đức Bhaddiya đang ngồi dưới cội cây, la lên một cách thỏa-thích rằng: "Hạnh-phúc thay! Hạnh-phúc thay!"

Nghe vậy có nhiều vị tỳ-khưu tìm đến nơi Đức Phật ngự. Đánh lễ rồi ngồi kế bên, bạch rõ tự-sự cho Ngài biết. Một vị tỳ-khưu ấy lại còn bạch thêm rằng: "Bạch Đức Thế Tôn, hẳn thật vậy, thầy Bhaddiya không mấy gì thỏa-thích trong sự hành đạo. Cho nên thầy ta mới phát tâm đắc-chí vừa lòng khi nhớ lại thời oanh-liệt trong lúc còn làm vua".

Phật dạy một vị tỳ-khưu đi tìm đức Bhaddiya đến hỏi chuyện.

Đức Bhaddiya đến nơi, đánh lễ Đức Phật xong rồi ngồi kế bên. Đức Thế Tôn hỏi rằng: "Này Bhaddiya, phải có thật vậy không? Người ta nói rằng thầy vào nơi thanh-vắng, ngồi dưới cội cây trong rừng và la lên không ngớt một cách đắc-chí như vậy: "Hạnh-phúc thay! Hạnh-phúc thay!" Vậy chớ thầy nghĩ sao mà la lên như thế?"

- "Bạch Đức Thế Tôn, khi tôi còn là một vị vua, thì có quân-lính canh giữ nghiêm-nhặt các cung-điện từ trong đến ngoài; canh-gát từ thành-thị tới thôn-quê và luôn-luôn gìn giữ bờ cõi rất cẩn-thận. Được che-chở như vậy, mà nào đâu tôi có an-tâm. Luôn-luôn sợ-hãi, lo-lắng, thổn-thức, bồn-chồn. Bạch Đức Thế Tôn, trái lại, hiện bây giờ, dầu cho tôi vào nơi thanh-vắng, ngồi dưới cội cây, giữa rừng sâu thẳm, tôi cũng không hề sợ-hãi, lo-lắng, mà lại được an vui, tự-tại, là khác. Tôi rất vừa lòng thỏa-mãn, thân tâm an-tĩnh, nhẹ-nhàng, như giống sơn dương²¹. Vì nhớ đến sự vui thích ấy, nên tôi mới la lên không ngớt mấy câu: "Hạnh phúc thay! Hạnh phúc thay!"

Sau khi nghe rõ tự-sự, Đức Thế Tôn ngâm kệ rằng:

*"Kẻ nào nuôi dưỡng tâm mình bằng tư-tưởng lành,
Chẳng còn màng đến việc thế-gian.
Kẻ ấy hằng sống trong sự an vui,
Trong sự giải-thoát các điều lo-lắng, thông-khở,
Cho đến chư-thiên trông thấy phải ngợi-khen, kính-phục".*

Khi ngụ tại Anupiya được một thời-gian, Đức Phật lên đường sang xứ Kosambi. Đi một mạch tới xứ này, Ngài ngừng lại nghỉ nơi tịnh-xá Ghosita-Arama.

Lúc ấy, ông Devadatta đang tham-thiền nơi thanh-vắng, phát tâm nghĩ ngợi như vậy: "Ta có đủ tài đức. Vậy ta nên tìm coi ai có thể chủ-ý, sẵn lòng giúp cho ta được nhiều danh nhiều lợi". Ông ta liền sực nhớ lại: "Hoàng tử Adjatasattu (A Xà Thế) là một thanh-niên có nhiều tương-lai tốt đẹp. Vậy ta hãy ráng tìm cách làm vừa lòng vị đồng-cung ấy, tất-nhiên danh-lợi sẽ đến cho ta chẳng sai".

Nghĩ xong, ông Devadatta liền mặc y, mang bát, đi về thành Radjagaha (Vương Xá Thành) và được tới nơi y theo giờ nhất-định. Ông ta dùng thần-thông hóa ra một đứa trẻ, có con rắn quấn quanh mình, hiện lên ngồi trên bập vé đông-cung Adjatasattu. Hoàng-tử hết sức kinh-khủng, lo-lắng. Khi ấy, ông Devadatta lên tiếng rằng: "Này đông-cung, ngài có sợ tôi không?"

- "Phải vậy, tôi sợ ông. Mà ông là ai?"

- "Tôi là Devadatta".

- "Bạch ngài, nếu quả thật ngài là đức Devadatta, thì xin hiện lại nguyên hình đi".

Ông Devadatta liền biến lại nguyên hình, đứng trước mặt đông-cung Adjatasattu, mặc y mang bát đàng-hoàng. Đông-cung hết sức khâm-phục phép thần-thông của ông Devadatta. Từ đó, mỗi ngày, sớm mai và chiều, hoàng-tử cùng với 500 cỗ xe, đem thực-phẩm để trong 500 cái mâm, đến dâng cúng cho ông ta.

Vì say đắm trong bã lợi danh, nên ông Devadatta lại phát tâm suy-nghĩ như vậy: "Đáng lẽ thì ta phải được cầm đầu coi sóc chư-tăng". Khi ý nghĩ xấu-xa ấy phát-khởi, thì các pháp thần-thông của ông ta đều biến mất.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn đang thuyết-pháp cho một nhóm đông thính-giả nghe và có đức vua đến dự. Ông Devadatta liền đứng dậy khóat rằng: "Bạch Đức Thế Tôn, hiện nay Ngài đã già yếu tuổi cao, đã lao công khó nhọc nhiều rồi và không còn sống được bao lâu nữa. Vậy xin Đức Thế Tôn bình tâm vui hưởng sự lạc-thú mà Ngài đã tìm được trên cõi này. Xin Đức Thế Tôn giao-phó chư-tăng lại cho tôi cầm đầu coi sóc".

Đức Phật trả lời rằng: "Hỡi Devadatta! Không thể được. Nhà người chó nên hy-vọng cai-quản chư-tăng. (Devadatta cầu xin lần nữa, Đức Phật cũng trả lời như vậy). Đến lượt thứ ba, Đức Phật nói rằng: "Nhu Lai đã không trao quyền cho Sariputta (Xá Lợi Phất), hay là Moggallana (Mục Kiền Liên), cai-quản chư-tăng, thì có lý nào lại giao cho người là một kẻ nói nhảm".

Ông Devadatta nghĩ rằng: "Trước mặt nhà vua và các bộ-hạ, Phật đã chẳng nhận lời ta, mà lại còn chê ta là kẻ nói nhảm-nhí, và khen-tặng Sariputta và Moggallana". Nổi giận và bất-bình, ông ta liền đánh lễ Phật rồi lui gót.

Đây là mới lần thứ nhất, Devadatta để cho lộ vẻ bất-bình đối với Đức Thế Tôn. Khi ấy, Đức Phật gọi các chư thầy tỳ-khưu lại mà dạy rằng: "Vậy chư-tăng nên bố-cáo cho trong thành Radjagaha biết rằng hiện nay Devadatta đã thay đổi tâm-tính, không còn giống như lúc trước. Vậy thì bất cứ sự hành-động nào, hoặc lời nói nào của Devadatta làm hay nói ra, đều là do ý riêng của Devadatta, chớ chẳng phải do Phật, do Pháp, do Tăng hành-động hay nói ra".

Đức Phật kêu Đức Sariputta mà dạy rằng: "Nhà ngươi nên bố-cáo cho trong thành Radjagaha biết rằng Devadatta đã bị trục-xuất ra khỏi tăng-hội".

Đức Sariputta lại bạch với Phật như vậy: "Bạch Đức Thế Tôn, khi xưa cũng tại thành Radjagaha này, tôi đã bố-cáo khen-tặng công-đức của Devadatta rằng: "Vĩ-đại thay các phép thần-thông! Vĩ-đại thay oai-đức của ngài Devadatta!" Vì vậy, nên nay tôi rất bỡ-ngỡ nếu công-bố cho trong thành Radjagaha biết sự trục-xuất ông ta".

Đức Phật hỏi đức Sariputta rằng: "Ngày xưa, ngươi khen tặng Devadatta, như vậy có đúng với sự-thật hay không?"

- "Bạch Đức Thế Tôn, rất đúng với sự-thật vậy".

- "Vậy thì ngày nay, ngươi cũng nên tuyên-bố đúng theo sự-thật, rằng Devadatta đã bị trục-xuất ra khỏi tăng-hội".

- "Bạch Đức Thế Tôn, tôi xin vâng lời".

Rồi đó, Đức Sariputta vào thành Radjagaha, có dắt theo một nhóm đông tỳ-khưu, để bố-cáo cho dân-giả biết rõ về sự trục-xuất Devadatta.

Khi ấy, những kẻ hạ-tiện, vô tín-ngưỡng, tối-tăm, khờ-dại, bàn với nhau rằng: "Các thầy sa-môn dòng Thích-Ca có tâm ganh-tị; mấy ông phân-bua, hờn-ghét về các lợi-lộc và sự niềm-nở của thí-chủ đối với Devadatta".

Trái lại, những kẻ có nhiều đức-tin, tâm trí sáng-suốt, thì nghĩ rằng: "Có lẽ vì chuyện chi đại-sự, bất-thường, đã xảy ra, nên Đức Thế Tôn mới dạy công-bố sự trục-xuất Devadatta cho trong thành Radjagaha được biết".

Lúc đó, ông Devadatta tìm đến vị đông-cung Adjatasattu mà nói rằng: "Tâu Đông-cung, thuở xưa kia, người ta được sống lâu. Còn hiện nay thì tuổi thọ của hàng nhân-loại rất ngắn ngủi. Nếu để vậy mà chờ cho đến lúc chết đi nữa, thì ngài cũng chỉ còn ở địa-vị hoàng-tử mà thôi. Chi bằng Đông-cung

nên hạ-sát vua cha để đoạt lấy ngôi cửu-ngũ. Về phần tôi, thì tôi sẽ giết Đức Thế Tôn để dành ngôi Phật".

Hoàng-tử Adjatasattu nghĩ rằng: "Đại-Đức Devadatta này có nhiều thân-thông phép lạ; ông ta biết rõ chuyện vị-lai".

Đông-cung liền lấy một báu kiếm dắt vào lưng, đường-đột xông vào cung-nội một cách hung-hăng. Rủi thay, ông ta bị các quan cận-thần nhà vua bắt gặp, lục-soát trong mình thấy gươm báu quả-tang.

Mấy vị quan ấy hỏi đông-cung rằng: "Vậy chớ ngài tính làm gì?"

- "Ta tính giết cha ta".

- "Ai xui giục ngài làm chuyện ấy?"

- "Đức Devadatta dạy ta".

Khi ấy, có vài vị quan nghĩ rằng: "Đông-cung Devadatta và cả thầy hàng tăng-chúng đều đáng tội xử-tử".

Vài vị quan khác cho rằng: "Các thầy sa-môn có làm điều chi nên tội; chỉ có hoàng-tử Adjatasattu và Devadatta mới đáng hành-hình". Sau rốt, có mấy ông quan khác lại nói rằng: "Không nên xử-tử ai cả, mà cần phải tâu lại cho nhà vua rõ coi ngài định-đoạt ra sao".

Nghĩ vậy, các quan thị-vệ liền dẫn đông-cung đến trước mặt vua cha là Bimbisara (Bình Sa Vương, hay Tần Bà Xa) mà tâu cho ngài rõ tự-sự.

Vua cha hỏi rằng: "Vậy chớ các khanh tính xử cách nào?"

Sau khi nghe rõ ý-tưởng của ba nhóm quan thị-vệ (như đã nói trên), nhà vua phán rằng: "Này chư-khanh, đức Phật, đức Pháp, đức Tăng, không có liên-quan chi tới chuyện này cả. Vì Đức Thế Tôn đã cho công-bố trong thành Radhagaha rằng: "Hiện nay, Devadatta đã thay đổi tâm-tính, không còn giống như khi trước nữa. Bất-cứ sự hành-vi nào, hoặc lời nói nào của Devadatta, đều là do ý riêng của Devadatta, chớ chẳng phải do Phật, do Pháp, do Tăng hành-động hay nói ra".

Kế đó, nhà vua xử:

- Lột chức những ông quan nào muốn xử-tử đông-cung Devadatta và chư-tăng.

- Giáng-cấp các vị quan nào tính hành-hình đông-cung và Devadatta.

- Còn mấy vị nào tính không làm tội ai cả, mà có sáng-kiến đem chuyện ấy tâu lại cho ngài rõ, thì đều được thăng chức và ban thưởng.

Xong rồi, đức vua mới hỏi hoàng-tử Adjatasattu như vậy: "Này Đông-cung, tại sao con muốn giết cha?"

- "Tâu phụ-hoàng, vì con muốn thống-trị giang-san".
- "Nếu con muốn làm vua, thì đây này, cha trao ngôi lại cho con".

Liền khi ấy, vua Bimbisara nhường ngôi lại cho thái-tử Adjatasattu.

Ông Devadatta tìm đến vị tân-quân Adjatasattu mà tâu rằng: "Xin đại-vương cho quân-gia giúp tôi để giết thầy Gotama".

Vua Adjatasattu liền ra lệnh cho quân-lính như vậy: "Các người phải vâng-lệnh Đức Devadatta khi ngài sai-khiến điều chi".

Ông Devadatta kêu một tên quân mà dặn rằng: "Thầy Gotama ở chỗ kia. Người hãy đi hạ sát ông ta rồi trở về theo lối này".

Trên đường về của tên quân đi thích-khách Đức Phật, ông Devadatta có cho hai tên quân khác ở đó và dạy như vậy: "Hai người phải hạ-thủ kẻ nào đi ngang qua đây, rồi trở về theo lối kia". Trên nẻo đường về của hai tên này, ông ta lại cho bốn tên quân khác chực sẵn để giết hai tên kia. (Devadatta đặt quân-lính nhiều ngã và dặn dò như vậy cả, cho đến nhóm sau rốt gồm cả 16 tên quân²²).

Người lính thứ nhất liền nai-nịt khí-giới hẩn-hòi, tìm đến nơi Đức Phật ngự. Nhưng khi đến trước Ngài, anh ta vội dừng chân lại, lộ vẻ sợ-hãi, lo-âu.

Đức Thế Tôn thấy vậy nói rằng: "Người chớ sợ, hãy bước lại gần đây".

Tên lính vội-vã liệng gươm, quăng ná đến qui trước Đức Phật mà bạch rằng: "Bạch Đức Thế Tôn, vì si-mê, điên-cuồng, khờ-dại, nên tôi đã gây ra tội-lỗi, cố-ý đến đây để thích-khách Ngài. Xin Đức Thế Tôn tha-thứ các tội-lỗi ấy cho tôi, đừng tôi tránh những điều quấy về sau".

Đức Phật dạy rằng: "Thật vậy, nhà người đã gây nên tội-lỗi. Nhưng người biết nhận lỗi và ăn-năn, sám-hối, vậy Như Lai xá tội-lỗi ấy cho người. Vì một khi kẻ nào biết nhìn-nhận tội-lỗi mình và biết ăn-năn tự hối, kẻ ấy đã có phần tấn-hóa trong giáo pháp của Như Lai vậy".

Rồi Đức Phật thuyết-pháp cho tên quân ấy nghe theo thứ tự. Ngài bắt đầu giải về các pháp: bố-thí, trì-giới, quả vui nơi cõi trời, sự tai-hại xấu-xa của tình-dục và các điều lợi-ích về sự dứt bỏ. Khi Đức Phật xét thấy người ấy thông-hiểu và có nhiều đức-tin chân-chánh rồi, thì Ngài khởi sự thuyết về những pháp đặc sắc nhất của chư Phật là: Sự khổ, nguyên-nhân của sự khổ, tư-cách diệt khổ và con đường để đi đến nơi dứt khổ (Tứ Diệu Đế).

Cũng như một thừa vải không lem lấm, ăn màu một cách mau chóng, đao quả mở sáng ra cho người ấy thấy rõ chân-lý và biết rằng, hễ có sanh thì tất-nhiên phải có diệt. Nhờ vậy, người ấy được biết rõ chân-lý, được làm chủ

chân-lý, được thắm-nhuần chân-lý, say đắm trong chân-lý, diệt sự hòai-nghi, tin chắc Phật-pháp là cao-thượng hơn cả (đắc quả Tu Đà Huòn).

Người ấy bạch với Đức Thế Tôn rằng: "Bạch Đức Thế Tôn, hay quá, đúng quá! Không khác nào người ta đỡ đứng dậy một vật đã bị ngã, hoặc-giả người ta tìm được vật gì bị giấu kỹ, như kẻ mù đi lạc bước được đưa về nẻo tốt, như chỗ tối-tăm được hưởng ánh-sáng của ngọn đèn, làm cho người có mắt có thể xem rõ mọi vật. Cũng như thế ấy, tôi đã được Đức Thế Tôn truyền pháp với nhiều cách-thức khác nhau. Bạch Đức Thế Tôn, xin Ngài cho phép tôi qui-y và nương nhờ nơi Ngài cho đến trọn đời".

Đức Phật dạy người ấy rằng: "Vậy nhà ngươi chớ nên đi theo đường này, mà hãy trở về theo nẻo kia²³".

Lúc ấy, hai tên lính đứng gác ngõ về của người trước không thấy dạng ai cả, liền cùng nhau đi tìm, kẻ gặp Đức Phật đang ngồi dưới cội cây. Họ đến trước Đức Phật đánh lễ rồi ngồi kế bên. Đức Thế Tôn thuyết-pháp cho họ nghe như khi nãy. Sau khi qui-y thọ giới rồi, Phật liền chỉ đường khác cho họ trở về. Lần-lần tới phiên mấy tốp sau: bốn người, tám người và 16 người, Đức Phật cũng đều dạy như vậy cả.

Khi đó, người thứ nhất trở về bạch với ông Devadatta rằng: "Tôi không thể hạ-sát Đức Phật đặng, vì Đức Thế Tôn có rất nhiều hạnh-kiêm và các pháp nhiệm-mầu".

Ông Devadatta nói: "Vậy thì ta không cần đến ngươi đâu. Để tự tay ta sẽ giết Đức Phật cho mà coi".

Lúc ấy, Đức Phật đang đi kinh-hành dưới bóng triền núi Kỳ Xà Quật (núi kên kên). Ông Devadatta leo lên chót núi, xô một tảng đá to lăn xuống, cốt-ý làm hại Đức Thế Tôn. Tức thì, hai chót núi tự-nhiên khép lại với nhau, ngăn không cho hòn đá rơi xuống. Chỉ có một mảnh đá nhỏ văng ra trúng nhằm chân Đức Phật chảy máu.

Đức Thế Tôn ngược mắt lên nói với Devadatta như vậy: "Đây là lần thứ nhất, nhà ngươi đã gây lên tội ác và sẽ bị trả quả gần đây. Vì ngươi đã cố-ý làm chảy máu và hãm-hại Đức Phật".

Chư tăng, khi hay tin Devadatta chú-tâm hại Đức Thế Tôn, thì thấy-thấy đều lo-ngại: Ông thì tung vái ra tiếng, ông thì khẩn-nguyện làm-thăm, mong cầu sự che-chở cho Đức Phật. Nghe vậy, Đức Phật hỏi tôn-giả Ananda. Đức Ananda bạch cho Đức Phật rõ mọi việc. Ngài liền dạy Đức Ananda đòi chư-tăng đến hầu chuyện.

Tăng-chúng đến nơi, đánh lễ Đức Phật xong rồi ngồi kế bên. Đức Thế Tôn nói rằng: "Này các thầy tỳ-khuru, không thể nào và không ai có tài nào làm cho một bậc Chánh Đẳng Chánh Giác phải chết vì một tai-nạn góm ghê được. Này các thầy tỳ-khuru, vậy các ngươi nên trở về, ai vào tịnh-thất này. Các đấng Như Lai không cần đến sự che chở của ai cả".

Hồi thời-kỳ ấy, tại thành Radjagaha, có một con voi tên là Nalagiri, rất hung-hăng và có tánh thù ghét loài người. Ông Devadatta tìm đến chuồng voi mà nói với mấy tên nài rằng: "Ta đây rất thân-thích với đức vua và có cách làm cho các ngươi được thăng chức và ban thưởng trọng-hậu. Vậy các ngươi nên nghe lời ta, khi nào thấy thầy Gotama đi ngang qua đây thì mau thả con voi ấy ra và rượt nó chạy ra đường lớn". Mấy tên nài vâng lời.

Sáng sớm ra, Đức Thế Tôn mặc y mang bát, dắt nhiều tăng-chúng theo sau, lên đường vào thành Radjagaha để trì-bình khát-thực. Thấy dạng Ngài, mấy tên nài liền mở cửa chuồng, đuổi voi Nalagiri chạy ra. Voi thấy Đức Phật đằng trước, liền hung-hăng xông tới phóng vòi lên cao, ngóc đuôi, vẩy tai, ra dáng dữ-tợn.

Thấy voi Nalagiri từ xa lướt tới, chư-tăng bạch với Đức Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn, voi Nalagiri rất hung-ác và có tánh thù-nghịch loài người, đã đến kia. Vậy xin Đức Thế Tôn trở bước" (nói hai lần như vậy).

Đức Phật dạy rằng: "Này các tỳ-khuru, các ngươi chẳng nên sợ-hãi. Không thể nào và không có ai tài nào làm cho một đấng Chánh-Đẳng Chánh-Giác phải chết vì một tai-nạn ghê-gớm được. Tất cả các Đấng Như Lai chỉ tịch diệt khi thời giờ đã đến bằng một cái chết tự-nhiên" (chư-tăng cầu-khẩn Đức Phật lần thứ nhì và lần thứ ba, Đức Phật cũng trả lời như vậy).

Lúc ấy, dân-chúng trong thành đều leo lên các tầng lầu cao, trên các hành-lang hoặc trên nóc nhà để coi. Bọn hèn-hạ, kém đức-tin, ngu-muội, tối-tăm, xâm-xì với nhau rằng: "Chà! Thầy sa-môn đẹp thật, nhưng sẽ bị con voi làm hại". Nhóm người có đức-tin, hiểu biết chân-lý, thì cho rằng: "Đây là một cuộc tranh-đấu giữa voi loài thú và voi chúa-tể loài người".

Đức Phật liền rải lòng từ-bi đến voi Nalagiri. Được gọi nhuần mồi từ-bi mát-mẻ, voi liền hạ vòi xuống, đến gần Đức Phật, dùng chân trước mặt Ngài.

Đức Thế Tôn lấy bàn tay mặt vuốt-ve trên trán voi và ngâm kệ như vầy:

"Này voi ôi! Ngươi chẳng nên đưng đến voi chúa-tể loài người.

Vì đó là một sự công-hãm muôn phần tai-hại.

Này voi ôi! sau khi thác, kẻ nào làm hại voi chúa-tể loài người,

Không mong gì được sự an vui.

Ngươi chẳng nên hung-dữ, hững-hờ,

*Vì kẻ hững-hờ không sao được đến chốn an vui.
Người nên ăn ở cách nào để đạt sự an vui".*

Voi Nalagiri liền lấy vòi lau chân Đức Thế Tôn, rồi đem bụi dính ở chân Ngài mà vãi tủa lên đầu nó; xong việc, nó lui lại, bái chào Đức Thế Tôn với cặp mắt chăm-chỉ nhìn Ngài.

Trở về chuồng, bắt đầu từ đó, voi Nalagiri trở nên hiền-hậu. Dân chúng thấy vậy, hát lên mấy câu như vậy:

*"Người đời có thể dạy nó bằng gậy, bằng đót, bằng roi.
Những bậc đại-hiền điều-khiên voi ấy,
Chẳng cần đến gậy hay võ-khí chi-chi".*

Lúc ấy, dân-chúng rất hờn-oán, xôn-xao, bất-mãn, nói với nhau rằng: "Khôn-nạn thay, hung-ác thay, cái lão Devadatta lại đi tìm cách hãm-hại một đấng đại-trí đại-lực như Ngài Gotama!". Bắt đầu từ đó, lễ lộc về phần Devadatta mỗi ngày một suy-giảm; trái lại, lễ lộc đến cho Đức Phật mỗi ngày càng thêm đầy đủ.

Khi các lễ vật và danh-vọng bị sa-sút, Devadatta và một số tỳ-khưu phải đến các nhà thường-dân để khất-thực, dân-chúng rất hờn-oán, xôn-xao, bất-mãn và nói rằng: "Thế nào? Thầy đạo-sĩ dòng Thích-Ca mà có thể sống được với vật thực của thường-dân bô-thí à? Mấy thuở có ai lại chẳng thích cao-lương mỹ-vị? Ai đâu lại chẳng ưa những vật tốt lành²⁴?"

Nghe lời đồn ấy, chư-tăng bạch cho Đức Phật rõ. Ngài dạy rằng: "Này các thầy tỳ-khưu, vậy Như Lai cấm-nhật không cho hơn ba vị được thọ lãnh chung vật thực nơi một nhà dân-giả, vì có ba lẽ: phòng-ngừa kẻ ác tâm, không làm bận-lòng thí-chủ, tránh sự lợi-dụng chia rẽ tăng-già do kẻ xấu gây nên và vì lòng từ-bi đối với thiện-nam tín-nữ. Như thế, thầy tỳ-khưu dùng vật thực do một nhóm tỳ-khưu hơn 3 vị thọ lãnh (trong một nhà thí chủ) sẽ bị hành-phạt theo luật của tăng-hội".

Lúc đó, ông Devadatta đi tìm thầy tỳ-khưu Kokalika và hai vị tỳ-khưu Kotamoraka, Tissaka với con của Khandadevi là Samuddadatta mà nói rằng: "Các ngài hãy lại đây, chúng ta sẽ tìm cách chia rẽ tăng-chúng và tín-đồ của thầy Gotama".

Nghe vậy, thầy Kokalika nói với Devadatta như vậy: "Thầy Gotama có oai-lực đồng-mãnh lắm. Chúng ta làm thế nào được?"

Devadatta trả lời rằng: "Chúng ta hãy tìm đến thầy Gotama để trình-bày với ông ta 5 điều yêu-cầu như sau đây: "Bạch Đức Thế Tôn, Đức Như Lai thường dùng nhiều phương-pháp để chỉ rõ sự ích-lợi cho những kẻ nào có ít

lòng tham muốn, có đức tri-túc, dễ-dãi trong sự thọ lãnh thực-phẩm hay vật-dụng, đã diệt trừ các điều xấu nơi tâm, đã lánh xa tình-dục, có đầy đủ sự cung-kính, nhẫn-nại và đức-tin. Bạch đức Thế Tôn, năm điều học sau đây sẽ đem lại nhiều sự kết-quả tốt đẹp":

1. Tốt hơn là các thầy tỳ-khưu nên ở nơi rừng vắng cho đến trọn đời. Vị nào vào gần xóm sẽ phạm giới-cấm;
2. Tốt hơn là các thầy tỳ-khưu nên đi khát-thực cho đến trọn đời. Vị nào nhận thọ-thực trong một nơi nào sẽ phạm giới-cấm;
3. Tốt hơn là các thầy tỳ-khưu phải mặc y phục bằng vải rách lượm được và chăm-khíu lại cho đến trọn đời. Vị nào nhận lãnh y may sẵn do thiện-tín dâng cúng sẽ phạm giới-cấm;
4. Tốt hơn là các thầy tỳ-khưu nên ngụ dưới cội cây cho đến trọn đời. Vị nào ở nơi tịnh-thất sẽ phạm giới-cấm;
5. Tốt hơn là các thầy tỳ-khưu chẳng nên dùng cá cho đến trọn đời. Vị nào dùng cá sẽ phạm giới-cấm.

"Nếu thầy Gotama không nhận những điều ấy, thì chúng ta sẽ lấy cơ đó mà lập tăng-hội riêng".

Thầy Kokalika rất đồng-ý và nói rằng: "Phải rồi, chúng ta sẽ có thể làm chia rẽ tăng-chúng và tín-đồ của thầy Gotama bằng cách ấy; vì đại đa-số hay chú-ý đến các pháp tu khổ-hạnh".

Tính xong, Devadatta liền dắt những bạn thân của ông ta đi tìm Đức Phật mà bạch rõ năm điều học cải-cách như đã nói trên.

Đức Thế Tôn trả lời rằng: "Này Devadatta, không thể được:

1. Tùy thích, vị nào muốn ngụ nơi rừng vắng hay gần xóm, cũng được.
2. Tùy thích, vị nào muốn đi khát-thực hay muốn thọ trai-tặng, cũng được.
3. Tùy thích, vị nào muốn mặc y bằng vải rách lượm được và chăm-khíu lại, hay thọ lãnh y may sẵn do thí-chủ dâng, cũng được.
4. Còn sự ngụ dưới cội cây, Như Lai đã cho phép các thầy tỳ-khưu được tùy-tiện trong tám tháng mỗi năm.
5. Sự dùng cá, khỏi phạm giới khi nào có đủ ba điều kiện sau đây: kẻ dùng không thấy bắt cá, không nghe hoặc không biết rằng người ta bắt cá cốt ý làm vật thực dâng cho mình".

Ông Devadatta rất thoả-mãn khi nghe Đức Phật không chịu nhận lời yêu-cầu của mình. Ông ta liền đứng dậy, đi vòng quanh Đức Thế Tôn, đánh lễ rồi lui gót, dắt các bạn đồng ra về.

Devadatta vào thành Radjagaha công-bố cho nhóm dân biết như vậy: "Chúng tôi đã có trung bày những điều học như thế kia, song thầy Gotama chẳng chịu nhận lời. Vậy về phần chúng tôi, chúng tôi sẽ hành theo mấy điều học ấy".

Lúc đó, những kẻ kém đức-tin, ngu-muội, tối-tăm, xâm-xì với nhau rằng: "Do mấy vị sa-môn, dòng Thích-Ca kia đã diệt trừ ái-dục và biết trau-giồi tâm-tính cho trở nên trong sạch, tốt lành. Còn về phần thầy Gotama, thì ông ta bằng lòng sống trong sự đầy đủ, sung-sướng".

Nhóm người có đức-tin, hiểu biết chân-chánh, rất căm-hờn, bất-mãn, thì cho rằng: "Vi sao Devadatta lại tìm cách làm chia rẽ tăng-chúng và các tín-đồ của Đức Thế Tôn?"

Nghe vậy, chư tăng đến bạch cho Đức Phật rõ tự-sự.

Đức Thế Tôn thuyết rằng: "Kẻ nào làm chia rẽ Tăng trong lúc chư-tăng đang ăn ở hòa-nhã cùng nhau, thì phải chịu tội-lỗi trong một kiếp trái đất và phải chịu sự hành-phạt nơi cảnh địa-ngục nước sôi trong một kiếp nữa".

"Còn kẻ nào đem lại sự hòa-nhã cho chư-tăng lúc tăng-chúng đang bị chia rẽ, kẻ ấy sẽ được hưởng quả vui nơi cõi trời trong một kiếp".

Lúc ấy, tôn-giả Ananda, trong buổi sáng sớm, mặc y, mang bát, vào thành Radjagaha khát-thực. Ông Devadatta thấy đức Ananda liền men đến gần mà nói rằng: "Này đạo-hữu Ananda, bắt đầu từ hôm nay, tôi định làm lễ phát-lộ²⁵ và thực-hành giới bốn ngoài khuôn-khổ và qui-tắc của Đức Phật và tăng-hội".

Sau khi vào thành Radjagaha khát-thực và trở về độ xong rồi, đức Ananda tìm đến nơi Đức Phật ngự, đánh lễ rồi ngồi kế bên mà bạch rằng: "Bạch Đức Thế Tôn, hôm nay Devadatta định làm chia rẽ tăng-hội".

Đức Phật nghe qua thốt rằng: "Người có tâm lành làm điều tốt một cách dễ-dàng. Trái lại, kẻ dữ rất khó bề làm nên việc tốt. Người có tâm ác làm điều xấu rất dễ-dàng. Trái lại, một đấng Như Lai khó bề làm nên việc xấu".

Hôm ấy, nhằm ngày lễ phát-lộ, Devadatta đứng lên giữa tăng-chúng, cầm một xấp lá thắm mà tuyên-bố rằng: "Bạch các ngài, chúng tôi có tìm đến thầy Gotama và đã trình với ông ta năm điều học (như đã nói trên). Nhưng thầy Gotama không khứng nhận lời. Vậy chúng ta nên hành-động theo cách-

thức riêng của chúng ta. Vậy những vị nào tán-thành năm điều học nói trên, xin hãy rút một lá thăm".

Lúc bây giờ, có 500 thầy tỳ-khuru thuộc về sắc dân Vajjis ở tại thành Vesali, mới thọ giáo, không rõ Devadatta đang cầm vật gì trong tay. Những vị tỳ-khuru ấy đều nhận lãnh thăm của Devadatta (vì tưởng rằng năm điều học ấy đúng theo pháp, theo luật và lời giáo-huấn của Đức Phật). Nhờ dùng mảnh-khoé ấy mà Devadatta làm chia rẽ được tăng-hội, và dắt 500 thầy tỳ-khuru kia lên ngự trên đỉnh núi Gaya.

Hai vị đại-đức Sariputta và Moggallana liền tìm đến nơi Đức Phật ngự, đánh lễ xong rồi ngồi kế bên. Đức Sariputta bạch với Đức Phật như vậy: "Bạch Đức Thế Tôn, Devadatta đã dắt 500 thầy tỳ-khuru lên núi Gaya rồi".

- "Này Sariputta và Moggallana, hai người nên mở lòng từ-bi đối với những vị tỳ-khuru ấy. Vậy các người nên mau tìm họ, chớ khá trễ nãi".

- "Bạch Đức Thế Tôn, chúng tôi xin vâng".

Nói xong, hai ngài liền đứng dậy, đánh lễ, đi vòng quanh Đức Phật rồi lui gót lên đường về núi Gaya.

Lúc ấy, có một vị tỳ-khuru đứng gần bên Đức Phật phát lên khóc.

Phật hỏi: "Vì sao nhà người khóc?"

- "Bạch Đức Thế Tôn, cho đến hai trò giỏi nhất của Phật, là Sariputta và Moggallana, cũng còn theo Devadatta và công-nhận giáo-lý của Devadatta".

- "Hỡi thầy tỳ-khuru, không phải Sariputta và Moggallana công-nhận giáo-lý của Devadatta đâu; hai vị ấy đi kêu 500 thầy tỳ-khuru kia trở về".

Trong khi đó, Devadatta đang ngồi giữa một nhóm đông tăng-chúng mà thuyết-pháp, thoạt thấy hai ngài Sariputta và Moggallana đến nơi, ông ta nói với chư-tăng rằng: "Này các thầy tỳ-khuru, quả thật vậy, giáo pháp của ta rất đúng chân-lý, nên chỉ hai trò giỏi nhất của thầy Gotama cũng đến nghe ta thuyết".

Nghe Devadatta nói vậy, thầy Kokalika đáp rằng: "Bạch ngài, ngài chớ nên vội tin Sariputta và Moggallana, vì hai người ấy thuộc hạng xấu-xa có nhiều ác ý".

Devadatta nói rằng: "Đạo-hữu ôi, tuy vậy, chúng ta cũng phải niềm-nở với họ, bởi họ đã công-nhận giáo-lý của ta".

Rồi đó, ông ta mời Đức Sariputta ngồi chung với mình và nói như vậy: "Xin đạo-hữu Sariputta hãy ngồi xuống đây".

Đức Sariputta chẳng nhận lời mời ấy. Ngài kiếm một chỗ gần đó mà ngồi. Devadatta dùng hết tài-lực mình để thuyết-pháp, dạy bảo, làm cho các thầy tỳ-khuru rất vừa lòng. Thuyết tới một giờ khuya, ông ta liền yêu-cầu Đức Sariputta như vậy: "Này đạo-hữu Sariputta, chư-tăng còn đang hăng-hái chăm-chú nghe pháp và chưa buồn ngủ. Vậy xin đạo-hữu hoan-hỉ giảng thêm cho các vị ấy nghe. Tôi đã mỏi-mệt và muốn đi nằm nghỉ một chút".

Đức Sariputta khứng chịu. Devadatta liền trải y xuống, nằm nghiêng mình bên tay mặt. Vì mỏi-mệt quá đỗi, nên ông ta nằm ngủ mê-man, chẳng hay biết chi cả.

Lúc ấy, Đức Sariputta thuyết về các quả-báo cao-siêu của sự hoằng-pháp cho tăng-chúng nghe. Còn Đức Moggallana thì giải về quả-báo của các pháp thân-thông. Trong khi nghe pháp, những thầy tỳ-khuru được huệ nhãn mở sáng, làm cho thấy rõ chân-lý và hiểu rằng: "Mỗi vật nào, hễ có sanh thì tất-nhiên phải có diệt".

Đức Sariputta nói với các thầy tỳ-khuru rằng: "Hỡi các ngài! Chúng ta nên đi tìm Đức Thế Tôn. Vị nào công-nhận giáo pháp của Đức Phật, xin hãy theo tôi".

Rồi đó, hai ngài liền dắt 500 vị tỳ-khuru kia trở về Vehuvana.

Thầy Kokalika đánh thức Devadatta dậy mà nói rằng: "Này đạo-hữu Devadatta, ông mau chỗi dậy. Mấy vị tỳ-khuru của ông đã theo Sariputta và Moggallana đi hết rồi. Tôi đã nói với ông rằng chẳng nên quá tin nơi hai người ấy, vì chúng nó thuộc về hạng xấu-xa có nhiều ác ý".

Trong khi đó, một giọt máu đào nóng hổi, tụt cửa miệng Devadatta tuôn ra.

Hai vị Đại-Đức Sariputta và Moggallana trở về đến nơi Đức Phật ngự, đánh lễ Đức Thế Tôn xong rồi ngồi kê bên. Đức Sariputta bạch như vậy: "Bạch Đức Thế Tôn, xin Ngài cho biết coi có nên làm lễ xuất-gia lại cho những vị tỳ-khuru bị chia rẽ kia chăng?"

- "Này Sariputta, không cần chi phải làm lễ xuất-gia lại cho các tỳ-khuru bị chia rẽ ấy đâu, và nên cho những vị ấy sám-hối tội-lỗi đã phạm là đủ. Này Sariputta, vậy chớ Devadatta tiếp rước nhà người cách nào?"

(Đức Sariputta thuật rõ mọi việc cho Đức Phật nghe).

Đức Thế Tôn liền thuyết cho tăng-chúng nghe như vậy:

"Hỡi các thầy tỳ-khuru! Thuở nọ, có một cái ao lớn trong rừng. Gần ao ấy, có nhiều thớt voi rừng trú-ngụ. Mỗi khi những voi đó lội xuống ao, thì chúng nó lấy vòi nhỏ mấy cọng sen để làm vật thực. Chúng nó đập rửa cọng sen

cho thật sạch rồi mới ăn. Nhờ vậy mà những thớt voi ấy được mạnh khỏe, tốt tươi, tránh khỏi sự chết và điều khổ-não về cái chết".

"Mà trong đám voi ấy, cũng có nhiều voi con thấy vậy bắt chước làm theo. Chúng nó cũng lội xuống ao, cũng lấy vòi nhỏ những cọng sen để làm vật thực. Nhưng vì không chịu rửa cọng sen cho thật sạch, để vậy ăn luôn cả bùn và các vật dơ bẩn dính theo sen, nên chi đoàn voi con kia không được tốt tươi, khỏe mạnh. Chúng nó hằng phải vong-mạng và bị khổ-não về sự chết (do cách ăn chẳng được sạch sẽ ấy)".

"Này các thầy tỳ-khuru, cũng như thế đó, Devadatta sẽ bị chết một cách khổ-não vì muốn bắt chước làm theo Như Lai".

"Không khác nào thớt voi con, vì muốn bắt chước làm theo voi lớn, nên phải ăn bùn, ăn đất, dẫm đạp sinh lây, ăn những cọng sen và thức suốt đêm dưới nước".

"Kẻ nào muốn bắt chước mà không làm đúng theo Như Lai phải bị chết một cách khổ-não".

"Này các thầy tỳ-khuru, thầy tỳ-khuru nào có đủ tám đức-tính mới đáng là bậc hoằng-pháp. Mà tám đức-tính ấy là như thế nào? Là thầy tỳ-khuru:

1. phải biết cách nghe (pháp),
2. phải biết cách làm cho kẻ khác nghe theo,
3. phải biết học hỏi,
4. phải biết ghi nhớ,
5. phải biết thông-hiểu,
6. phải biết cách giải rõ cho kẻ khác cùng hiểu,
7. rất giỏi-giảng, bất-thiệt trong việc giao-tế với bằng-hữu, với kẻ nghịch,
8. chẳng làm cho phát-sinh những sự xung-đột, cãi-lấy cùng nhau.

"Này các thầy tỳ-khuru, đó là tám đức-tính mà thầy tỳ-khuru phải có, mới xứng-đáng làm tròn nhiệm-vụ của một bậc hoằng-pháp".

"Này các thầy tỳ-khuru, chính Sariputta là người có đủ tám chi ấy và rất xứng-đáng để làm tròn nhiệm-vụ của một bậc hoằng-pháp. Mà tám chi ấy là như thế nào? (Đức Phật nói lại tám điều như đã kể trên) và ngâm kệ rằng:

*Kẻ nào vào chỗ đông người đang xông-xao cãi-lấy,
Mà chẳng dọ-dự, sợ-hãi trong khi nói, biết bày-tỏ ý-kiến mình,
Tin chắc lời mình thốt ra, và không hờn giận đối với những lời bất-nhã.
Kẻ ấy thật xứng-đáng ruổi-dung trên đường hoằng-pháp.*

"Này các thầy tỳ-khuru, Devadatta, vì bị tám ác pháp làm chủ thân tâm và hằng say đắm theo chúng nó, nên thế nào cũng phải chịu đau đớn thống-khổ trong một kiếp của trái đất".

"Mà tám ác pháp ấy là như thế nào? Tâm-trí của Devadatta hằng:

1. Say đắm trong lợi-lộc và bị lợi-lộc làm chủ,
2. Khao-khát lợi-lộc,
3. Say đắm danh-dự,
4. Khao-khát danh-dự,
5. Say đắm sự sang-trọng,
6. Khao-khát sự sang-trọng,
7. Tham muốn một cách tội-lỗi xấu-xa,
8. Rẻ-rúng tình bạn-lữ.

"Này các thầy tỳ-khuru, đó là tám ác pháp đã làm chủ thân tâm, đã làm cho Devadatta say đắm, nên phải chịu đau đớn, thống-khổ trong một kiếp của trái đất".

"Vậy các thầy tỳ-khuru nên biết mình nên tự-chủ lấy mình mỗi khi:

- có sự lợi-lộc hay thiệt-thòi phát-sinh,
- có danh-dự hay sự suy-sụp xảy đến,
- có sự cao-sang hay thấp-hèn phát-khởi,
- có ý nghĩ tham muốn tội-lỗi phát-sinh,
- có tư-tưởng xấu-xa đối với bằng-hữu.

"Mà tại sao phải làm như vậy? Này các thầy tỳ-khuru, vì các điều cám-dỗ ấy chỉ đem lại sự bồn-chồn, lo-lắng, cho kẻ nào thiếu nghị-lực để kèm-chế lấy mình, mỗi khi chúng nó phát-sinh đến cho kẻ đó. Trái lại, người nào biết tự-chủ, thì những sự cám-dỗ ấy không sao phát-sinh lên được. Vì đó, các thầy tỳ-khuru phải ráng giữ mình (Đức Phật lập lại những điều nói trên)".

"Này các thầy tỳ-khuru, các người nên biết mình đối với tám điều cám-dỗ ấy. Làm như thế, các người sẽ mau tấn-hóa".

Có ba điều cám-dỗ làm cho Devadatta phải quên mình, say đắm, nên phải chịu đau đớn, thống-khổ, trong một kiếp của trái đất. Mà ba điều ấy như thế nào?

1. Là những bạn xấu mà Devadatta hằng thân-cận;
2. Là sự ham muốn tội-lỗi, xấu-xa;
3. Là thiếu sự tinh-tấn trên đường chân-lý (khi Devadatta thấy mình được chút ít danh-vọng rồi tự cho là đủ).

"Đó là ba điều cám-dỗ".

Phật ngâm kệ như vậy:

"*Thật ra, các người chẳng nên để cho bất cứ sự ham muốn nào thâm-nhập vào tâm,*

"*Các người dòm lại coi quả-báo như thế nào?*

"*Kẻ mà ai cũng cho là người trí-thức học hỏi cao-thâm,*

"*Có danh thơm tiếng tốt như Devadatta,*

"*Mà vì tánh cống-cao ngã-mạn, mong hãm-hại Đức Như Lai,*

"*Nên phải sa-đọa vào cảnh a-tỳ địa-ngục, chịu hành-hình thảm-khốc.*

"*Vì các tật xấu-xa, con người hung-ác chẳng chút từ-tâm,*

"*Dám phi-báng bậc Trọn-Lành Tối-Thượng,*

"*Không khác nào kẻ đổ một chậu thuốc độc, mong làm bản biển đông,*

"*Mà chẳng làm sao được, vì biển cả thật muôn phần to lớn.*

"*Cũng như kẻ nào mong phi-báng để làm nhục Đức Như Lai,*

"*Thì càng vô hiệu-quả, đối với đấng Trọn-Lành thân tâm mát-mẻ.*

"*Vậy các bậc sa-môn có giới hạnh nên tìm lấy bạn lành để nương nhờ.*

"*Lời dạy dỗ của bạn lành sẽ đem đến nơi dứt khổ".*

-- VINAYA, CULLAVAGA VII

---o0o---

Những việc đã xảy ra trong khi đức Thế Tôn nhập Niết-Bàn

Khi Đức Thế Tôn tịch-diệt, lúc Ngài lìa bỏ cõi trần, thì quả đất rung-động một cách dữ-dội, hãi-hùng; tiếng gầm, tiếng sét nổi vang trong khắp cõi trời (Tam-giới).

Khi Đức Thế Tôn tịch-diệt, lúc Ngài lìa bỏ cõi trần, vị Phạm Thiên Sahampati ngâm kệ như vậy:

"*Tất cả chúng-sinh có sự sống,*

"*Đều phải bỏ lại xác thân phức-tạp,*

"*Là cái khối do vật-chất tinh-thần phối-hợp,*

"*Để tạo nên cá-thể giả-tạm này,*

"*Tại chốn thiên-đàng cũng như trong cảnh nhân-gian.*

"*Cho đến đức-thầy là bậc tối-thượng hơn cả loài người,*

"*Là đấng kế-nghiệp cho các đại-hiền thuở trước,*

"*Là bậc học hỏi uyên-thâm, có trí-tuệ hoàn-toàn cao-cả,*

"*Cũng đã tịch-diệt rồi ...".*

Khi Đức Thế Tôn tịch-diệt, lúc Ngài lìa bỏ cõi trần, vị trời Sakha²⁶, chúa-tể chư thiên ngâm kệ rằng:

"Danh và sắc của mỗi chúng-sinh thật không bền vững.
"Cách sanh hay diệt đều là lẽ tự-nhiên.
"Luôn-luôn cái diệt hằng nối gót cái sanh.
"Chỉ không còn sanh tử mới thật là an vui tuyệt-đối".

Khi Đức Thế Tôn tịch-diệt, lúc Ngài lìa bỏ cõi trần, Đại-Đức Anuruddha²⁷ ngâm kệ rằng:

"Khi bậc thoát-ly trần-tục,
"Đã tịch-tĩnh vào Niết-Bàn an vui tuyệt-đối,
"Khi đáng đại-hiền đến buổi lâm-chung,
"Sự vày-xé của tử-thần cũng không thể nào lay-chuyển tâm Ngài.
"Luôn-luôn quả-quyết, cứng-cỏi,
"Ngài bình-tĩnh chiến-thắng các điều đau-khổ,
"Do sự chết gây nên,
"Rồi như ngọn lửa sáng kia vụt tắt.
"Cũng như thế ấy, và đây là lần chót,
"Tâm Ngài đã hoàn-toàn giải-thoát ..."

Khi Đức Thế Tôn tịch-diệt, lúc Ngài lìa bỏ cõi trần, tôn-giả Ananda²⁸ ngâm kệ rằng:

"Đầu rờn gáy, tâm-linh khủng-khiếp,
"Khi Đấng Trọn-Lành hoàn-toàn đức-hạnh,
"Đức Phật-Đà cao-cả lên đường tịch-diệt ...".

Khi Đức Thế Tôn diệt-độ, trong hàng tăng-chúng, giữa những bậc tỳ-khưu chưa diệt được phiền-não, có nhiều vị vẫy tay lên trời khóc than, kể-lẽ. Có nhiều vị khác nhào lặn xuống đất, than-van, hối-tiếc rằng: "Đức Thế Tôn đã sớm bỏ cõi trần! Đáng ân-nhân sao vội nhập Niết-Bàn như thế? Ánh-sáng thế-gian sao vội tắt?"

Trái lại, những vị tỳ-khưu nào đã diệt được phiền-não thì rất bình-tĩnh, nhẫn-nại trong cảnh khổ ấy, vì các ngài nghĩ rằng: "Tất cả những vật phối-hợp đều phải hư-hoại. Chúng nó không sao tránh khỏi sự tiêu diệt".

Liền đó, Đại-Đức Anuruddha an-ủi các vị tỳ-khưu như vậy: "Hỡi các đạo-hữu! Xin các đạo-hữu chớ nên khóc than, thất-vọng. Đức Phật hằng giảng dạy rằng đó là lẽ tự-nhiên. Những vật nào có liên-hệ với ta, những vật mà ta thương yêu triu-mền, tất-nhiên chúng ta phải chia lìa, phải rời bỏ, phải mất chẳng sai. Nay các đạo-hữu, như thế thì vật nào có nguyên-nhân là sự sanh, sự tạo-tác, sự phối-hợp làm cho phát-khởi, không sao tránh khỏi sự hư-hoại đặng. Một chúng-sinh không sao tránh khỏi sự diệt-vong. Nay các đạo-hữu, các chư-thiên sẽ chê trách nếu chúng ta để lộ vẻ âu-sầu, thất-vọng".

Tôn-giả Ananda hỏi rằng: "Bạch Đức Anuruddha, vậy chớ ngài muốn nói về hạng chư-thiên nào?"

- "Này đạo-hữu Ananda, có nhiều hạng chư-thiên, tuy ở tại cõi trời, nhưng vẫn còn mến tiếc thế-gian này. Cũng có những hạng chư-thiên khác ở trên mặt đất và hằng quyên-luỵn thế-gian. Tất cả các hạng chư-thiên ấy bức đầu, bức tóc, vẫy tay than khóc, nhào lặn xuống đất, kể lể rằng: "Đức Thế Tôn diệt-độ sớm thật! Đức Thế Tôn nhập Niết-Bàn sớm thật! Ánh-sáng thế-gian tắt sớm thật!"

"Trái lại, những hạng chư-thiên ít phiền-não thì rất bình-tĩnh, nhẫn-nại, trước cảnh ấy, vì các ngài nhớ câu kệ-ngôn như vậy: "Thật vậy, những vật phối-hợp đều phải hư-hoại. Chúng nó không sao tránh khỏi sự tiêu diệt đặng".

Rồi đó, tôn-giả Ananda cùng với Đại-Đức Anuruddha luận về đạo-lý suốt cả đêm trường. Ngài Anuruddha nói với tôn-giả Ananda rằng: "Xin đạo-hữu Ananda sang thành Kusinara tâu với vua Malla như vậy: "Tâu Đại-Vương, Đức Thế Tôn đã nhập Niết-Bàn rồi. Vậy xin Đại-Vương tùy-tiện sắp đặt cách nào cho ổn-thỏa".

- "Tôi xin vâng theo ý ngài".

Sáng sớm ra, Đức Ananda mặc y mang bát, dắt theo một vị tỳ-khưu, nhắm thành Kusinara trực-chỉ. Lúc ấy, các vị hoàng-gia Malla đang hội-họp cùng nhau tại triều để bàn tính việc nước.

Tôn giả Ananda thân-hành vào đền vua Kusinara, và khi tới nơi, ngài tâu rằng: "Tâu Đại-Vương, Đức Thế Tôn đã nhập Niết-Bàn rồi. Vậy xin Đại-Vương tùy-tiện sắp đặt cách nào cho ổn-thỏa".

Khi nghe đức Ananda thuật rõ mấy điều, đàn bà, trẻ con, thầy-thầy đều hết sức buồn-bã, đau đớn, khổ-não. Người thì bức đầu, bức tóc, vẫy tay lên trời khóc than thảm-thiết; kẻ thì nhào lặn xuống đất, thất-vọng, kể-lể rằng: "Đức Thế Tôn diệt-độ sớm thật! Đức Thế Tôn nhập Niết-Bàn sớm thật! Ánh-sáng thế-gian tắt sớm thật!"

Các ông hoàng Malla liền ra lệnh cho kẻ bộ-hạ gom hết thầy những vật thơm, bông hoa và các dụng-cụ về lễ nhạc khắp trong thành Kusinara. Rồi các dân-tộc Malla lấy hết những vật thơm, bông hoa, các dụng-cụ, âm nhạc ấy và 500 bộ y, kéo nhau lên đường sang Upavattana, vào rừng Sala, thuộc lãnh-thổ của họ, đến tại chỗ đức Thế Tôn tịch-diệt. Và suốt ngày đêm ấy, họ hành lễ, cúng dường, tôn-kính, sùng-bái kim-thân Đức Thế Tôn bằng các những cuộc: múa hát, kèn trống, bằng các vật thơm, bằng bông hoa. Họ lấy những bộ y đã đem theo, và các tràng hoa, kết lại thành một cái kiệu đẹp đẽ.

Khi ấy, các vị hoàng-gia Malla hỏi Đức Ananda rằng: "Bạch Đại-Đức, vậy phải làm cách nào để tấn-liệm kim thân Đức Như Lai?"

- "Hỡi các ngài! Các ngài nên hành tang-lễ Đức Như Lai như các thể-thức bậc đế-vương".

Rồi Đức Ananda liền dạy mấy vị hoàng-gia Malla những cách táng-chung của các bậc đế-vương mà ngài đã được nghe Đức Thế Tôn chỉ dẫn lúc trước.

Mấy vị hoàng-gia Malla, tại thành Kusinara, sai những bộ-hạ mình tom góp tất cả bông gòn trong kinh-đô. Họ hiệp nhau lại quấn kim-thân Đức Thế Tôn trong một khổ vải mới. Xong rồi, họ bao xung quanh bằng một lớp bông gòn dày. Kế đó, họ lại quấn trong một khổ vải mới nữa, và làm như vậy cho đến khi kim thân Đức Thế Tôn được hoàn-toàn bao-bọc trong 500 khổ vải mới và 500 lớp bông gòn. Rồi họ để kim-thân vào trong một cái hòm bằng sắt và có tấm dầu, rồi để hòm ấy vào trong một cái hòm thứ nhì nữa cũng bằng sắt và có tấm dầu. Xong xuôi, mấy vị hoàng-gia Malla ấy khiêng hòm để trên một cái giàng hỏa dựng lên toàn bằng các loại cây trầm hương.

Khi ấy, các hoàng-gia Malla nghĩ rằng: "Hôm nay đã trễ quá rồi. Rất khó bề cử-hành lễ trà-tỳ²⁹ đặng. Vậy chúng ta nên hoãn lại ngày mai, rồi sẽ thiêu táng kim-thân". Tính xong, họ lại cúng dường, tôn-kính, sùng-bái kim-thân Đức Phật bằng những cuộc múa hát, kèn trống, bằng các vật thơm, bằng bông hoa. Họ lấy những bộ y và các tràng hoa, kết lại thành một cái kiệu đẹp đẽ, rực-rỡ ... Họ làm như vậy luôn cả ngày thứ nhì, rồi đến ngày thứ ba, thứ tư, thứ năm, thứ sáu.

Tới ngày thứ bảy, các ông hoàng Malla nghĩ rằng: "Chúng ta nên đem kim-thân Đức Thế Tôn ra phía ngoài thành, đến một chỗ thuộc về hướng nam, để chúng ta tôn-kính, sùng-bái, cúng dường Ngài bằng những cuộc múa hát, kèn trống, bằng bông hoa, chất thơm, và luôn dịp chúng ta sẽ cử-hành cuộc lễ trà-tỳ tại nơi ấy".

Rồi đó, tám ông hoàng Malla liền tắm gội sạch-sẽ, mặc y phục mới, xúm nhau khiêng kim thân Đức Thế Tôn, nhưng không làm cách nào đỡ lên nổi.

Họ liền bạch với Đức Anuruddha rằng: "Bạch Đại-Đức, chẳng hay tại duyên-cớ chi làm cho tám vị hoàng thân Malla, đã tắm gội sạch-sẽ, đã mặc y phục mới, mà không thể đỡ nổi kim thân Đức Thế Tôn để khiêng đi?"

Đức Anuruddha trả lời rằng: "Các ngài ôi! Vì ý-định của các ngài khác với ý-định của chư-thiên".

- "Bạch Đại-Đức, vậy chớ ý-định của chư-thiên là thế nào?"

- "Các ngài ôi! Ý-định của các ngài như vậy: "Chúng ta nên đem kim-thân Phật đến một nơi thuộc về hướng nam để hành-lễ hỏa-táng tại nơi ấy. Trái lại, các vị chư-thiên có ý-định rằng: "Chúng ta nên đem kim-thân Phật về phía bắc thành Kusinara. Theo cửa bắc, chúng ta kéo thẳng vào chính giữa thành rồi trở ra theo cửa thành tây. Chúng ta tôn-kính, sùng-bái, cúng dường kim-thân Ngài bằng những cuộc múa hát, kèn trống, bằng bông hoa, bằng những vật thơm, và luôn dịp chúng ta sẽ hộ-tống kim-thân vào thánh-địa Malla, tại Makutabandhana, thuộc về hướng tây, để chúng ta hành-lễ hỏa-táng".

Các vị hoàng-gia Malla bạch rằng: "Bạch đại-đức, chúng tôi xin làm theo ý muốn của chư-thiên".

Liền khi đó, trong khắp kinh-đô Kusinara, cho đến các nơi bản-thiếu như đường nương, hầm cống và những nơi rác rến, thấy-thấy đều có hoa tiên (Mandarava) từ hư-không rơi xuống, bao-phủ một lớp rất dày. Những chư-thiên trong các cõi trời, hoặc tại thế-gian này, và tất cả dân-cư Malla tại thành Kusinara, đồng cùng nhau tôn-kính, sùng-bái, cúng dường kim-thân Đức Thế Tôn bằng những cuộc múa hát, kèn trống, bằng bông hoa, bằng các vật thơm. Rồi kim-thân Phật được hộ-tống về phía bắc; do cửa bắc đi vào trung-tâm kinh-đô Kusinara và trở ra theo cửa thành tây, đem đến thánh-địa Makutabandhana của dòng vương-thất Malla và ngừng lại nơi đây.

Trong khi ấy, Đức Maha-Kassapa cùng với 500 thầy tỳ-khưu đang hành-trình trên con đường từ Kusinara để sang thành Pava. (Tới một chỗ nọ), Đức Maha-Kassapa tách ra khỏi đường cái, đến ngồi dưới một cội cây.

Ngay lúc đó, thấy một vị đạo-sĩ tu lỏa-thê từ xa đi đến, đại-đức Maha-Kassapa liền hỏi rằng: "Này bạn, chắc bạn có được biết đức thầy của chúng tôi chớ?"

- "Thật vậy, tôi đã được biết Ngài. Mà thầy Gotama đã tịch-diệt được bảy hôm rồi. Vì đó nên tôi mới có nhánh hoa tiên Mandarava này".

Khi nghe mấy lời ấy, trong những vị tỳ-khưu chưa diệt được phiền-não, có nhiều vị vẫy tay lên trời than khóc; có nhiều vị khác nhào lặn xuống đất, thất-vọng, kể-lẽ rằng: "Đức Thế Tôn diệt-độ sớm thật! Đức Thế Tôn nhập Niết-Bàn sớm thật! Ánh-sáng thế-gian tắt sớm thật!"

Trái lại, những vị tỳ-khưu nào đã diệt-tận phiền-não (arhat) thì rất bình-tĩnh, nhẫn-nại, trước cảnh ấy, vì các ngài nghĩ rằng: "Mỗi vật phối-hợp đều phải hư-rã. Không ai tài nào tránh khỏi sự tiêu-hoại đặng".

Khi ấy, trong nhóm tỳ-khưu, có thầy Subhada³⁰ là người được gia-nhập vào tăng-hội trong buổi lão-niên. Thầy tỳ-khưu Subhada nói với tăng-chúng như

vậy: "Hỡi các ngài! Các ngài chớ khóc than, đau khổ, làm chi. Chúng ta khỏi phải vương lầy ông đại sa-môn nữa. Đã lâu, chúng ta hằng bị bó buộc vì những lời khuyên-răn, dạy bảo của ông ta, như là: 'Các người hãy làm như thế này; các người hãy làm như thế kia'. Kể từ đây, chúng ta sẽ được tự-do làm theo sở-thích và chẳng làm theo điều nào không vừa ý chúng ta".

Nhưng Đức Maha-Kassapa lại nói với tăng-chúng rằng: "Hỡi các đạo-hữu! xin các đạo-hữu chớ có khóc than đau khổ. Đức Phật hằng giảng-giải rằng đó là lẽ tự nhiên. Những vật nào có liên-hệ với ta, những vật mà ta hằng thương yêu, triu-mến, tất nhiên chúng ta phải chia lìa, phải rời bỏ, phải bị mất chẳng sai. Nay các đạo-hữu, như vậy, vật nào có nguyên-nhân là sự sanh, sự tạo-tác, sự phối-hợp làm cho phát-khởi, thì không thể nào tránh khỏi sự hư-hoại. Cũng như thế ấy, một chúng-sinh không sao tránh khỏi sự diệt-vong đặng".

Khi ấy, bốn ông hoàng Malla tắm gội sạch-sẽ, mặc y-phục mới, hiệp nhau nổi lửa lên đốt giàn thiêu kim thân Đức Thế Tôn, nhưng họ không làm sao cho lửa bắt cháy được.

Các dân tộc Malla ở tại thành Kusinara bèn hỏi Đức Anuruddha rằng: "Bạch Đại-Đức, vậy chớ tại duyên-cớ nào?"

- "Hỡi các ngài, vì ý-định của chư-thiên khác với ý-định của các ngài".

- "Bạch Đại-Đức, vậy chớ ý-định của chư-thiên như thế nào?"

- "Hỡi các ngài, chư-thiên có ý-định như vậy: "Đức tôn-giả Maha-Kassapa, cùng với 500 chư thầy tỳ-khuru, đang hành-trình trên con đường từ Pava để trở về Kusirana. Giàn thiêu kim thân Đức Thế Tôn không thể phát hỏa trước khi Đức Maha-Kassapa được đánh lễ bàn chân Ngài".

- "Bạch Đại-Đức, chúng tôi xin làm theo ý-muốn của chư-thiên".

Khi ấy, tôn-giả Maha-Kassapa thân-hành đến Makutabhamdana, vào thánh-địa Malla, nơi mà người ta đã sắp đặt giàn hỏa để làm lễ trà-tỳ kim thân Đức Thế Tôn. Lúc đến nơi, ngài tề-chỉnh, khoác y lên vai, chấp tay, cúi đầu, đi quanh giàn hỏa thiêu ba vòng, rồi cung kính đánh lễ. Tiếp theo đó, 500 thầy tỳ-khuru, cũng tề-chỉnh, khoác y lên vai, chấp tay, cúi đầu, đi quanh giàn thiêu ba vòng, rồi cung-kính đánh lễ kim-thân Đức Thế Tôn.

Sau khi ngài Maha-Kassapa cùng 500 vị tỳ-khuru làm lễ kim-thân Đức Thế Tôn xong rồi, giàn thiêu mới phát hỏa.

Tất cả: da, thịt, ngũ-tạng, gân và các chất lỏng trong kim-thân Đức Phật đều tiêu tan hết, chẳng còn dấu vết gì trong đồng tro tàn than vụn. Chỉ còn lại có chất xương (xá-lợi) mà thôi.

Khi kim-thần Đức Thế Tôn cháy tan, thì dân-chúng Malla đem lại đủ thứ nước hoa để tưới lên giàn hỏa.

Rồi đó, các hoàng-gia Malla tại thành Kusinara đem xá-lợi Đức Thế Tôn để tại kim-ngân-điện, giữa đền vua. Xung quanh, có hai vòng quân-lính nai-nịt khí-giới hăn-hoi để canh giữ; và luôn-luôn như vậy, trong bảy ngày đêm, họ tôn-kính, sùng-bái, cúng dường xá-lợi Đức Phật bằng những cuộc múa hát, kèn trống bằng bông hoa và các vật thơm.

Trong lúc ấy, quốc-vương xứ Magadha (Ma Kiệt Đà) là Adjatasattu (A Xà Thế) hay tin Đức Thế Tôn nhập-diệt tại Kusinara. Ngài liền sai sứ-giả đến cho quốc-vương Malla biết như vậy: "Thuở trước, Đức Thế Tôn cũng thuộc dòng vương-giả như trẫm. Trẫm có quyền thọ lãnh một phần xá-lợi của Đức Thế Tôn đem về dựng lên một cái tháp để thờ phụng, và luôn dịp trẫm sẽ cử hành một cuộc lễ long-trọng đặng cúng dường xá-lợi ấy".

Tiếp theo đó, quốc-vương Licchavis tại thành Vesali, cũng hay tin Đức Phật nhập-diệt tại Kusinara. Ngài cũng sai sứ-giả chuyển đến vua Malla (mấy lời như đã nói trên).

Lần-lần những vị vua:

- Dòng Sakyas (Thích-Ca) ở Kapilavattu (Ca Tỳ La Vệ),
- Dòng Boulis ở Allatkappa,
- Dòng Koliyas ở Ramagama,
- Dòng Malla ở Pava,

và một vị Bà La Môn ở Vethadipa, đều xin như vậy cả.

Khi tiếp-kiến các sứ-giả của mấy nước kể trên xong rồi, các nhân-vật trong hoàng-tộc Malla, tại thành Kusinara, liền đứng lên bố-cáo cho công-chúng biết như vậy: "Đức Thế Tôn diệt-độ trong lãnh-thổ chúng tôi. Vậy chúng tôi không thể nào chịu rời xá-lợi ấy".

Lúc đó, vị trưởng-lão Dona đứng lên tuyên-bố rằng:

"Xin các ngài nghe tôi phân-giải đôi lời:

Đức Phật hằng khuyến-hóa các điều nhẫn-nại.

Vì lẽ ấy, chẳng nên làm cho sự phân chia bảo-vật

Của Đấng Trọn-Lành tới-thượng hơn tất cả chúng-sinh, Thành cơ-hội để
gây mầm binh-đao bạo-động.

Hỡi các ngài! Vậy chúng ta nên hòa-nhã cùng nhau,

Chia xá-lợi ra tám phần ổn-thỏa,

Để tạo ra thánh-tháp khắp nơi,

Cho người chiêm-ngưỡng ánh quang-minh bất-diệt".

Nghe xong, các vị hoàng-tộc Malla liền nói với trưởng-lão Dona rằng: "Vậy người hãy chia xá-lợi Đức Thế Tôn ra tám phần đồng nhau".

- "Tôi xin vâng lời các ngài".

Rồi đó, vị trưởng-lão Dona chia xá-lợi Đức Phật ra làm tám phần. Xong việc, ông ta nói với các vị hoàng-tộc Malla rằng: "Xin các ngài cho tôi cái ô đựng xá-lợi này; tôi sẽ dựng lên một cái tháp để hành-lễ cúng dường trọng-thể".

Các nhân-vật Malla liền trao cái ô không cho trưởng-lão Dona.

Nhưng sau cùng, các vị hoàng-tộc Moryas ở Pippalivāna cũng hay tin Đức Thế Tôn diệt-độ tại Kusinara. Họ cũng sai sứ-giả chuyển sang quốc-vương Malla mấy lời như vậy: "Thuở trước, Đức Thế Tôn cũng thuộc giòng vương-giả như chúng tôi. Chúng tôi có quyền thọ hưởng một phần xá-lợi Đức Phật đem về dựng lên một tháp để phụng thờ, và luôn dịp chúng tôi sẽ hành-lễ cúng dường xá-lợi ấy".

Sau khi biết rằng xá-lợi đã được chia xong rồi, họ đành hốt đồng tro tàn, đem về thờ-phụng.

Rồi đó:

- Đức vua xứ Magadha, là Adjatasattu, dựng lên tại thành Radjagaha (Vương Xá) một tháp và hành-lễ cúng dường phần xá-lợi của Ngài thọ lãnh;
- Các vị hoàng-tộc giòng Licchavis cũng dựng tháp và hành-lễ cúng dường tại thành Vesali;
- Các vị hoàng-tộc giòng Sakyas dựng tháp và hành-lễ tại thành Kapilavattu (Ca Tỳ La Vệ);
- Các vị hoàng-tộc Koliyas dựng tháp và hành-lễ tại thành Ramagama;
- Các vị hoàng-tộc giòng Bulis dựng tháp và hành-lễ tại thành Allakappa;
- Người Bà La Môn ở xứ Vedhadīpa dựng tháp và hành-lễ tại thành ấy;
- Các vị hoàng-tộc giòng Malla ở Pava dựng tháp và hành-lễ tại thành Pava;
- Các vị hoàng-tộc giòng Malla ở Kusinara dựng tháp và hành-lễ tại thành Kusinara;
- Vị trưởng-lão Dona dựng tháp và hành-lễ cúng dường cái ô đựng xá-lợi;
- Các vị hoàng-tộc Morisyas dựng tháp và hành-lễ cúng dường mớ tro quý tại thành Pippalivāna.

Tất cả có tám thánh-tháp phụng thờ xá-lợi, một cái phụng thờ ô đưng xá-lợi và một cái thờ tro (thieu táng kim-thân Đức Thế Tôn).

Công việc được sắp đặt an bài như thế ấy.

Như vậy thì:

"Trong tám phần xá-lợi của Đấng Hoàn-Toàn Giác-Ngộ,
"Của Bạc Tối-Thượng hơn tất cả loài người,
"Xứ Ấn Độ thọ hưởng bảy phần để cúng dường chiêm-ngưỡng;
"Phần thứ tám về hoàng-tộc Ramagama đảm-nhận;
"Một đức Dantha³¹ được phụng thờ tại cõi chư-thiên (Cung trời Đao Lợi);
"Một đức Dantha khác tại kinh-đô Ganghara;
"Một đức Dantha tại quốc-độ Kalinga;
"Một đức Dantha về phần Long Vương gìn giữ;
"Tất cả báu vật để làm bằng-chứng cho thế-gian sùng-bái cúng dường.
"Vì những cách cúng dường cao-thượng,
"Là phương-châm thành-kính Bốn Sư,
"Của những bậc quyền cao thế cả,
"Như chư-thiên, hoàng-tộc, long-vương.
"Vậy các người nên chấp tay phủ phục.
"Di-tích này thế mặt Cha Lành,
"Vì trải qua biết bao thế-kỷ,
"Rất khó bề gặp Phật giáng-sinh".

-- MĀHA PARINIBBĀNA SUTTA XVI

---o0o---

Sử-tích kết-tập Tam-tạng Pháp-bảo

"Phật Pháp có một phẩm vị, là sự giải-thoát, cũng như nước trong biển cả chỉ có một phẩm vị mặn mà thôi" -- Phật ngôn

Vài lời của soạn-giả:

Thế-thường, trong một gia-đình nhiều của đông con, thì làm sao cũng có đứa này đứa khác. Người cha, dầu cho nghiêm-khắc đến đâu, cũng không thể nào bắt-buộc chúng nó ăn ở theo khuôn-khổ cho được. Khi cha mẹ mãn-phần, có đứa muốn gìn giữ của phụ-âm cho nguyên- vẹn và sống theo cổ-tục. Đứa khác lại muốn chia sớt tài-sản cho mau để tự-do bay nhảy. Lắm lúc, trong thời song-thân còn tại thế, chúng nó đã để mắt lờm nhau vì những của-cải ấy.

Trong Phật-Giáo, mầm chia rẽ đã được ông Devadatta (Đề Bà Đạt Đa) khởi-xướng từ khi Đức Phật còn tại thế. Lúc kết-tập kỳ nhất, mầm chia rẽ

cũng đã phát-sinh trong vài trường-hợp không đáng kể. Mà chia rẽ là nguyên-nhân làm cho phát-sinh những sự bịa đặt, thêm bớt trong các Thánh Kinh, một tai-hại và là kẻ đại-nghịch của Phật-Giáo.

Vì bịa đặt mà một số đông người Ấn cho trận giặc tinh-thần được mô-tả trong quyển BHAGAVA-GITA là một cuộc chiến-tranh thật-sự, nên họ mới giết hại sinh-vật để tế-lễ.

Vì sửa đổi một vài chữ trong kinh veda mà nhóm Bà La Môn Giáo khu-khu chấp giữ phong-tục thiêu luôn người goá-phụ khi chồng chết.

Không hiểu các nhà bác-học diễn-giải Phật-Giáo ra thế nào mà những nhà sư: Tây Tạng, Nhật Bản, Mông Cổ, v.v. ... mang súng ra trận một cách tự-nhiên.

Không biết do ai dạy bảo mà một số người tu Phật Việt-Nam chúng ta lại nói rằng Phật cho phép uống rượu khi đau và sát hại những con vật nhỏ như: kiến, rệp, muỗi v.v. ... lúc nào cần-thiết.

Mấy điều kể trên chứng-tỏ rằng sự chia rẽ và thêm bớt trong kinh sách là một điều hại lớn. Nên chi các bậc tu-hành chân-chánh phải cần đến phương-pháp hội-hợp các bậc thiện-trí-thức để củng-cố nền Phật-Giáo Nguyên-Thủy.

Vì vậy mới có những cuộc tổ-chức Kết-Tập Tam-Tạng từ cổ chí kim.

* * *

Các kinh-diễn Nam-phạn (Pāli) có chép những kỳ-hội kết-tập tam-tạng theo những trường-hợp sau đây:

Kỳ kết-tập toàn-thể lần thứ nhất

(Khâu truyền) Lối bốn tháng sau khi Phật tịch, có 500 vị đại A-La-Hán nhóm họp tại thành Radjagaha (Vương Xá) dưới quyền chủ-tọa của Đức Maha-Kassapa (Đại-Đức Ca-Điếp).

Mục-đích của Hội: Số là, sau khi Đức Thế Tôn nhập Niết-Bàn, phần đông các bậc Thánh Văn cho rằng sự duy-trì kiếp sống của các ngài trên thế-gian này chẳng còn ý-vị chi nữa, nên khuyên nhau nhập Vô-Dur Niết-Bàn. Có bốn-phận gìn giữ Giáo Pháp, Đức Maha-Kassapa liền vội-vã thỉnh các thánh-tăng hội lại để củng-cố những lời di-huấn của Phật.

Kết cuộc: trong cơ-hội ấy, Đức Ananda (A-Nan) lập lại những câu Phật-Ngôn mà chính ngài đã được nghe Đức Thế Tôn thuyết ra, để kết-thành hai Tạng: Kinh và Luận. Còn Đức Upali thì công-bố các điều-học mà Phật đã cấm-chế hàng tăng-chúng để kết-thành Tạng Luật, gồm lại có 227 giới

chánh và nhiều giới phụ mà hiện nay Phái Theravada (Nguyên-Thủy) vẫn còn thọ-trì nguyên vẹn. Hội lại quyết-định chẳng sửa đổi những điều-học nhỏ-nhen mà Đức Phật đã cho phép trong lúc Ngài còn tại thế³².

Kỳ kết-tập toàn-thể lần thứ nhì

(Khẩu truyền) Cách kỳ trước lối 100 năm về sau, có 700 vị thánh-tăng nhóm họp tại thành Vésali, nhằm đời vua Asoka thứ I.

Mục-đích của Hội: Bàn cãi về việc sửa đổi và chế-biến thêm 10 điều học mới do nhóm tỳ-khưu Vajjiputra đề-xướng mà trong ấy có mấy điều-học quá dễ-dãi như việc cầm vàng bạc, được thọ-thực khi quá ngọ ... và mấy điều-học quá khổ-hạnh của ông Devadatta đã cầu xin Đức Phật thuở trước, nhưng bị Ngài bắt lời.

Kết cuộc: Chư thánh-tăng không chấp-nhận những điều canh-cải ấy. Phật-Giáo bị chia rẽ làm hai phái lớn kể từ đây:

- Phái "Trường-Lão Bảo-Thủ" (Sthavira-Theravada), có khi gọi là Thượng Tọa Bộ, nguyện thọ-trì giới y như lời Đức Phật dạy khi xưa;
- Phái "Đại Chúng Cải Cách" (Mahasangika), hay gọi là Đại Chúng Bộ, tổng-hợp các nhà sư với hàng cư-sĩ tại-gia, có mục-đích thay đổi và thêm bớt các điều-học cho dễ bề tu-hành và thu-thập tín-đồ.

Kỳ kết-tập toàn-thể lần thứ ba

(Khẩu truyền) Cách kỳ trước 118 năm về sau (lối 253 năm trước tây lịch) do hoàng-đế Asoka Đệ Nhị (vua Chuyển Luân Vương A Dục) triệu-tập. Có 1.000 thánh-tăng hội-họp tại đền vua trong thành Pātaliputra.

Mục-đích của Hội: Củng-cố Tam-Tạng Pháp-Bảo Nguyên-Thủy. Sa-thải các phần-tử xấu-xa trong tăng-hội. Phái những bậc Thịnh Văn sang các nước láng-giềng để truyền-bá chánh pháp.

Kết cuộc: Vô-số kẻ ngoại-đạo tự mặc áo cà-sa, mang bình bát trà-trộn vào trong hàng tăng-chúng để tìm cách nuôi mạng dễ-dàng, bị đức vua trục-xuất. Nhiều vị đại A La Hán được phái sang các xứ miền Bắc Ấn Độ như: Cachemire, Gandhara, Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Tây Tạng v.v. ... để truyền đạo. Cũng trong cơ-hội này, Đức Mahinda (con của vua A-Dục) đem Pháp-Bảo mà ngài đã thuộc nằm lòng trong kỳ kết-tập lần thứ ba, sang khẩu-truyền trên đảo Tích Lan.

Kỳ kết-tập địa-phương lần thứ tư

(Khẩu truyền) Do Đức Mahinda tổ-chức tại đảo Tích Lan trong thời-gian Ngài ngụ tại đó, cũng trong vòng thế-kỷ thứ ba trước Tây-lịch, với mục-đích củng-cố Tam-Tạng Pháp-Bảo tiếng Pāli của hội kết-tập kỳ thứ ba qui-định.

Kỳ kết-tập địa-phương lần thứ năm

(Chép ra văn-tự) Vào lối thế-kỷ thứ nhất trước Tây-lịch, do 500 vị A-La-Hán hội tại một ngôi chùa trong đảo Tích Lan (chùa này của đức Mahinda tạo thưở trước) nhằm trào vua Tích Lan Vatta-Gamani³³.

Mục-đích của Hội: Củng-cố Pháp-Bảo chân truyền và kết-tập Tam-Tạng ra văn-tự lần thứ nhất.

Kết cuộc: Hội quyết-định dùng chữ bôn-xứ (Tích Lan) để chép các kinh-điển đã được truyền-khẩu từ xưa đến nay bằng tiếng Pāli vào những tờ lá của một loại cây thốt-nốt trong xứ. Chính các Thánh-Kinh được kết-tập ra văn-tự kỳ này được lưu-truyền cho đến ngày nay trong những nước: Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Lào, Cao Miên, vân-vân ...

Kỳ kết-tập địa-phương lần thứ sáu

(Bằng chữ) Do Đức Buddhaghosa chủ-trương trên đảo Tích Lan, sau khi Phật diệt-độ được hơn 900 năm, với mục-đích canh-cải lại vài chỗ bất-đồng giữa kinh-điển Pāli/Magadha và kinh-điển Pāli/Tích Lan.

Từ ấy trở về sau, trong các nước tu theo Phật Giáo Nguyên-Thủy, như: Miến Điện, Tích Lan, Thái Lan, Lào, Cao Miên ..., thỉnh-thoảng có những cuộc tổ-chức kết-tập địa-phương để lo việc bảo-tồn Thánh Pháp cho đến 5.000 năm.

* * *

Trên đây, chỉ là những cuộc kết-tập Tam-Tạng theo truyền-thống Nguyên-Thủy, ngoài ra còn có những cuộc kết-tập Tam-Tạng theo truyền-thống Đại Chúng Bộ (Đại Thừa) được tổ-chức tại miền Bắc Ấn Độ.

---o0o---

HẾT

¹ Có nhiều hạng Phạm Thiên được hưởng tuổi thọ lâu hơn nhân-loại.

² Vua A Xà Thế.

³ Lời của Ngài A-Nan.

⁴ Ngày giới của Bà La Môn Giáo, mỗi tháng có 4 ngày như vậy, để cho các tín-đồ làm lễ tế thần bằng nước cam-lộ (Soma) hoặc bằng cách sát hại sinh-vật để lấy máu cúng dường.

⁵ Tu theo ngoại-đạo.

⁶ Xin được vật chi dùng vật nấy, không hành-động sai giới bôn của Đức Phật để nuôi mạng sống.

-
- ⁷ Trái cây nào mà hột còn có thể gieo trồng đặng.
- ⁸ Xin xem phép chánh-định của Đại-Đức Hộ-Tông.
- ⁹ Phép Minh-sát.
- ¹⁰ Trong kinh nói cái kho chứa đồ.
- ¹¹ Đức Phật không dùng tiếng ngươi đối với kẻ ngoại-đạo.
- ¹² Làm chủ điều-khiển được.
- ¹³ Tự chủ điều-khiển mình.
- ¹⁴ Bậc xuất-gia tu-hành.
- ¹⁵ Âm chỉ tất cả chúng-sinh còn mắc trong vòng sinh tử luân-hồi.
- ¹⁶ Âm-chỉ ông Siha, một vị thống-soái của vua xứ Licchavis.
- ¹⁷ Đạo-quả của 4 bậc thánh: Tu Đà Hườn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm và A La Hán.
- ¹⁸ Còn chấp ta.
- ¹⁹ Diệt được sự chấp ta.
- ²⁰ Đức A Nan.
- ²¹ Man rừng.
- ²² Làm vậy để dễ phi-tang
- ²³ Cho khỏi bị hại.
- ²⁴ Vì lúc trước Devadatta được hàng vương-giả bố-thí trọng-hậu, khỏi tri-bình.
- ²⁵ Lễ sám-hối giữa chư-tăng hai lần trong mỗi tháng.
- ²⁶ Đức Đề Thích.
- ²⁷ Đức A-Nậu-Đa.
- ²⁸ Đức A-Nan.
- ²⁹ Thiêu-táng.
- ³⁰ Không phải thầy Subhada được nhập-môn trong giờ chót của Phật.
- ³¹ Xá-lợi Răng.
- ³² Có kinh chép rằng thầy tỳ-khuru Purna cùng 500 môn-đệ vào phòng nhóm trẻ và tuyên-bố rằng ông ta chỉ hành theo những điều-học nào chính mình đã được nghe Đức Phật thuyết ra mà thôi. Đây là khởi đầu của mầm chia rẽ.
- ³³ Sau khi kết-tập thứ 5 tại đảo Tích Lan, hơn 100 năm, trên lục-địa Ấn Độ, đức vua Kanishka có triệu-tập tại kinh-đô Kudalavana (xứ Cachemire) một hội-nghị Kết-Tập để chép Tam-Tạng Pháp-Bảo ra tiếng Sanscrit (Bắc Phạn), một thứ tiếng gốc của Bà La Môn Giáo thường dùng. Bắt đầu từ đây, Phật-Giáo đã chia hẳn ra làm hai phái lớn: Tiểu-Thừa (Nihayana) và Đại-Thừa (Mahayana). Những danh-từ Đại-Thừa và Tiểu-Thừa được Bắc-Tông bịa ra để tự cho mình là lớn lao, cao-thượng và biếm nhẽ sự eo hẹp, thấp hèn của Nam-Tông. Và từ đó về sau, mỗi Tông đều tự-tiện nhóm họp để kết-tập riêng của mình. Bắc-Tông không nhìn-nhận kỳ kết-tập thứ 5 của Nam-Tông, cũng như Nam-Tông chẳng hề biết đến kỳ hội Kanishka vậy.